Số 33
Tháng 08/2013
GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
THERAVĀDA
Tạp Chí
PHẬT GIÁO
Nguyên Thủy

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Tạp chí PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY

Phát hành vào mỗi tháng

TỔNG BIÊN TẬP

Hòa thượng Thích Thiện Tâm

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

Thượng tọa Thích Bửu Chánh kiêm Trị sự

Đại đức Thích Thiện Minh kiêm Thư ký Tòa soạn

PHÓ THƯ KÝ

Cư sĩ Nguyễn Văn Bính

TRÌNH BÀY

TN. Quang Minh

Khánh Dương

PHÁT HÀNH

Liên hệ: Tòa soạn

ĐT: (08) 37290248

TÒA SOẠN

Chùa Bửu Quang

171/10 Quốc Lộ 1A, P. Bình Chiểu,

Q. Thủ Đức, TP. HCM

ĐT: (+848) 37290248 - 0903870370

Email: tapchiphatgiaonguyenthuy@gmail.com

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ

số 760/GP-BTTTT

ngày 28/05/2010 của Bộ TTTT

CHẾ BẢN VÀ IN TẠI

Xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng

100 Lê Đại Hành, P.7, Q.11, TP. HCM

ảnh bìa 1: Tôn giả Xá Lợi Phất thuyết pháp độ cho mẹ chứng đắc Thánh quả trước khi Ngài Niết bàn.

Trong số này

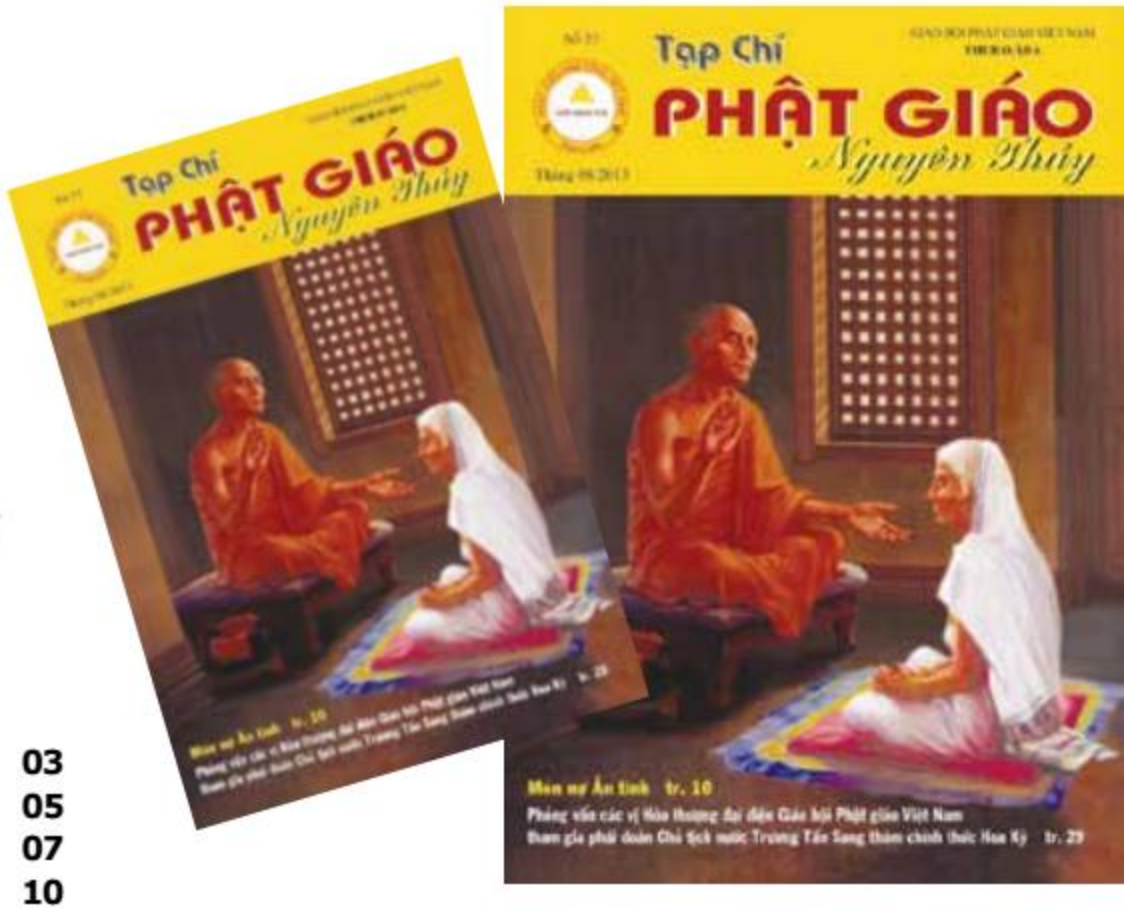

1. TIÊU ĐIỂM
- Con cái và Cha mẹ - Diệu Liên Lý Thu Linh 03
- Bóng Mẹ - Chơn Minh 05
- An cư Kiết hạ - TK. Thiện Minh 07
- Món nợ Ân tình - TK. Samādhipuñño 10

2. KINH TẠNG
- Đại kinh thí dụ Lõi cây - HT. Thích Minh Châu 12
- Nhân ngày lễ Vu Lan - HT. Thiện Tâm 13

3. LUẬT TẠNG
- Thọ giới - TK. Siêu Minh 14

4. THIỀN HỌC
- Thiền PG Nguyên thủy và Phát triển - HT. Viên minh 17

5. LUẬN TẠNG
- Đại cương Vi Diệu Pháp - Thích Tâm Quang 20

6. VĂN HÓA
- Tâm Hiếu - Nguyên Thọ BCT 22
- Mang Phật học vào thế giới hiện đại - Văn Công Hưng 23
- Myanmar các Tu viện tổ chức tu - Hoàng Lam 24
- Viếng thăm Myanmar - Nguyễn Mạnh Hùng 26

7. ĐỐI THOẠI
- Phỏng vấn các vị HT nhân chuyến thăm Hoa Kỳ 29

8. SUY NGẪM
- 19 câu nói về hạnh phúc - Haley 32

9. VĂN THƠ
- Vu Lan ca, Bước hành giả - Quảng Huyền 33
- Ngày đi, Ngày về - Ái Minh 33
- Lời Già - Kim Dung 34
- Mẹ Yêu - Trần Việt Thắng 35

10. PHẬT GIÁO TRONG ĐỜI THƯỜNG
- Kỹ năng và PP thuyết giảng - HT Thích Giác Toàn 36
- Chất lượng cuộc sống - NSND Bạch Tuyết 39
- Ba điều bất hạnh - ĐĐ Thiện Minh 40

11. VĂN HỌC PALI
- Các kỳ Kiết tập Kinh điển - Đăng Nguyên 43
- Kệ ngôn của Trưởng lão Puṇṇa - TT. Thiện Phúc 46

12. ẨM THỰC - DƯỢC THẢO
- 7 thực phẩm tốt cho Mắt - Eva.vn 48

13. LUẬT PHÁP
- Nghị định 92/2012 NĐ-CP 50

14. THEO DÒNG 52

CON CÁI VÀ CHA MẸ

Nhân mùa Vu Lan, chúng tôi xin trích dịch một phần nhỏ trong quyển Daughters & Sons, của Sư Ajahn Jayasaro để tặng các bậc cha mẹ và con cái Việt Nam.

Ajahn Jayasaro
Diệu Liên Lý Thu Linh (chuyển ngữ)

Tỳ kheo Jayasaro (thế danh: Shaun Chiverton) sinh năm 1958, tại Anh Quốc. Năm 1979, ông tham dự khóa thiền tích cực với Sư Sumedho.Tháng 9, năm đó ông đến Thiền viện Wat Pa Pong ở miền Đông Bắc Thái Lan, nơi ông đã thọ giới xuất gia với vị Thiền sư Trưởng lão nổi tiếng, ngài Ajahn Chah và tu học theo Truyền Thống Forest Tradition, là một truyền thống thuộc Phật giáo Nguyên Thủy.

Tôi nghĩ hẳn là mẹ tôi đã phải chịu bao khó nhọc khi mang thai tôi. Lúc đầu bà bị hành buồn nôn mỗi sáng, thời gian sau thì đi đứng trở nên khó khăn. Mọi chuyển động đều đau đớn và không thuận lợi. Nhưng mẹ tôi đã chấp nhận cái khổ này, vì bà tin rằng có điều gì đó rất đáng công, và điều gì đó chính là tôi.Khi còn nhỏ, việc gì tôi cũng phải nhờ đến cha mẹ, vậy mà không hiểu sao tôi coi chuyện đó là bình thường phải đâu bổn phận của họ là phải cung cấp, cưu mang, còn tôi chỉ có quyền nhận? Sau này, tôi có duyên được tu tập theo Phật giáo để phát triển một nơi nương tựa thực sự ở bên trong, vì cha mẹ tôi đã tạo cho tôi một chỗ nương tựa bền vững, đáng tin cậy ở bên ngoài khi tôi còn trẻ. Họ đã thiết lập cho tôi một nền tảng vững bền để tôi có thể toàn tâm toàn trí tu tập, chiến đấu với uế nhiễm.

Năm 20 tuổi, tôi đến Thái Lan để thọ giới xuất gia. Cha mẹ tôi không phản đối vì họ muốn cho con trai có thể sống theo ý của nó muốn và được hạnh phúc. Cha mẹ tôi đã chấp nhận việc này và buông bỏ tất cả mọi kỳ vọng họ đã đặt vào tôi. Năm ngoái, mẹ tôi đã thú nhận rằng ngày tôi ra đi là ngày buồn nhất trong đời của mẹ. Nghe vậy tôi rất xúc động. Điều gây ấn tượng ở tôi là mẹ đã rất chịu đựng và che giấu nỗi khổ đau này suốt hai mươi năm, vì mẹ không muốn tôi phải bứt rứt vì chuyện này.

Sau khi đã trở thành một tu sĩ, đôi khi tôi không thể không tự trách mình. Khi còn sống bên cạnh mẹ cha, mỗi ngày tôi đều có cơ hội để làm điều gì đó, hầu đáp lại chút tình thương mà họ đã dành cho tôi, nhưng tôi hầu như chẳng làm gì cả. Giờ tôi ước muốn bày tỏ lòng biết ơn bằng trăm ngàn cách thì lại không thể, vì tôi đã là tu sĩ và sống cách xa họ

hàng ngàn dặm. Thật đáng trách. Tôi chỉ còn có thể làm những gì mà các vị tu sĩ vẫn làm hơn hai ngàn năm nay, là rải tâm từ đến cho họ mỗi ngày.

Ở Thái Lan chúng tôi thường nghĩ tưởng đến "boon khoon" (công ơn) cha mẹ. Boon Khoon là niềm tin rằng mỗi khi ta nhận được sự giúp đỡ, lòng tử tế của ai đó nhất là khi được ban tặng là chúng ta đã mang một cái ơn. Thiện nhân là người biết trọng ơn nghĩa, và ơn nghĩa sâu dày nhất trong tất cả mọi ơn nghĩa là ơn nghĩa đối với cha mẹ. Đức Phật đã dạy chúng ta phát triển lòng biết ơn sâu sắc đến với cha mẹ, và ý hướng đáp trả ơn cha mẹ bằng những phương cách tốt nhất mà chúng ta có thể thực hiện.

Lúc nhỏ, tôi đã không được dạy dỗ về các giá trị này. Dĩ nhiên, trong nền văn hóa phương Tây cũng có tình thương yêu, gắn bó giữa cha mẹ và con cái, nhưng nói chung sự quan tâm, lòng biết ơn lẫn nhau thường ít được coi trọng. Trong khi các giá trị khác như là tự do cá nhân, tính tự lập thì lại được chú trọng hơn. Tình cảm thâm sâu, gắn bó giữa cha mẹ và con cái có thể cũng được nhiều người cảm nhận, nhưng nó không được truyền thông rộng rãi như một đạo lý chung trong xã hội như trong văn hóa Phật giáo, thí dụ như ở Thái Lan.

Việc chúng ta phải coi trọng công ơn cha mẹ có thể được tìm thấy trong giáo lý của Đức Phật về Chánh kiến trong đời sống thế tục, nền tảng giúp ta hiểu điều này điều nọ trong cuộc sống. Trong kinh điển Pāli, Đức Phật dạy rằng ta phải tin rằng cha ta là thật, mẹ ta là thật. Có thể bạn sẽ bỡ ngỡ khi đọc điều này phải không? Tại sao Đức Phật phải dạy chúng ta một điều quá hiển nhiên? Có ai không biết rằng mình được sinh ra trong cõi đời này là vì cha mẹ mình thực sự có?

Chúng ta cần phải hiểu rằng những lời dạy đó chỉ là ẩn dụ thôi. Điều Đức Phật muốn dạy là chúng ta cần phải biết rằng có một ý nghĩa đặc biệt trong quan hệ giữa cha mẹ và con cái, một ý nghĩa mà ta phải chấp nhận và tôn trọng. Mối liên hệ giữa cha mẹ và con cái thật sâu sắc và huyền bí. Đức Phật dạy rằng không có nghiệp báo nào nặng hơn hành động giết cha hay mẹ. Trong từ ngữ Pāli đó là anantariya kamma – nghiệp này nặng nề đến nỗi người gây nghiệp không thể nào tránh khỏi những hậu quả gớm ghê, dầu người đó có thật tâm hối hận đến mức độ nào. Như thế khi Angulimala có thể trở thành một vị A-la-hán dầu đã giết 999 người, thì điều đó sẽ không thể xảy ra nếu ông giết chỉ một người, mà người đó là cha hay mẹ ông.

Đức Phật không dạy về mối liên hệ thâm sâu này như là một phương tiện thiện xảo để quảng bá các giá trị trong đời sống gia đình. Nhưng đó là một chân lý vượt thời gian mà Ngài đã khám phá ra và sau đó truyền dạy lại vì lợi ích của chúng sanh. Giáo lý quan trọng đó dạy rằng, mối liên hệ giữa cha mẹ và con cái rất sâu dày và có thể đã diễn ra qua nhiều kiếp sống. Do đó, chúng ta phải chấp nhận, tôn trọng, và gìn giữ mối liên hệ đó.

Tóm lại, có thể nói rằng được sinh ra trong kiếp này là để chúng ta tiếp tục "Bổn phận còn dang dở" đối với mẹ cha. Có khi công việc còn dang dở này được thể hiện ra một cách không tốt đẹp, như khi đứa bé bị cha mẹ bỏ rơi, hay bị cha mẹ bạo hành thân xác hay tâm hồn. Có những hoàn cảnh như thế, và dường như ngày càng nhiều hơn. Nhưng những điều tệ hại mà cha mẹ có thể mang đến cho con cái như thế cũng không xóa bỏ được mối liên hệ thâm sâu này. Kiếp sống này chỉ như là một cảnh trong vở tuồng nhân sinh dài dằng, chúng ta không biết điều gì đã xảy ra trong những kiếp quá khứ. Sống trong một xã hội nhân ái, dĩ nhiên chúng ta phải làm mọi cách để bảo vệ trẻ em khỏi bị xâm phạm. Chúng ta phải tỏ rõ việc không thể chấp nhận những điều đó, và phải đối xử với các bậc cha mẹ phạm tội này đúng theo quy luật xã hội hiện hành. Nhưng đồng thời chúng ta cũng phải bảo vệ tâm khỏi sự sân hận và thất vọng bằng cách tự nhắc nhở rằng, chúng ta chỉ thấy một phân cảnh ngắn của một vở trường kịch, mà phần lớn đều xa tầm mắt nhìn của ta. Quán chiếu dựa trên chân lý này giúp nạn nhân của những việc bạo hành, xâm phạm có thể tìm được phương cách để tha thứ cho những người có liên quan (xem tiếp trang 6).

ảnh "NSND Kim Cương bên bàn thờ Mẹ" trong buổi Triển lãm ảnh

Mai Thu Huyền - Tổng giám đốc Tincom Media (bìa trái) tặng hoa cho các nghệ sỹ có tác phẩm tham gia triển lãm.

HT Thiện Tâm và bà Trương Mỹ Hoa khai mở quyển Kinh Pháp cú có chiều ngang 1,6m, chiều dài 2,1m.

BÓNG MẸ

Mùa Vu Lan - Báo Hiếu 2013

Chơn Minh

Tối ngày 10 tháng 08 năm 2013 lúc 17 giờ 30 phút tại Nhà hát Quân Đội số 140 đường Cộng Hòa quận Tân Bình đã diễn ra buổi Triển lãm và Biểu diễn nghệ thuật mừng lễ Vu Lan Báo Hiếu với chủ đề "Bóng Mẹ" do Hội Hữu nghị Việt Nam - Campuchia TP. HCM, Công ty TNHH Tincom Media, Trung tâm Văn hóa Doanh nhân Việt Nam (VCCI) chi nhánh phía Nam, chùa Từ Quang, Tạp chí Văn hóa Doanh nhân và ấn phẩm Phật giáo và Doanh nhân phối hợp tổ chức để nhiệt liệt chào mừng 68 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9, kỷ niệm 66 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ. (27/7/1947 - 27/7/2013) và đại lễ Vu Lan Báo Hiếu (PL.2557).

Chương trình gồm ba hoạt động chính: Triển lãm tranh - ảnh với chủ đề Tình mẫu tử gồm 60 bức ảnh nghệ thuật chân dung về mẹ (nghệ sĩ, doanh nhân chụp cùng mẹ), 30 ảnh nghệ thuật về hoa sen của nghệ sĩ nhiếp ảnh Xuân Anh; bên cạnh đó là một số kinh, thư pháp của thầy Thích Giác Thiện, chùa Từ Quang, Bình Chánh, nhà thư pháp trẻ nổi tiếng Nguyễn Đăng Học với ấn phẩm kinh Pháp Cú, kích thước lớn, bìa sách làm bằng gỗ và tranh gạo của Huỳnh Duy...; chương trình ca nhạc "Bông hồng cài áo" với các ca khúc về mẹ do các ca sĩ nổi tiếng của thành phố như Nguyễn Phi Hùng, Phi Nhung, Thùy Dung cùng các ca sĩ trẻ, đồng thời phát hành tập sách ảnh nghệ thuật "Bóng Mẹ" của nhiếp ảnh gia Xuân Anh.

Tham dự trong chương trình Triển lãm và biểu diễn nghệ thuật gồm Chư Tôn Đức Tăng Ni các tự viện trong TP. HCM và các tỉnh lân cận, các đại biểu khách mời như Bà Trương Mỹ Hoa, nguyên Bí thư TƯ Đảng, nguyên Phó Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Ông Sim Sokhom, Tổng Lãnh sự Vương quốc Campuchia tại TP. HCM. HT Thích Thiện Tâm, Phó Chủ tịch HĐTS GHPGVN, Phó BTS GHPGVN TP. HCM, Phó Chủ tịch Hội Hữu nghị Việt Nam - Campuchia TƯ & TP. HCM. Tiến sĩ Trương Minh Nhựt Vụ trưởng Ban Tuyên giáo TƯ, Chủ tịch Hội Hữu nghị Việt Nam - Campuchia TP. HCM. Bà Mai Thu Huyền, Tổng Giám đốc Tincom Media đơn vị thực hiện Chương trình văn nghệ Vu Lan chủ đề "Bóng Mẹ", góp phần cho sự thành công của buổi Triển lãm và biểu diễn là sự tham dự của các Đại biểu UBND TP. HCM, Đại diện Lãnh đạo các Sở Ban ngành TP. HCM, Đại diện Liên hiệp các Tổ chức Hữu nghị TP. HCM, Đại diện các Hiệp hội Doanh nhân tại thành phố, các doanh nghiệp và các Văn nghệ sĩ các cơ quan thông tấn Báo chí và Đài Truyền hình.

Khai mạc buổi Triển lãm tranh và Thư pháp cùng Đại ấn phẩm quyển Kinh Pháp Cú, Ban Tổ chức có đôi lời giới thiệu các nghệ nhân tham gia buổi Triển lãm là Nhiếp ảnh gia Xuân Anh, nhà thư pháp trẻ Đăng Học, nghệ nhân Huỳnh Duy v.v... Trong buổi Triển lãm HT. Thiện Tâm đọc những câu kinh Pháp Cú bằng tiếng Pāli và giải thích ý nghĩa tâm linh của Kinh Pháp Cú, Ngài và toàn thể chư Tăng tham dự đều tụng kinh phúc chúc đến các thành viên tham dự buổi lễ. Sau đó là buổi biểu diễn văn nghệ. Mở đầu đêm biểu diễn, TS Trương Minh Nhựt đọc diễn văn khai mạc nói lên ý nghĩa nhân bản và mục đích của buổi Triển lãm và Biểu diễn Nghệ thuật chủ đề "Bóng Mẹ" nhân ngày Vu Lan Báo Hiếu, một nét văn hóa truyền thống của Dân tộc Việt với những

giá trị tâm linh thiêng liêng bất diệt là "Tình Mẹ" để nâng cao giáo dục ý thức cho thế hệ trẻ về công ơn dưỡng dục sinh thành, lòng biết ơn yêu mến Ba mẹ, lòng yêu Tổ quốc và Dân tộc, phát triển tinh thần "Lá lành đùm lá rách". HT. Thích Thiện Tâm ban những lời pháp nhủ về ý nghĩa ngày Đại lễ Vu Lan Báo hiếu, ý nghĩa chữ Hiếu theo quan niệm của Phật giáo. Chương trình văn nghệ đã phục vụ nhiều tiết mục hát múa được dàn dựng công phu, những bài hát hay về mẹ như "Huyền thoại mẹ" (Trịnh Công Sơn), Lòng mẹ (Y Vân), Ơn Nghĩa sinh Thành (Dương Thiệu Tước) v.v...

Được biết Chương trình triển lãm và biểu diễn nghệ thuật mang tên "Bóng mẹ" diễn ra ngày 10-8 tại Nhà hát Quân đội TP. HCM, được thu hình và phát sóng vào đúng ngày lễ Vu lan (nhằm ngày 21-8) trên các kênh truyền hình An Viên, Thuần Việt, HTVC Phụ nữ và số tiền thu được từ chương trình sẽ được chuyển đến Giáo hội Phật giáo, Hội Hữu nghị Việt Nam - Campuchia để xây 10 căn nhà tình thương cho dân nghèo, trong đó ưu tiên những người mẹ có con hy sinh tại chiến trường Campuchia, người Việt nghèo trở về từ Campuchia, người dân tộc Khmer nghèo, gia đình cán bộ chiến sĩ từng công tác tại Campuchia đang gặp khó khăn trong cuộc sống.

Chương trình kết thúc lúc 22 giờ cùng ngày. Cơn mưa ngoài trời như trút nước tưởng chừng như nước mắt của những đứa con hiếu thảo đang tuôn rơi vì nhớ mẹ ngày Vu Lan và những giọt nước mắt xa xôi của các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng khóc vì xa nhớ con mình đã hy sinh trên chiến trường Campuchia phía Tây Nam tổ quốc trong quá khứ lịch sử hào hùng đấu tranh để bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

(tiếp theo trang 4)

May thay, có rất ít các bậc cha mẹ hoàn toàn nhẫn tâm với con cái. Phần đông, như các kinh điển đã nói, cha mẹ đều như các đấng Phạm Thiên đối với con cái, với tình thương yêu không lay chuyển, với tâm từ bi và niềm hoan hỷ. Trong một số kinh, Đức Phật đã dạy chúng ta làm thế nào để đáp trả tấm lòng trời biển của cha mẹ.

Đức Phật thuyết rằng nếu có người muốn trả ơn cha mẹ bằng cách cõng cả hai lên vai, cả trăm năm, tận tụy phụng dưỡng họ, đầu họ có tiểu tiện trên vai; hoặc dâng tặng cho cha mẹ bao của cải, mang đến cho cha mẹ bao chức quyền, địa vị cao sang – dầu người con có thể làm tất cả những điều này cho cha mẹ, người đó vẫn chưa thể bù đắp cho những gì mà cha mẹ đã làm cho họ.

Tuy nhiên, nếu cha mẹ không có, hoặc ít có lòng tin vào Phật pháp, thì người con có thể khơi dậy lòng tin đó nơi cha mẹ, hoặc nếu cha mẹ không biết tuân giữ giới hoặc trì giới không nghiêm mật mà người con có thể giúp cha mẹ chuyển đổi, sống đạo đức: thí dụ người con có thể giúp cha mẹ keo kiệt tìm được niềm vui trong việc bố thí, giúp đỡ người khác hay giúp cha mẹ phát triển trí tuệ để chiến thắng tâm uế nhiễm, chấm dứt khổ đau, thì người con đó đã hoàn thành được những nhiệm vụ được coi là thực sự trả được công ơn mà người đó đã mang đối với cha mẹ.

Cách hành xử của con cái đối với cha mẹ thay đổi theo từng gia đình, vì điều đó tùy thuộc vào nhiều yếu tố; thí dụ như số con cái trong gia đình, độ tuổi của con cái; con cái còn sống trong gia đình hay đã ra riêng, ở gần hay ở xa cha mẹ, v.v...

Khi cha mẹ già yếu, người con có hiếu phải chăm sóc họ. Nếu thực sự điều này không khả thi (chứ không phải là viện lý do), thì họ phải thăm viếng cha mẹ thường xuyên, hay chí ít cũng phải gọi điện thoại hay viết thư thăm hỏi cha mẹ đều đặn, cũng như thông tin cho cha mẹ biết cuộc sống của mình thế nào. Biết rằng con cái vẫn tưởng nhớ, quan tâm đến mình là liều thuốc có thể mang đến cho cha mẹ tâm bình an, liều thuốc này còn hiệu lực hơn cả các loại thuốc do bác sĩ kê toa. Chúng ta phải giúp đỡ cha mẹ trong tất cả khả năng của mình. Khi cha mẹ đau yếu, nếu ta có thể giúp tiền chữa bệnh thì quá tốt, nhưng nếu ta nghèo, không thể làm điều đó thì hãy mang đến cho cha mẹ những gì ta có – thí dụ như thời gian. Hãy ngồi bên họ, đọc cho họ nghe hay chăm sóc họ theo cách tốt nhất mà chúng ta có thể làm (thí dụ tắm rửa, làm vệ sinh, đút ăn hay bóp tay bóp chân cho họ) những việc làm này đối với cha mẹ đôi khi còn giá trị hơn tiền bạc hay bất cứ món quà vật chất nào mà ta dành tặng cho họ.

AN CƯ KẾT HẠ

TK. Thiện Minh (dịch)
(tiếp theo)

Có những trường hợp khác nữa ta cũng có thể lên đường, ngay cả trong tình huống không được yêu cầu – hơn thế nữa, nếu ta được yêu cầu – nếu bất kỳ tình huống nào sau đây xảy đến liên quan đến vị tỳ khưu đồng nghiệp, liên quan đến vị tỳ khưu ni, đến vị nữ đang trong thời gian thử thách, đến vị sa-di nam giới, vị sa-di nữ giới, và ai đó ta dự định phải được trợ giúp.

Vị đó ngã bệnh,

Vị đó rơi vào tình huống bất mãn với cuộc sống giới đức,

Vị đó rơi vào tình huống lo âu về khả năng có thể phá giới, hay

Vị đó rơi vào tà kiến (ditthigata, thường thường là một ý kiến cố định liên quan đến một vấn đề không đáng phải được giải thích – xin đọc M.72.

Hơn thế nữa, trong tình huống của vị tỳ khưu hay tỳ khưu ni, ta phải lên đường ngay nếu vị đó mắc phải lỗi phạm Tăng Tàn (sanghadisesa) và cần đến sự trợ giúp trong những bước tiếp theo dẫn đến cải huấn, và sắp sửa trở thành đối tượng phải bị Tăng chúng áp đặt kỷ luật hành chánh. Trong tình huống của một vị đang trong giai đoạn thử thách là nữ giới, ta có thể lên đường trợ giúp nếu như đương sự đã phá vỡ việc học giới và gián đoạn việc tu học. Trong trường hợp của vị sa-di hay vị đang trong giai đoạn thử thách là nữ giới, ta có thể lên đường trợ giúp vị đó muốn xác định tính chất thích hợp của họ để nhận thọ giới hay muốn được thọ giới. Trong tình huống một vị sa-di nữ giới ta có thể lên đường trợ giúp nếu vị này yêu cầu ta xác định tính chất thích hợp để nhận thọ giới hay muốn được thọ giới. Trong tình huống của một vị sa-di nữ giới, ta có thể lên đường trợ giúp nếu vị đó muốn ta xác định tính chất hợp pháp của vị đó để trở thành một người trong giai đoạn thử thách nữ giới hay để theo đuổi việc tu học của một người đang trải qua giai đoạn thử thách là nữ giới.

Nếu cha mẹ ta ngã bệnh, ta có thể lên đường ngay cả khi không được sai đi, nếu được yêu cầu thì khỏi cần nói, nếu bất kỳ người họ hàng nào khác của ta ngã bệnh nặng, hay nếu người nào đó sống nhờ vào chư vị tỳ khưu lâm bệnh nặng, ta có thể lên đường trợ giúp nếu được yêu cầu, bằng không thì thôi.

Trong tất cả những tình huống ta có nên lên đường trợ giúp nếu không được yêu cầu, Luật tạng miêu tả nhân vật trong cuộc sai đến một sứ giả với một lời mời dành cho chư vị tỳ khưu phải đến trợ giúp. Cho dù tập Chú giải lưu ý rằng lời mời không nhất thiết phải được phép lên đường. Ngay cả nếu như có sứ giả hay không được sai đến, thời ta vẫn có thể đi công việc trong vòng bảy ngày, chúng ta lên đường với mục đích trợ giúp như vậy.

Cuối cùng, ta có thể lên đường làm công việc cho Tăng chúng. Ví dụ được ghi lại trong khoản Luật tạng như sau: Một nơi an cư của Tăng chúng rơi vào tình trạng ọp ẹp hư nát và một đạo hữu người đời đã lấy đi tài sản từ nơi an cư đó và cất giấu an toàn trong rừng. Đạo hữu đó yêu cầu chư vị tỳ khưu hãy đến và nhận lại số tài sản đó để đem đến một nơi an toàn hơn, những ví dụ ghi lại trong tập Chú giải như sau: Ta có thể lên đường trợ giúp công việc xây dựng một điện thờ, một sảnh, hay ngay cả môt căn chòi cho một cá nhân vị tỳ khưu nào đó. Tuy nhiên, ví dụ vừa nêu vì là công việc cá nhân hơn là việc tập thể Tăng chúng – hình như nằm ngoài ý định của Luật tạng.

Rơi vào tiêu đề đi công việc trong vòng bảy ngày, tập Chú giải còn đưa ra một vài sự cho phép ngoại lệ được chấp nhận là không xuất phát từ

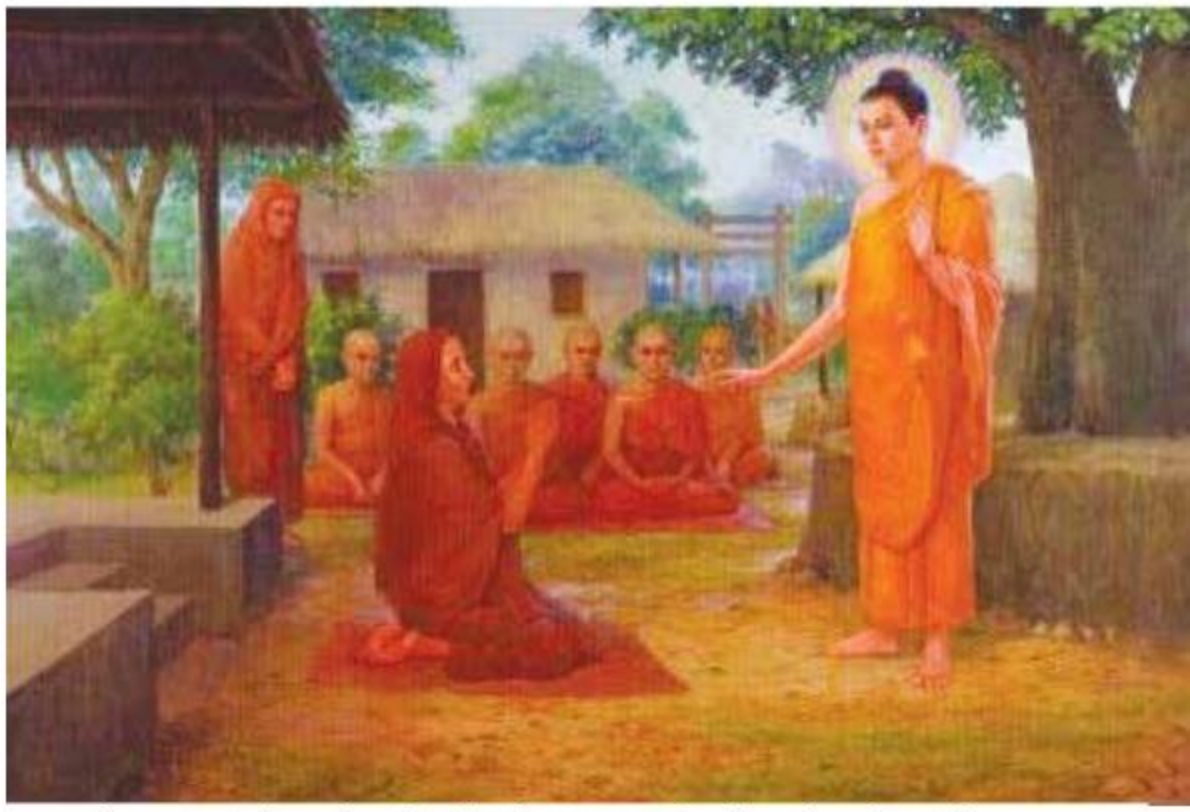

Mùa an cư thứ 5: Đức Phật đã nhập hạ tại ngôi Trùng các giảng đường (Kūṭāgārasālā) ở Đại Lâm (Mahāvana) gần kinh thành Xá Vệ (Vesāli). Trong mùa an cư này, Dì mẫu Mahāpajāpatigotamī cùng với 500 Thích nữ đã tự cạo tóc đắp y, đi bộ từ Kapilavatthu đến Vesāli để xin Đức Phật cho nữ giới xuất gia.

Luật tạng. Trước An cư mùa mưa nếu một nhóm chư vị tỳ khưu đã ấn định một ngày dành cho cuộc họp trong mùa mưa - bối cảnh của sự cho phép tập Chú giải gợi ý rằng cuộc họp phải là nghe bài nói chuyện về Phật Pháp – ta có thể coi như là công việc trong vòng bảy ngày, nhưng nếu như không phải là ý định ra đi của chúng ta chỉ đơn giản là để giặt giũ đồ đạc của mình. Tuy nhiên, nếu đạo sư của ta sai ta đi vì bất cứ mục đích nào, (tập Chú giải phụ cho rằng) ta có thể coi như là đi công việc trong vòng bảy ngày. Nếu ta đến một thiền viện không xa mấy, có ý định quay trở về trong ngày, nhưng vì lý do nào đó ta không thể quay trở lại đúng giờ, ta có thể coi đó là công việc trong vòng bảy ngày. Ta không thể dùng sự cho phép bảy ngày này để tụng kinh hay hỏi han – có nghĩa là ghi nhớ thuộc lòng hay tìm hiểu ý nghĩa Phật Pháp. Tuy nhiên, nếu ta lên đường với mục tiêu thăm viếng đạo sư và quay trở về trong ngày, nhưng đạo sư lại yêu cầu ta ở lại, thời ta cũng được phép ở lại. Ở đây, tập Chú giải phụ ghi thêm ta có thể lưu lại lâu hơn bảy ngày mà không phạm giới, tuy nhiên, việc An cư mùa mưa của ta có thể bị phá vỡ và những cho phép này không có cơ sở trong Luật tạng, và nhiều Tăng chúng không công nhận tính hợp pháp của việc cho phép này.

Tập Chú giải lưu ý, bằng trích một đoạn trong Mv. III. 14.6, là chúng ta có thể lên đường đi công việc trong vòng bảy ngày vào ngày đầu tiên của mùa mưa, và hình như không có giới hạn số thời gian ta có thể ra đi làm công việc trong bảy ngày trong suốt ba tháng tiếp theo. Điều này ở ngoài khả năng ta có thể tham dự An cư mùa mưa ở nhiều nơi hơn là chỉ một nơi. Thay phiên những giai đoạn ngắn khác nhau ở một nơi an cư này và rồi đến một nơi an cư khác. Chúng ta sẽ nói tới ý nghĩa khả năng này ngay dưới đây. Mv. III.14.7 chỉ rõ cho thấy nếu ta lên đường đi công việc ít hơn bảy ngày trước khi kết thúc An cư mùa mưa, không nhất thiết ta phải quay trở về.

Chẳng có bản văn nào cho thấy việc ngoại lệ trong trường hợp vị tỳ khưu lên đường đi công việc một cách hợp pháp trong bảy ngày và dự định quay trở lại đúng thời gian, lại kết thúc bằng cách ở lại bên ngoài hơn bảy ngày. Hoặc là do quên hay do những tình huống vượt quá tầm kiểm soát của vị đó. Nói cách khác, dẫu vị đó cố ý hay không, nếu vị đó ở ngoài quá giới hạn bảy ngày, vị đó phá vỡ bổn phận An cư mùa mưa của mình và dẫn đến phạm giới.

Những trở ngại: Ngoại lệ thứ hai đối với khoản luật liên quan đến thời gian đó là vị tỳ khưu có thể phá vỡ việc An cư mùa mưa của mình vào bất kỳ thời điểm nào nếu xảy ra những trở ngại hợp lý để làm như vậy. Vị đó không mắc phạm giới, nhưng chỉ bỏ qua quyền được hưởng những đặc quyền đem lại với việc hoàn tất an cư mùa mưa.

Mv.III.9.1-11.13 đưa ra một danh sách rất dài những trở ngại hợp lý mà tập Pv.VI.4 chia ra thành bốn loại: Loại nguy cơ đối với cuộc sống, những nguy cơ đối với cuộc sống giới đức, chia rẽ trong Tăng chúng, và đe dọa chia rẽ trong Tăng chúng.

Nguy cơ cho cuộc sống. Chư vị tỳ khưu có thể phá vỡ An cư mùa mưa mà không bị phạm giới nếu họ:

- Bị thú dữ tấn công liên miên có thể vây bắt và tấn công họ;

- Bị những sự vật từ từ tấn công liên miên có thể đầu độc và tấn công chư vị đó;

- Bị những tên tội phạm rình rập trộm cướp và đánh đập chư vị đó;

- Bị ma quỷ ám ảnh và đem chư vị đó đến nơi khác.

Liên quan đến các thú dữ, tập Chú giải nhận định rằng "vây hãm và tấn công" cũng bao gồm cả những tình huống, trong đó thú dữ sau khi đã bao vây, xua đuổi, làm khiếp sợ, hay giết chết người nào

đó trong vùng lân cận.

Ngay cả nếu ngôi làng chư vị tỳ khưu đến An cư mùa mưa bị hỏa hoạn thiêu rụi hay bị lũ lụt cuốn trôi, và ngay cả chư vị tỳ khưu không thể khất thực đủ ăn; hay nếu nơi an cư của chính các vị đó bị hỏa hoạn thiêu rụi, bị lũ lụt cuốn trôi, không còn đủ nơi an cư, chư vị đó có thể rời bỏ nơi đó mà không dẫn đến phạm giới.

Nếu chư vị tỳ khưu tùy thuộc vào ngôi làng để trải qua mùa mưa di chuyển đến nơi mới, chư vị đó có thể đi theo. Nếu ngôi làng bị tan rã, chư vị đó có thể đi đến một vị trí khác mà đa số cư dân trong làng đi tới hay đến một vị trí nào đó có các đạo hữu hỗ trợ họ đến. Tuy nhiên, tập Chú giải đề nghị rằng nếu ngôi làng chỉ tạm thời di chuyển trong một khoảng cách ngắn và vẫn còn nằm trong phạm vi có thể đến đó khất thực được, chư vị đó nên lưu lại chỗ cũ. Nếu ngôi làng di chuyển đến nơi xa hơn hết, thời ta có thể di chuyển theo ngôi làng đến địa điểm mới. Nhưng phải cố quay trở về vị trí cũ mỗi

Đại đức Ānanda vào xin Đức Phật cho nữ giới xuất gia.

bảy buổi sáng để giữ trọn luật An cư mùa mưa. Nếu điều đó không thể, ta nên lưu lại với chư vị tỳ khưu thân hữu tại vị trí mới nơi ngôi làng di chuyển đến.

Nếu chư vị tỳ khưu không kiếm đủ lương thực cho nhu cầu của mình; hay nếu lương thực quá dồi dào song không thích hợp cho chư vị đó; hay nếu lương thực quá dồi dào song cũng thích hợp cho chư vị đó; nhưng họ không nhận được thuốc chữa bệnh thích hợp; từ nơi ở đó họ không nhận được những trợ giúp thích hợp. Chư vị đó có thể rời khỏi nơi đó mà không bị phạm giới. Khoản luật Mukha giải thích việc cho phép này trong những ví dụ chỉ hợp lệ nếu như sức khỏe của ta rơi vào nguy cơ hiểm nghèo nghiêm trọng.

Những nguy cơ đối với cuộc sống giới đức: Nếu bất kỳ ai cố gắng dụ dỗ vị tỳ khưu nào đó, biếu tặng tài sản hay người vợ (hay người sẽ là vợ vị đó) hay nếu vị đó nhận ra kho tàng bị lãng quên, và trong bất kỳ tình huống nào trong đó ngài suy nghĩ, "Vị Thiện Thệ cho rằng trí tuệ ta dễ dàng thay đổi. Đây có thể là một trở ngại cho cuộc sống giới đức" vị đó nên phá vỡ An cư mùa mưa mà không bị phạm giới.

Nguy cơ đe dọa gây chia rẽ nơi Tăng chúng: Nếu có nhiều chư vị tỳ khưu đang cố gắng tạo ly giáo trong Tăng chúng, nơi ta đang an cư, và ta không muốn để cho Tăng chúng phải rơi vào tình trạng chia rẽ trước sự hiện diện của ta, ta có thể rời khỏi nơi đó. Tuy nhiên, nếu chư vị tỳ khưu trong nơi an cư khác đang cố gắng gây ly giáo trong Tăng chúng của chư vị đó, và ta cảm thấy ta có khả năng thuyết giảng để cho họ bỏ tư tưởng ly giáo đó. Tập Chú giải thừa nhận rằng "Tăng chúng ở đây" có nghĩa là Tăng đoàn Tỳ khưu – những chống lại sự cho phép này dựa trên cơ sở chư vị tỳ khưu ni không tạo ly giáo cho Tăng đoàn Tỳ khưu được. Tuy nhiên, ý nghĩa nguyên thủy từ Pāli có thể được hiểu là chư vị tỳ khưu ni đang cố gắng gây ly giáo trong chính Tăng chúng của chính họ. Trong trường hợp này, ta có thể phá vỡ An cư mùa mưa mà không bị phạm giới để cố gắng ngăn cản cuộc ly giáo xảy ra.

Ly giáo trong Tăng chúng: Nếu chư vị tỳ khưu trong nơi ở khác đã tạo ly giáo trong Tăng đoàn của họ, ta có thể phá vỡ An cư mùa mưa mà đến đó. Tập Chú giải nêu lên một phản đối khác ở đây, dựa trên cơ sở một khi Tăng chúng đã bị phân tán, ta chẳng làm gì được nữa; và đó là điều từ Pāli nên được giải thích như vậy "Chư vị tỳ khưu sắp sửa gây ly giáo trong Tăng chúng". Tuy nhiên, điều này bỏ qua chính khả năng cả hai phía của cuộc ly giáo đã được hành động theo đúng niềm tin, và đó là điều ta có thể dẫn họ đến hòa giải (xin đọc Chương 21 đặc biệt Mv. X.5.14 & Mv. X. 6.1).

Nếu bất kỳ điều gì thuộc bốn loại trở ngại này nổi lên và ta có thể giải quyết được tình huống đó bằng cách rời khỏi nơi đó nhiều hơn là thời gian bảy ngày, tập Chú giải gợi ý là việc quay trở lại nội trong vòng bảy ngày như vậy được coi như là thời gian bảy ngày công việc hợp pháp. Nói cách khác, tình huống phải được xử lý như là thời gian bảy ngày công việc hợp pháp. Nếu ta không thể xoay xở tình huống này, ta không rơi vào phạm giới đâu. Nhưng ta chỉ mất đặc quyền có thể đem lại cho ta với tư cách là đã hoàn tất luật An cư mùa mưa (xem tiếp trang 19)

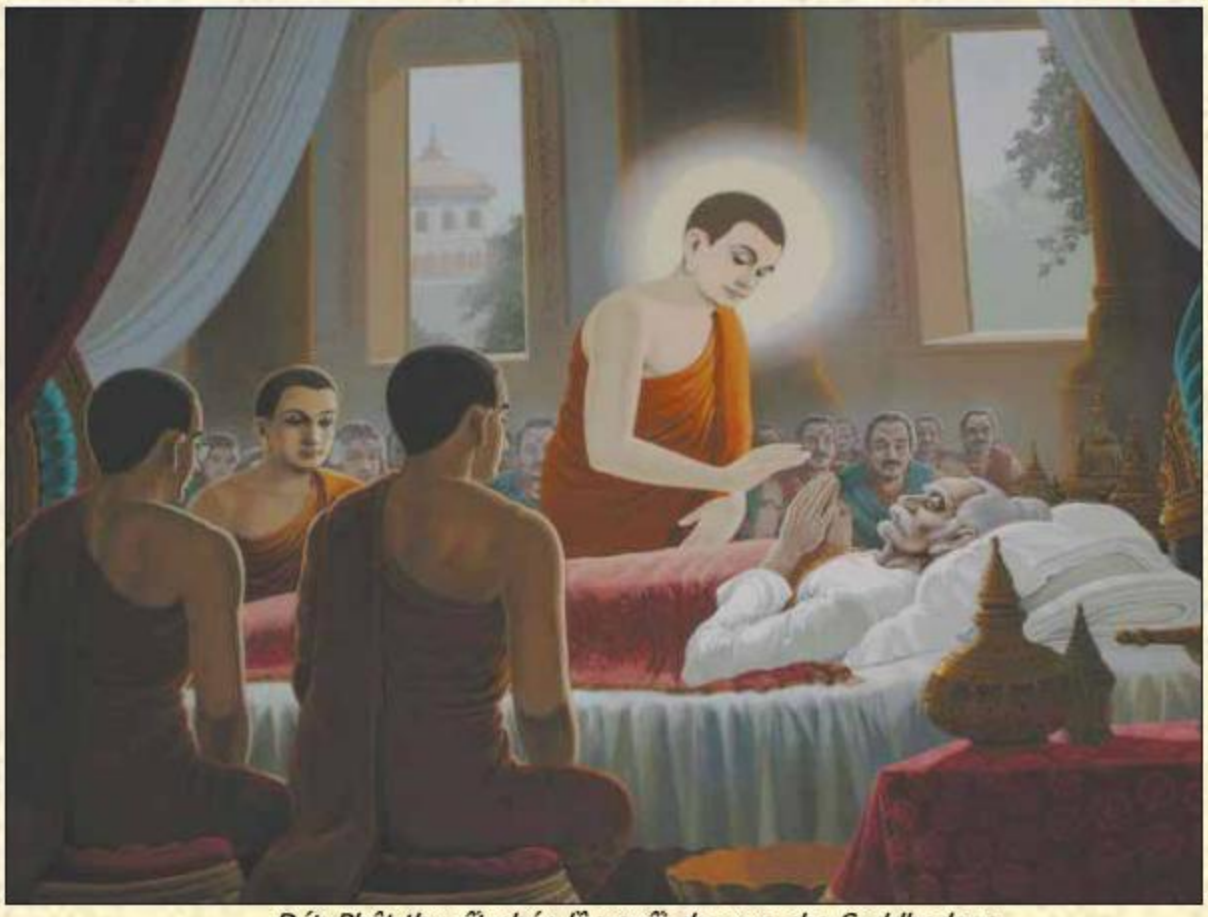

Đức Phật thuyết pháp lần cuối cho vua cha Suddhodana chứng đắc Thánh quả.

Món Nợ Ân Tình

TK. Samādhipuñño

Hiếu dưỡng với bậc sanh thành là một trong những chuẩn mực đạo đức của người Việt Nam chúng ta, ngoài ra, đó còn là một trong những bổn phận cao cả và thiêng liêng của người con Phật. Cha Mẹ đã sinh ra ta, nuôi lớn ta, để ta có mặt trong cuộc đời này, ân tình đó dù chúng ta có làm cách nào đi nữa thì cũng khó mà đền đáp được. Đức Phật đã dạy:

Có hai hạng người, này các Tỷ kheo, ta nói không thể trả ơn được. Thế nào là hai? Mẹ và Cha. Nếu một bên vai cõng Mẹ, này các Tỷ kheo, nếu một bên vai cõng cha, làm vậy suốt trăm năm, cho đến trăm tuổi; nếu đấm bóp, thoa xức, tắm rửa, xoa gội, và đầu tại đấy, Mẹ Cha có vãi tiểu tiện đại tiện, như vậy, này các Tỷ-kheo, cũng chưa làm đủ hay trả ơn đủ Mẹ và cha. Hơn nữa, này các Tỷ-kheo, nếu có an trí Cha Mẹ vào quốc độ với tối thượng uy lực, trên quả đất lớn với bảy báu này, như vậy, này các Tỷ-kheo, cũng chưa làm đủ hay trả ơn đủ Mẹ và cha. Vì cớ sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, Cha Mẹ đã làm nhiều cho con cái, nuôi nấng, nuôi dưỡng chúng lớn, giới thiệu chúng vào đời này[1].

Cho dù chúng ta là những người con chí hiếu, chúng ta là bậc đế vương, tiền bạc cao ngất như núi, đem hết mọi thứ sang trọng, quý báu cụng phụng Cha Mẹ thì cũng không thể nào đền đáp được thâm ân của Cha Mẹ đối với ta. Vì ân đức của Cha Mẹ và những gì Cha Mẹ hy sinh cho con cái quá lớn, quá bao la đến nỗi không thể đong đếm được, không thể bàn đến được.

- Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái gì là nhiều hơn, sữa Mẹ mà các Ông đã uống trong khi các Ông lưu chuyển luân hồi trong một thời gian dài, hay là nước trong bốn biển?

- Bạch Thế Tôn, theo như lời Thế Tôn thuyết pháp, chúng con hiểu rằng cái này là nhiều hơn, tức là sữa Mẹ mà chúng con đã uống trong khi chúng con lưu chuyển luân hồi trong một thời gian dài chớ không phải nước trong bốn biển!

- Lành thay, lành thay, này các Tỷ-kheo! Lành thay, này các Tỷ-kheo, các Ông đã hiểu như vậy Pháp do Ta dạy! Cái này là nhiều hơn, này các Tỷ kheo, tức là sữa Mẹ mà các Ông đã uống trong khi các Ông lưu chuyển luân hồi trong một thời gian dài chớ không phải nước trong bốn biển[2].

Là người con của Cha Mẹ, chúng ta cũng vừa là con Phật, ngoài việc cung phụng, hiếu thuận với Cha Mẹ, song song đó chúng ta cần phải hướng Cha Mẹ đến với Tam Bảo, có niềm tin nơi Tam bảo và thực hành theo lời Phật dạy. Vì những món ngon vật lạ hay trân châu quý báu, có cho đến Cha Mẹ cũng chỉ hưởng trong một thời gian ngắn ngủi của kiếp này, sau kiếp này thì những món đó chẳng có tác dụng gì với Cha Mẹ cả. Là người con Phật, mình hướng tâm Cha Mẹ đến tam bảo, để Cha Mẹ biết cách tạo phước báu, an trú Cha Mẹ vào trong tín, giới, thí và tuệ. Đó mới là cách báo hiếu tròn vẹn đến Cha Mẹ.

Này các Tỷ-kheo, ai đối với Cha Mẹ không có lòng tin, khuyến khích, hướng dẫn an trú các vị ấy vào lòng tin; đối với Mẹ Cha theo ác giới, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào thiện giới; đối với Mẹ Cha xan tham, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào bố thí; đối với Mẹ Cha theo ác trí tuệ, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào trí tuệ. Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là làm đủ và

1. Tăng Chi Bộ Kinh 1, Chương Hai Pháp, Phẩm Tâm Thăng Bằng, Phần Đất.

2. Tương Ưng Bộ Kinh 2, Chương IV - Tương Ưng Vô Thi, Phẩm Thứ Nhất, Phần Sữa.

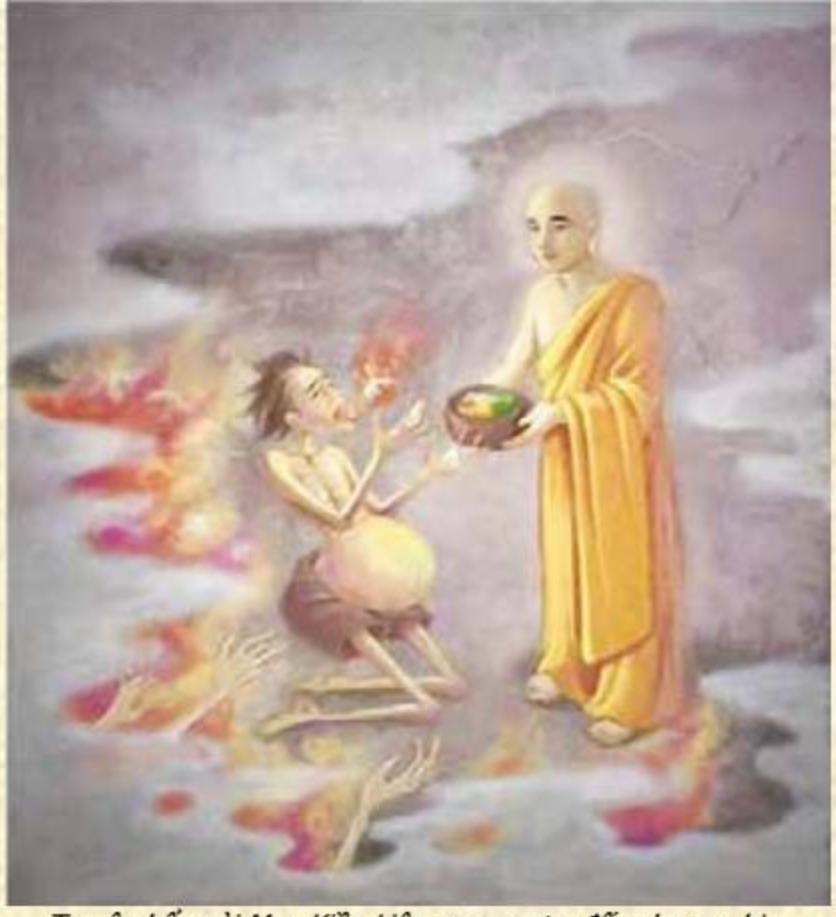

Truyện kể ngài Mục Kiền Liên mang cơm đến cho mẹ bị đọa vào địa ngục, nhưng mẹ Ngài vừa bốc ăn thì cơm liền hóa thành lửa.

trả ơn đủ Mẹ và cha[3].

Cuộc đời của Ngài Sāriputta, bậc Tướng quân Chánh Pháp, cả cuộc đời Ngài là vầng sử rạng ngời đáng cho hang hậu học kính nể và nương theo tu học. Một câu chuyện ghi lại, Ngài đã giúp tế độ cho người thân mẫu của Ngài vào một kiếp quá khứ xa xưa, như là đáp trả món ân tình đã vay mượn từ thuở nào.

Một thuở nọ, Tôn giả Sāriputta, Tôn giả Mahāmoggallāna, Tôn giả Anuruddha và Tôn giả Kappina trú tại một khu rừng không xa Vương Xá thành lắm. Lúc bấy giờ, Tôn giả Sāriputta đang đi kinh hành trong đêm, có một nữ dạ xoa muốn đi đến yết kiến với Tôn giả nhưng các vị chư thiên bảo vệ tịnh xá không cho dạ xoa vào bên trong. Nữ dạ xoa nói với các chư thiên rằng: Mình là Mẹ của Tôn giả cách đây bốn kiếp về trước nên xin các vị ấy cho vào trong để thăm viếng ngài Tôn giả. Chư thiên nghe vậy cho nàng vào. Khi đã vào, nàng dạ xoa ấy đã hiện hình ra trước mặt Tôn giả ngay tại cuối con đường kinh hành. Nàng thuật lại câu chuyện quá khứ của mình, do đã tạo ác nghiệp mắng chửi, nguyền rủa các vị xuất gia nên phải chịu cảnh khổ như thế này. Dạ xoa cầu xin Tôn giả bố thí cúng dường vật thực và hồi hướng phước đến cho mình để thoát khỏi sự đau khổ.

Sáng hôm sau, nhân khi đi khất thực trong thành Vương Xá, các ngài đến gặp vua Bình Sa, và Tôn giả Mahāmoggallāna thuật lại câu chuyện ấy cho vua nghe. Nhà vua hoan hỷ phát tâm trong sạch hứa sẽ giúp Tôn giả Sāriputta. Vua truyền lệnh cho các quan dựng bốn tịnh thất trong khu rừng ngoại thành, và sửa soạn vật thực, đồ ăn, thức uống và y phục. Sau đó, nhà vua chuyển toàn bộ những thứ ấy đến Tôn giả Sāriputta. Nhân danh Mẹ của mình, Tôn giả Sāriputta bố thí cúng dường đến Đức Phật và Tăng đoàn, rồi hồi hướng công đức phước báu đến cho bà. Nhờ đó, bà được tái sinh vào cõi Trời Phạm Thiên[4].

Đó là món nợ còn thiếu trong quá khứ xa xưa, còn đối với món nợ ân tình của Ngài trong kiếp này, trước khi viên tịch Níp-bàn, Tôn giả Sāriputta đã thực hiện một chuyến du hành cuối cùng trong vòng luân hồi để Ngài trở lại quê hương, nơi ngôi

làng cũ, nơi chăn nhà mà Ngài đã sinh ra để tế độ thân mẫu.

Thân mẫu của ngài tên là Rūpasārī, là một tín đồ thuần thành của Bà-la-môn giáo, mặc dù bảy người con[5] yêu quý của bà đều xuất gia trong Giáo pháp của đức Phật và đều đắc thánh quả A-la-hán nhưng bà không có niềm tin nơi Tam bảo và cũng rất không thích chư Tăng. Vì bà nghĩ rằng, chính đức Phật và những vị đệ tử Phật đã lôi kéo những đứa con trai, con gái bỏ bà để đi xuất gia.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Sāriputta tuổi đã cao, sức khỏe đã ngày càng suy kiệt, Ngài biết rằng nhân duyên của mình sắp mãn nên đã xin phép đức Phật về quê hương tiếp độ mẫu thân và viên tịch tại nơi đó.

Tôn giả từ giã đại chúng và dẫn theo 500 Tỳ kheo về quê hương mình. Trên đường về gần đến ngôi làng thuở xưa của mình, Tôn giả gặp đứa cháu trai và bảo người cháu về thông báo với Mẹ Ngài rằng: Tôn giả Sāriputta đã trở về và xin ở lại căn phòng thuở xưa lúc Ngài chào đời. Người cháu vô cùng mừng rỡ, vội vàng chạy về báo tin. Dù rằng bà Sārī rất ghét Tăng đoàn, rất giận người con cả, nhưng lòng yêu thương con không bao giờ vơi cạn, bà đổi giận làm vui để tiếp đón chư Tăng. Tối đêm ấy, ở ngay căn phòng thuở xưa lúc chào đời, Tôn giả đã trở bệnh kiết lỵ. Lúc bấy giờ, có vị thị giả đang hầu hạ, cứ vào ra với những cái bô trên tay. Bà sārī rất quan tâm đến người con cả, nhưng vẫn còn đứng ở bên ngoài phòng của Tôn giả quan sát.

Khi ấy, các vị thiên vương, thiên chủ,phạm thiên lần lượt hiện vào phòng để kính lễ tôn giả, hào quang của các vị ấy làm cho cả căn phòng và khu vườn nơi Tôn giả Sāriputta đang ở sáng rực hào quang. Sau khi các vị Thiên chủ đã ra đi, bà vội vàng vào phòng của Tôn giả để hỏi thăm về những (xem tiếp trang 38)

3. Tăng Chi Bộ Kinh 1, Chương Hai Pháp, Phẩm Tâm Thăng Bằng, Phần Đất.

4. Chú giải Ngạ quỷ sự. Tích truyện Ngạ quỷ Mẹ của Ngài Xá Lợi Phất.

5. Bà có bảy người con tất cả: Sāriputta, Upasena, Mahācunda, Revata Khadiravaniya, Cālā, Upacālā và Sisūpacālā.

Đại Kinh Thí Dụ Lõi Cây

HT. Thích Minh Châu

Kinh này đức Phật dạy khi Devadatta mới bỏ Tăng chúng ra đi không bao lâu.

Đức Phật dạy mục đích của Phạm hạnh không phải vì lợi dưỡng danh vọng, không phải vì thành tựu giới đức, không phải vì thành tựu thiền định, không phải vì thành tựu tri kiến. Tâm giải thoát bất động mới thật chính là mục đích của Phạm hạnh. Những ai chưa đạt tới mục đích cuối cùng, tự bằng lòng và dừng lại tại các thành tựu nửa chừng, những vị ấy không đạt được mục tiêu chính của Phạm hạnh. Cũng như những người đi tìm lõi cây, lại tự bằng lòng với cành lá, với vỏ ngoài, với vỏ trong, với giác cây, như vậy không làm sao đạt được lõi cây.

Trước hết là hạng thiện nam tử vì muốn chinh phục sanh, già, bệnh, chết, nên xuất gia tu hành và nhờ vậy được lợi dưỡng, cung kính, cúng dường, tự bằng lòng với kết quả này, trở thành khen mình chê người, mê say, tham đắm, phóng dật. Họ sống phóng dật nên bị đau khổ. Ví như người đi tìm lõi cây, nhưng bỏ qua lõi cây, giác cây, vỏ trong, vỏ ngoài, chặt cành lá mang đi tưởng rằng đó là lõi cây. Vị ấy được gọi là vị đã nắm lấy cành lá của Phạm hạnh.

Vị thứ hai xuất gia để giải quyết vấn đề sanh, lão, bệnh, tử, được lợi dưỡng, cung kính, danh vọng, không khen mình chê người, không trở thành tham đắm, mê say, phóng dật. Họ sống không phóng dật, thành tựu được giới đức. Do thành tựu giới đức, trở thành hoan hỷ, tự mãn, khen mình chê người, trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do phóng dật, vị ấy bị đau khổ. Như người đi tìm lõi cây, bỏ qua lõi cây, bỏ qua giác cây, bỏ qua vỏ trong, chặt vỏ ngoài mang đi tưởng rằng đó là lõi cây. Hạng Tỷ-kheo này được gọi là hạng người nắm lấy vỏ ngoài của Phạm hạnh.

Hạng thứ ba xuất gia để giải thoát vấn đề sanh, lão, bệnh, tử, chấm dứt khổ đau, nhờ xuất gia được lợi dưỡng, cung kính, danh vọng. Vị ấy không vì lợi dưỡng, cung kính, danh vọng, không vì thành tựu giới đức, trở thành khen mình chê

người, mê say, tham đắm, phóng dật, nhờ vậy thành tựu thiền định. Do thành tựu thiền định nên khen mình chê người, mê say, tham đắm, phóng dật. Do phóng dật nên bị đau khổ. Như một người đi tìm lõi cây, bỏ qua lõi cây, bỏ qua giác cây, chặt vỏ trong mang đi tưởng đó là lõi cây. Hạng Tỷ-kheo này được gọi là vị đã nắm giữ vỏ trong của Phạm hạnh.

Hạng thứ tư xuất gia cũng để giải quyết vấn đề sanh, lão, bệnh, tử, chấm dứt khổ đau, nhờ xuất gia nên được lợi dưỡng, cung kính, danh vọng. Vị ấy không vì lợi dưỡng, cung kính, danh vọng, không vì thành tựu giới đức, không vì thành tựu thiền định, trở thành khen mình chê người, mê say, tham đắm, phóng dật, nhờ vậy thành tựu tri kiến. Vị ấy vì thành tựu tri kiến này hoan hỷ, tự mãn, khen mình chê người, trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do phóng dật nên bị đau khổ. Như một người đi tìm lõi cây, bỏ qua lõi cây, chặt giác cây mang đi tưởng rằng đó là lõi cây. Tỷ-kheo này được gọi là vị đã nắm giữ giác cây của Phạm hạnh.

Hạng thứ năm xuất gia cũng để giải quyết vấn đề sanh, lão, bệnh, tử, chấm dứt khổ đau, nhờ xuất gia nên được lợi dưỡng, cung kính, danh vọng. Vị ấy không vì lợi dưỡng, cung kính, danh vọng, không vì thành tựu giới đức, không vì thành tựu thiền định, không vì thành tựu tri kiến trở thành khen mình chê người, mê say, tham đắm, phóng dật. Vì không phóng dật, vị ấy thành tựu thời giải thoát (bốn thiền bốn không). Này các Tỷ-kheo, sự tình này có thể xảy ra, vị Tỷ-kheo từ bỏ thời giải thoát. Ví như một người đi tìm lõi cây, bỏ qua cành lá, bỏ qua vỏ ngoài, vỏ trong, bỏ qua giác cây, chặt lấy lõi cây mang đi và tự biết đó là lõi cây và người ấy đạt được mục đích mà lõi cây có thể thực hiện. Cũng vậy, một Tỷ-kheo xuất gia để giải quyết vấn đề sanh, lão, bệnh, tử, chấm dứt khổ đau. Vị ấy thành tựu lợi dưỡng, thành tựu giới đức, thành tựu thiền định, thành tựu tri kiến, thành tựu thời giải thoát, thành tựu phi thời giải thoát (bốn đạo bốn quả). Sự tình này không xảy ra, vị Tỷ-kheo ấy có thể từ bỏ phi thời giải thoát.

Như vậy, Phạm hạnh này không phải vì mục đích lợi dưỡng, cung kính danh vọng, không phải vì thành tựu giới đức, không phải vì thành tựu thiền định, không phải vì thành tựu tri kiến. Tâm giải thoát bất động này chính là mục đích của Phạm hạnh, là lõi cây, là mục tiêu cuối cùng của Phạm hạnh.

Nhân ngày Lễ Vu Lan Báo Hiếu

HT. Thích Thiện Tâm (sưu tầm)

4. 1. 7. SABRAHMAKASUTTAṂ - KINH CÓ PHẠM THIÊN

[106]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vầy:

1. Này các tỳ khưu, ở những gia đình nào mẹ và cha được các con tôn vinh ở trong nhà, những gia đình ấy được xem là có Phạm Thiên. Này các tỳ khưu, ở những gia đình nào mẹ và cha được các con tôn vinh ở trong nhà, những gia đình ấy được xem là có chư Thiên đầu tiên. Này các tỳ khưu, ở những gia đình nào mẹ và cha được các con tôn vinh ở trong nhà, những gia đình ấy được xem là có các vị thầy đầu tiên. Này các tỳ khưu, ở những gia đình nào mẹ và cha được các con tôn vinh ở trong nhà, những gia đình ấy được xem là có các bậc đáng được cống hiến.

Này các tỳ khưu, Phạm Thiên là từ biểu trưng của mẹ và cha. Này các tỳ khưu, chư Thiên đầu tiên là từ biểu trưng của mẹ và cha. Này các tỳ khưu, các vị thầy đầu tiên là từ biểu trưng của mẹ và cha. Này các tỳ khưu, các bậc xứng đáng sự cống hiến là từ biểu trưng của mẹ và cha. Điều ấy có nguyên nhân là gì?

Này các tỳ khưu, mẹ và cha đối với các con là có nhiều sự hỗ trợ, là những người chăm sóc, là những người nuôi dưỡng, là những người chỉ dạy về thế gian này.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vầy:

2. Mẹ và cha được gọi là Phạm Thiên, các vị thầy đầu tiên, và các bậc xứng đáng sự cống hiến của các con, là những người có lòng thương tưởng đến hàng con cháu.

3. Chính vì thế, đối với mẹ và cha, bậc sáng suốt nên kính lễ và tôn vinh với cơm ăn, nước uống, vải vóc, và giường nằm, với sự xoa bóp, với việc tắm, và việc rửa sạch các bàn chân.

4. Với việc phục vụ ấy đến mẹ và cha, ngay ở kiếp này các bậc sáng suốt ca ngợi người ấy, sau khi chết vui hưởng ở cõi Trời.

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế (Itivuttakapāḷi, TTPV 28, trang 473).

Thọ Giới

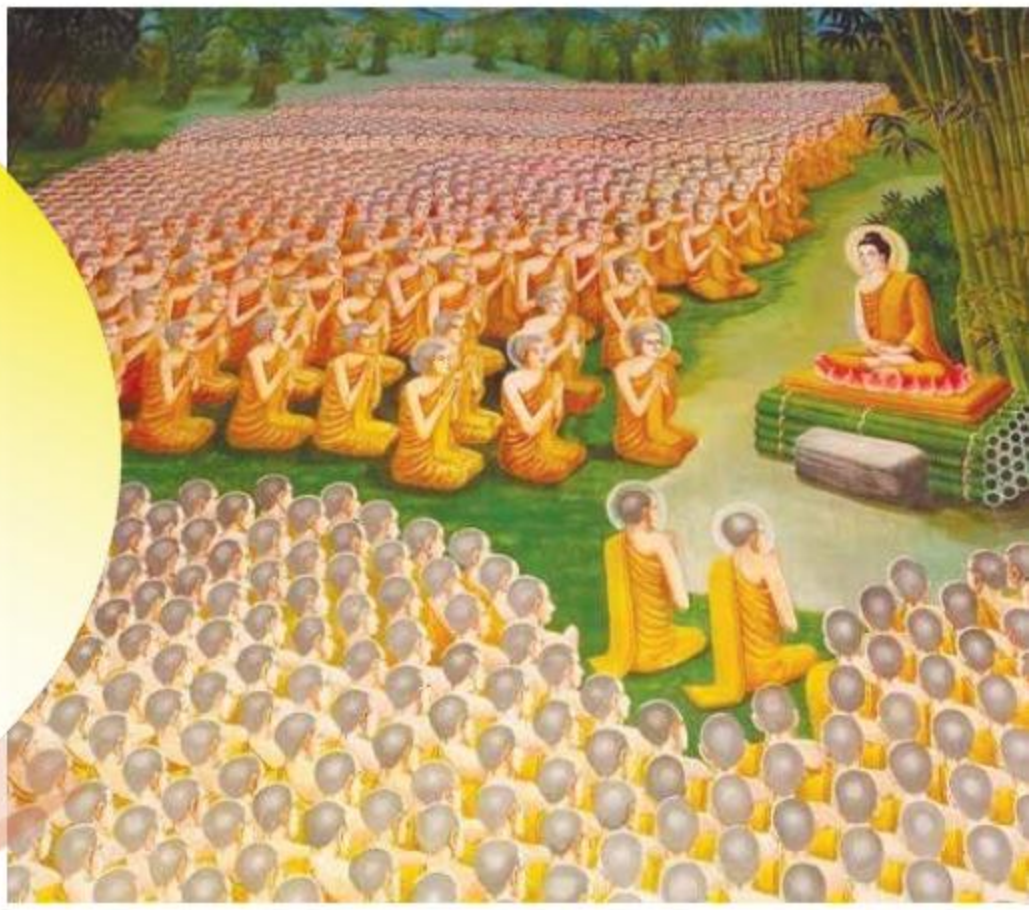

TK. Siêu Minh (dịch)
(tiếp theo)

Ứng sinh sẽ thất bại trong giai đoạn thử thách nếu như:

1) Vị đó đi vào làng khất thực quá sớm, trở lại thiền viện quá trễ trong ngày. Theo tập Chú giải quá sớm có nghĩa là khi chư vị tỳ khưu vẫn còn đang thực hiện những nhiệm vụ của mình trong thiền viện; quá trễ có nghĩa là vị đó ở lại trong làng để dùng bữa, thảo luận hay trao đổi những công việc ngoài đời với dân làng; không thực hiện những bổn phận đối với vị bổn sư của mình khi quay trở về thiền viện; vị đó chỉ quay trở về phòng mình và lên giường ngủ ngay tức khắc.

2) Vị đó giao tiếp với những người đĩ điếm, với người góa bụa hay với người phụ nữ đã ly dị chồng, với người phụ nữ chưa lập gia đình, giao tiếp với pandaka hay với chư vị tỳ khưu ni (xin đọc bản phụ lục V) theo tập Chú giải phụ giao tiếp có nghĩa là sử sự với họ như bạn bè hay như người thân thiết. Tập Chú giải còn ghi thêm rằng vị tỳ khưu được phép thăm viếng những người đó bao lâu vị đó đi cùng với chư vị tỳ khưu khác để thực hiện công việc tỳ khưu mà thôi.

3) Vị đó không thông thạo những việc lớn nhỏ ngoài đời liên quan đến những tỳ khưu đồng nghiệp của mình trong cuộc sống giới đức, vị đó không hăng say, không nhanh chóng về những kỹ xảo liên quan đến những công việc đó, lại không sẵn sàng thực hiện hay có khả năng khiến người khác làm những công việc đó. Tập Chú giải cho rằng những công việc lớn có nghĩa là những việc sửa chữa điện thờ và các tòa nhà khác trong thiền viện đòi hỏi chư vị tỳ khưu cùng thực hiện với nhau; những việc nhỏ có nghĩa là những quyết sách Khandhaka (xin đọc chương 9); không hăng say có nghĩa là, thí dụ như biết có công việc gì đó cần phải thực hiện. Vị đó đi khất thực trong làng, quay trở về phòng và lao vào giấc điệp cho đến sáng loe loét, không muốn làm những việc đó có nghĩa là vị đó xin lấy cớ bệnh hoạn "chỉ ló đầu ra" – có nghĩa là xuất hiện chóng vánh nơi làm việc và không thực sự làm bất kỳ công việc gì.

4) Vị đó không ước ao mãnh liệt trong việc tụng kinh, tham khảo, (đặt câu hỏi về ý nghĩa Phật pháp – xin đọc A. VIII.2) không tìm cách tăng thêm giới đức, gia tăng trí tuệ, hay gia tăng học hỏi. Theo Tập Chú giải, tăng thêm giới đức có nghĩa là học giới bản (Patimokkha). Gia tăng trí tuệ, thiền định hiệp thế; gia tăng hiểu biết có nghĩa là tinh thông chánh đạo siêu thế.

5) Vị đó cảm thấy sân hận, không hài lòng, và buồn bã nếu bị bổn sư khiển trách đưa ra nhận xét, khuyên bảo, quan tâm, và tin tưởng nơi giáo phái mà vị đó vừa từ bỏ. Vị đó cảm thấy sảng khoái, hài lòng và phấn khởi nếu lời khiển trách nói đến Đức Phật, giáo Pháp, hoặc Tăng đoàn.

Nếu, sau bốn tháng, tập sinh không có "thất bại" trong bất cứ trường hợp nào, thì có thể được chấp nhận thọ giới.

Giá trị Pháp lý Tăng Chúng. Số đại biểu qui định

để chấp nhận thọ giới ở miền Trung du sông Hằng được qui định là mười vị tỳ khưu. Trong những thị trấn xa sôi (điều này bao gồm toàn bộ các vùng lãnh thổ năm ngoài miền thung lũng sông Hằng), số đại biểu theo qui định là năm vị, một trong năm vị đó phải tinh thông Giới luật. Ở đây, tập Chú giải định nghĩa tinh thông Giới luật như là người thành thạo điêu luyện xướng lên lời tuyên bố quyết sách, nhưng điều này hình như có vẻ quá khoan dung. Vì chính tập Chú giải gợi ý khi giải thích khoản Mv. I. 28.3, sự hiện diện của vị tỳ khưu thành thạo điêu luyện, có kinh nghiệm có khả năng xướng lên lời tuyên bố quyết sách được thừa nhận trong các quyết sách Tăng Chúng. Như vậy, hình như không có lý do gì để đề cập đến ở đây như là một yêu cầu đặc biệt. Một định nghĩa thích hợp hơn về chuyên viên Giới luật trong bối cảnh này có thể là vị tỳ khưu đó rất tinh thông về luật giới bản (patimokhha) và biết rõ những khoản luật và những qui trình liên quan đến xuất gia và chấp nhận thọ giới.

Khoản Mv. V.13.12 định nghĩa những ranh giới chính xác của vùng miền Trung thung lũng sông Hằng đó là: Mahasalā về phía Đông, sông Sallavati ở hướng Đông Nam, thị trấn Setakannika về phía Nam, ngôi làng Thuna ở phía Tây, và rặng núi Usiraddhaja nằm về phía Bắc. Không may việc xác định tên những địa danh này hiện nay chủ yếu chỉ mang tính chất phỏng đoán mà thôi. Những chú thích trong tập BD xác định được ngôi làng Thuna lại là Sthanesvara, và Usiraddhaja lại là Usiragiri, ngọn núi về phía Bắc Kankhal. Liên quan đến những địa danh khác, xin đọc B.C. Law, Geography of Early Buddhism.

Giá trị pháp lý quyết sách Tăng chúng: Việc thọ giới, như đã được luật tạng đưa ra, là một qui trình phức tạp không chỉ liên quan đến một loạt những lời tuyên bố quyết sách mà còn dính líu đến những bước chuẩn bị và những bước tiếp theo nữa. Như đã được đề cập đến ở trên, các tập Chú giải và rất nhiều truyền thống quốc gia khác nhau đã thêm vào những bước của chính các quốc gia đó. Nhưng ở đây, chúng ta chỉ tập trung chú ý đến những bước do luật tạng qui định, cùng với những cách giải thích liên quan được trích đoạn từ những tập Chú giải. Những lời tuyên bố quyết sách và những đoạn văn đúng tiêu chuẩn khác để tụng được ghi lại trong Bản Phụ Lục II.

Những bước chuẩn bị: Trước khi nhận thọ giới, tập sinh phải cạo đầu xuống tóc và mặc áo cà sa màu vàng. Rồi vị đó nhận lệnh xuất gia, sau khi sống phụ thuộc vào vị Bổn sư. Người ta chỉ cho vị đó bát khất thực và áo cà sa, và rồi sai vị đó ra khỏi Tăng chúng đến với một vị tỳ khưu dày dạn kinh nghiệm và thành thạo điêu luyện để vị đó thuyết giảng cho tập sinh đủ mười ba yếu tố gây cản trở cho việc chấp nhận thọ giới. Vị tỳ khưu phụ trách giảng dạy cho vị tập sinh đó quay trở lại tăng chúng và rồi tập sinh cũng được đưa về thiền viện, tại đó, người ta yêu cầu tập sinh xin được chấp nhận thọ giới. Thế rồi tập sinh đó sẽ được vặn hỏi về những yếu tố gây trở ngại cho việc thọ giới vị đó đã yêu cầu, và khi những câu trả lời vị đó đưa ra đã thỏa mãn thời tập sinh sẽ được nhận lệnh xuất gia.

Có một số bước cần phải được giải thích thêm:

Cạo trọc đầu. Nếu tập sinh gia nhập thiền viện với bộ tóc dài hơn hai đốt ngón tay, Tăng chúng phải thông báo việc cạo tóc bằng một lời tuyên bố chính thức. Lý do việc cạo tóc này được gợi ý trong câu chuyện nguyên thủy về điều luật này như sau:

Bấy giờ vào thời đó có một anh chàng làm nghề thợ rèn rành nghề (§) sau khi cãi vã với cha mẹ, đã đến thiền viện và xuất gia cùng với chư vị tỳ khưu. Thế rồi cha mẹ đi tìm anh ta, đến thiền viện và hỏi chư vị tỳ khưu: "Chư vị có thấy một thanh niên giống như vậy chăng?" Thực sự không biết anh ta, (khớp với lời mô tả của cha mẹ), chư vị tỳ khưu lên tiếng: "Chúng tôi không nhìn thấy anh ta đâu". Trong khi tìm kiếm anh thợ rèn rành nghề và nhận thấy anh ta đã xuất gia trong số chư vị tỳ khưu trong thiền viện, cha mẹ anh ta cảm thấy bị súc phạm và rất bực mình và lan truyền việc đó khắp nơi. Những tên chuyên hành thiền định họ Thích này là hạng người vô liêm sỉ, hạng người vô giới đức, là bọn nói dối. Thực sự biết rõ sự việc, họ dám nói là không hay biết gì. Thực sự đã nhìn thấy, họ dám nói, chúng tôi không nhìn thấy. Chàng thanh niên này đã xuất gia trong số chư vị tỳ khưu đó.

Vì lời công bố này, tập Chú giải ra lệnh triệu tập toàn thể chư vị tỳ khưu trong khắp vùng lãnh thổ lại và tuyên bố: "Ta công bố cho tăng chúng về chàng trai đã cạo trọc đầu này," hay "Chàng trai muốn xuất gia". Nói cách khác, tập Chú giải giáo lý đưa ra tuyên bố cho toàn thể chư vị tỳ khưu trong thiền viện. Ngay cả nếu như một số không có mặt vì đang ngủ hay đang mải mê hành thiền, v.v...Tiếp tục công việc này là chính đáng, hãy cạo sạch tóc tập sinh, và ban cho chàng lệnh xuất gia. Không nhất thiết phải thông báo cho Tăng chúng biết nếu tập sinh đó đã cạo tóc hay nếu đầu tóc của vị đó có tóc dài hơn kém hai đốt ngón tay. Tập Chú giải cũng gợi ý là phải dạy cho tập sinh đó năm đối tượng thiền (tóc trên đầu, lông trên mình, móng tay móng chân và da thịt) trước khi tập sinh xuống

tóc cạo trọc đầu.

Lệnh xuất gia: Không phải là quyết sách Tăng chúng. Những đòi hỏi của luật tạng đối với qui trình xuất gia thật đơn giản như sau: Tập sinh được tuyên bố Tam qui Y ba lần mặc dù luật tạng nói rằng, không có qui định số đại biểu (số nhiều) tối thiểu phải hiện diện trong lúc xuất gia hay bất kỳ phẩm chất hay năng lực đặc biệt nào đối với vị bổn sư (hành sự nghi lễ xuất gia) này cả. Tuy nhiên, vị tỳ khưu nào không đáp ứng những phẩm chất hay năng lực bổn sư cho vị tỳ khưu đó, chẳng nên nhận một Sa-di chăm sóc cho mình. (Mv.I.36-37) Điều này gợi ý rằng ngay cả nếu như tập sinh chỉ đơn giản xuất gia mà chưa có được sự chấp nhận đầy đủ, vị tỳ khưu hành sự nghi lễ xuất gia phải đáp ứng được những phẩm chất của một vị bổn sư của vị tỳ khưu đó.

Tập Chú giải khẳng định thêm rằng, trước khi ban Tam qui Y, bổn sư phải ban tặng áo cà sa màu vàng cho tập sinh, hay phải nói với vị tỳ khưu, vị sa-di, hay đạo hữu người đời mặc áo cà sa cho tập sinh đó. Nếu tập sinh đó đã bận sẵn áo cà sa, vị đó phải cởi ra và rồi lại mặc vào trở lại (truyền thống tại Thái Lan chỉ mặc nội y và áo cà sa khoác ngoài nhưng tập Chú giải khoản Mv.I.12.4 lại nói đến áo khoác ngoài cũng là bộ áo cà sa đầy đủ của một vị sa-di) Đang khi sắp xếp thượng y trên vai, tập sinh phải đảnh lễ cúi gập xuống chân chư vị tỳ khưu và ngồi xổm hai tay chắp lại để trên ngực theo kiểu vái lạy (anjali). Thế rồi người ta nói với tập sinh như sau: "Evam vadehi (hãy nói điều này), tiếp theo sau đó là ba công thức qui y Tam Bảo. Tập Chú giải nhấn mạnh đến cả hai phía – cả vị bổn sư lẫn tập sinh - phải công bố một cách thích hợp những công thức qui y đó. Điều đó tạo thành việc xuất gia của tập sinh. Theo truyền thống phải để cho vị đó thực hiện thập giới ngay sau khi qui y Tam bảo (xin đọc Chương 24)

Lời huấn giáo: Sau khi tập sinh đã được đưa ra ngoài Tăng chúng, một vị tỳ khưu thành thạo điêu luyện và dầy dạn kinh nghiệm được ủy quyền thông qua một kiến nghị chính thức để chỉ giáo cho tập sinh về mười ba yếu tố gây trở ngại. Một vị tỳ khưu sẽ đưa ra kiến nghị ủy quyền cho một vị khác hay ngài sẽ tự ủy quyền cho mình. "Công việc huấn giáo được nhắc lại những câu hỏi mà tập sinh sẽ được hỏi khi đứng giữa Tăng chúng ngay trước khi vị đó được chấp nhận thọ giới đầy đủ. Có điều thật hấp dẫn để lưu ý rằng không phải toàn bộ những tuyên bố không đủ tư cách để chấp nhận thọ giới đầy đủ được bao gồm trong danh sách mười ba trở ngại đâu. Giới luật Mukha cũng mặc nhiên công nhận hoặc là ngay từ lúc đầu toàn bộ những điều này chỉ là những lời tuyên bố không đủ tư cách, hay những điều đó được coi như là những gì quan trọng nhất. Điều thứ hai không giống vậy, vì chỉ có ba trong số mười ba điều là tuyệt đối nghiêm cấm mà thôi.

Khi việc giáo huấn đã kết thúc, trước tiên vị tỳ khưu thuyết giáo đó quay trở lại Tăng chúng và tụng lên một kiến nghị chính thức để công bố cho tăng chúng là tập sinh đã được giáo huấn đầy đủ và tập sinh nên được chấp nhận gia nhập Tăng chúng.

Sau khi tập sinh xuất hiện và yêu cầu được chấp nhận thọ giới, một vị tỳ khưu thành thạo điêu luyện và dầy dạn kinh nghiệm (thường là cùng một vị đã thuyết dạy cho tập sinh) sẽ tụng lên kiến nghị tự ủy quyền cho mình kiểm tra tập sinh về mười ba yếu tố gây cản trở. Sau khi kết thúc thẩm vấn, những bước sơ khởi coi như đã hoàn tất.

Chấp nhận thọ giới đầy đủ: Lời tuyên bố quyết sách cho việc chấp nhận cho thọ giới đầy đủ bao gồm một kiến nghị và ba lời tuyên ngôn. Tập sinh trở thành tỳ khưu khi lời tuyên ngôn thứ ba hoàn tất. Nếu có hai hoặc ba tập sinh yêu cầu được nhận thọ giới cùng một lúc, họ có thể được bao gồm tất cả trong một lời tuyên bố quyết sách duy nhất bao lâu họ có cùng chung một bổn sư, nhưng không được làm như vậy nếu có các bổn sư khác nhau. Không quá ba tập sinh được gộp lại trong một lời tuyên ngôn duy nhất.

Những bước tiếp theo: Ngay sau khi được chấp nhận thọ giới, luật tạng cho rằng, bóng râm (thời gian ban ngày) nên được tính. Chiều dài của mùa cũng được nói ra, phần ban ngày được công bố cùng với việc kết hợp (ba điều kể trên, tập Chú giải cho biết như vậy) Hiện thời, thời gian được đánh dấu bằng đồng hồ treo tường hay đồng hồ đeo tay đáng tin cậy, và rồi được ghi lại cùng với ngày tháng.

Luật tạng cũng khẳng định rằng bốn điều hỗ trợ nên được tuyên bố ngay tức khắc, và vị tân tỳ khưu nên được giao cho một người bạn, vị này sẽ giải thích cho tân tỳ khưu bốn điều không bao giờ được làm (có nghĩa là bốn khoản luật parajika). Hiện nay, thường thấy đó là vị bổn sư phải giải thích cả bốn điều hỗ trợ và bốn điều không bao giờ được làm ngay sau khi lời tuyên ngôn quyết sách Tăng chúng. Điều đó kết thúc qui trình nhận thọ giới (còn tiếp).

THIỀN PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY VÀ PHÁT TRIỂN

HT. Viên Minh

Thiền (Trung Quốc) và Zen (Nhật Bản) có nguồn gốc phiên âm từ Jhāna trong văn học Pāḷi Phật giáo Nguyên thủy, hay Dhyāna trong ngôn ngữ Sanskrit Phật giáo Phát triển, nhưng về sau các tông phái sử dụng từ thiền với nhiều ý nghĩa khác nhau và thay đổi tùy thời.

Trong Thiền tông Đông Độ, thiền là kiến tánh chứ không phải tịnh và định, nhưng trong văn học Pāḷi, Phật giáo Nguyên thủy, Jhāna lại dùng để chỉ tịnh hay cận hành (upacāra) như niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng... và định hay an chỉ (appanā) để gọi những trạng thái thiền chứng theo nội dung các thiền chi như đệ nhất thiền (paṭṭhamajjhāna), đệ nhị thiền (dutiyajjhāna), đệ tam thiền (tatiyajjhāna), và đệ tứ thiền (catutthajjhāna) trong các bậc định thuộc sắc giới thiền (rūpajjhāna). Về sau Jhāna còn dùng để gọi vô sắc giới thiền (arūpajjhāna), tựu trung vẫn là thiền định. Từ Pāḷi bhāvanā (tu tập, thực hành, tiến hành) được dùng cho cả thiền định hay thiền chỉ (samatha bhāvanā) lẫn thiền tuệ hay thiền quán (vipassanā bhāvanā).

Đối với Tịnh Độ tông thì thiền là niệm Phật A Di Đà và Mật Tông thiền là trì chú v.v... cho nên, ngày nay nói tới thiền chúng ta cần phải xác định đó là loại thiền gì, thuộc tông phái nào thì mới không lầm lẫn nội dung mà từ thiền ấy được sử dụng.

Để có thể so sánh tính chất đồng dị giữa thiền Nguyên thủy và thiền Phát triển, chúng ta cần tìm hiểu và phân biệt từng loại thiền của cả hai hệ thống nói trên.

1) Thiền định trong Phật giáo Nguyên thủy.

2) Thiền tuệ trong Phật giáo Nguyên thủy.

3) So sánh thiền Nguyên thủy và một số pháp môn thiền Phát triển tiêu biểu theo Giáo tông:

Lục diệu pháp môn

Niệm Phật theo Tịnh độ tông

Thiền nhĩ căn viên thông theo Kinh Lăng Nghiêm.

4) So sánh Thiền Vipassanā và Thiền Tông Đông Độ.

I. THIỀN ĐỊNH TRONG PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY

I.1) Định nghĩa: Thiền định (samādhi) hay thiền chỉ (samatha bhāvanā) có mục đích chế ngự 5 chướng ngại của định gọi là triền cái (nīvaraṇa) và làm cho tâm an trú, thuộc ba chi định phần trong Bát Thánh Đạo (Aṭṭhaṅgikariya magga) tương ứng với ba mức độ định khác nhau:

a) Chánh tinh tấn (sammā vāyāmo): An trú nhờ cố gắng giữ nhất tâm trên đối tượng sơ tướng (parikamma nimitta) và thô tướng (uggha nimitta). An trú này gọi là chuẩn bị định

(parikamma samādhi).

b) Chánh niệm (sammā sati): An trú nhờ duy trì nhất tâm trên đối tượng quang tướng (paṭibhāga nimitta). An trú này gọi là cận hành định (upacāra samādhi) hay tịnh thuộc dục giới định.

c) Chánh định (sammā samādhi): An trú nhờ nhất tâm bất động trên đối tượng quang tướng (paṭibhāga nimitta). An trú này được gọi là an chỉ định (appanā samādhi) hay định sắc giới và định vô sắc giới.

Sơ tướng: là hiện vật được tạo ra hay có sẵn trong thiên nhiên được hành giả dùng làm đối tượng thiền định. Ví dụ như một hình tròn màu xanh (được tạo ra) hay ngọn lá xanh (thiên nhiên) mà hành giả dùng để tập chú với mục đích định tâm.

Thô tướng: sau khi tập chú với tưởng đủ mạnh để sao chép sơ tướng thành hình ảnh tương tự bên trong gọi là thô tướng hay tợ tướng, bấy giờ hành giả tạm thời bỏ sơ tướng bên ngoài để tập chú vào thô tướng bên trong.

Quang tướng: nếu chú tâm trên thô tướng đúng mức tướng này sẽ phát ra ánh sáng nên được gọi là quang tướng. Quang tướng là sắc do tưởng sinh, vì vậy, thiền lấy sắc tưởng này làm đối tượng để đạt được an chỉ định được gọi là thiền sắc giới hay thiền hữu sắc.

I.2) Đối tượng thiền định (kammaṭṭhāna): Có 40 đối tượng làm công án hay đề mục thiền định:

1) 10 đề mục hình tròn (kasiṇa): Đất, nước, lửa, gió, xanh, vàng, đỏ, trắng, ánh sáng, hư không.

2) 10 đề mục tùy niệm (anussati): Phật, Pháp, Tăng, giới, thí, thiên, sự chết, 32 thể trược, tịch tịnh, hơi thở.

3) 10 đề mục tử thi bất tịnh (asubha): Tử thi mới chết, tử thi bầm tím, tử thi chảy máu, tử thi chảy mủ, tử thi bị đâm thủng, tử thi có dòi, tử thi bị chặt đứt đoạn, tử thi bị cắn xé, tử thi rời rạc, tử thi chỉ còn xương.

4) 4 đề mục tâm vô lượng (appamaññā): Tâm từ vô lượng, tâm bi vô lượng, tâm hỷ vô lượng và tâm xả vô lượng.

5) 1 đề mục quán vật thực bất tịnh.

6) 1 đề mục phân tích tứ đại: Đất, nước, lửa, gió.

7) 4 đề mục thiền vô sắc:

- "Hư không là vô biên" (ākāso ananto): tưởng không này làm đối tượng của thiền hư không vô biên xứ (ākāsānañcāyatana).

- "Thức là vô biên" (viññāṇaṃ anantaṃ): tưởng không này làm đối tượng của thiền thức vô biên xứ (viññāṇānañcāyatana).

- "Vô sở hữu" hay "không có gì cả" (natthi kiñci): tưởng không này làm đối tượng của thiền vô sở hữu xứ (ākiñcaññāyatana).

- "Vắng lặng, vi tế" (santaṃ, paṇitaṃ): tưởng không này làm đối tượng của thiền phi tưởng phi phi tưởng xứ (nevasaññānāsaññāyatana).

I.3) Tánh định hành giả (carita): Hành giả hành thiền định có 6 loại tánh:

1) Tánh tham (rāga): hay tánh ái là tánh nặng về tham ái, thường ham thích, mê đắm, dính mắc trong các đối tượng dục giới khả ái, khả hỷ như sắc, thanh, hương, vị, xúc. Người có tánh tham nên hành 10 đề mục tử thi bất tịnh, 1 đề mục về 32 thể trược, vì những đề mục này có thể chế ngự được lòng tham ái, nhưng không nên hành 4 đề mục vô lượng tâm: Từ, bi, hỷ, xả và 4 đề mục xanh, vàng, đỏ, trắng vì những đề mục này dễ sinh tham ái.

2) Tánh sân (dosa): là tánh nặng về sân hận, thường biểu hiện trạng thái bất mãn, trái ý, không vừa lòng, nóng nảy, căng thẳng, bực bội... Người có tánh sân nên hành 4 đề mục vô lượng tâm: Từ, bi, hỷ, xả và 4 đề mục xanh, vàng, đỏ, trắng vì những đề mục này làm cho tâm dễ lắng dịu, nhưng không nên hành 10 đề mục tử thi bất tịnh, 1 đề mục về 32 thể trược vì những đề mục này dễ làm cho tâm chán nản bực bội thêm.

3) Tánh si (moha): là tánh nặng về si mê, thường thiếu sáng suốt, không tỉnh táo, hay thụ động, mê muội nên dễ bị hôn trầm thụy miên. Người có tánh si nên hành đề mục hơi thở để dễ tỉnh táo, trong sáng và linh hoạt hơn, nhưng không nên niệm sự chết, niệm tịch tịnh, quán vật thực bất tịnh, phân tích tứ đại vì những đề mục này quá phức tạp đối với tâm tánh này.

4) Tánh tầm (vitakka): là tánh nặng về suy nghĩ, tìm tòi nên tâm luôn lăng xăng với những suy luận, phê phán, đánh giá... và dễ dàng trở nên trạo hối bất an. Người có tánh tầm cũng giống như tánh si thích hợp với đề mục hơi thở. Không hợp với niệm sự chết, niệm tịch tịnh, quán vật thực bất tịnh và phân tích tứ đại.

5) Tánh tín (saddhā): là tánh nặng về tin tưởng, thường cung kính, ngưỡng mộ, dễ nghe, dễ dạy. Người có tánh tín nên hành 6 đề mục tùy niệm: Niệm Phật, Pháp, Tăng, giới, thí, thiên vì nhờ tin nơi những đức tính cao thượng này mà tâm dễ ổn định.

6) Tánh giác (buddhi): là tánh sáng suốt, tỉnh thức nên tâm ít vọng động, thường trong sáng, bén nhạy, vi tế. Người có tánh giác hợp với niệm sự chết, niệm tịch tịnh, quán vật thực bất tịnh, phân tích tứ đại vì sự trong sáng, bén nhạy và vi tế của tâm hành giả có tánh giác dễ an trú trong các đề mục vi tế này.

Cả 6 tánh đều hợp với 6 đề mục kasiṇa: Đất, nước, lửa, gió, ánh sáng và hư không (còn tiếp).

(tiếp theo trang 9)

Những thỏa thuận phi pháp. Theo truyền thống, giai đoạn An cư mùa mưa chỉ là một thời điểm để trở nên nghiêm khắc hơn trong việc tu học của ta mà thôi. Cứ thường chư vị tỳ khưu đang lưu lại chung với nhau sẽ thực hiện lời nguyện nhóm như là một cách bố thí lời động viên lẫn nhau. Tuy nhiên, có một khoản luật nghiêm cấm thực hiện thỏa thuận không phù hợp với với Phật pháp. Trong câu chuyện nguyên thủy về khoản luật này, có một nhóm chư vị tỳ khưu đã thỏa thuận với nhau là không thọ giới cho bất kỳ chư vị tỳ khưu mới nào trong An cư mùa mưa này, một người họ hàng của bà Visakha muốn nhận thọ giới trong thời gian đó, nhưng chư vị tỳ khưu từ chối, bảo rằng phải đợi đến cuối An cư mùa mưa. Nhưng khi mùa mưa kết thúc, người đó bỏ ý định xin thọ giới. Chính vì thế Đức Phật đã đưa ra một khoản luật, cho là loại thỏa thuận này không nên được thực hiện: Trong mùa mưa, việc xuất gia không được cho phép. Tập Chú giải còn trích đoạn hai thỏa thuận khác nữa thuộc loại này: Làm lời nguyện một cách im lặng và thỏa thuận rằng những ai rời khỏi An cư mùa mưa trong vòng bảy ngày công việc không được chia phần những lợi lộc của Tăng chúng phân phối trong khi họ vắng mặt. Tuy nhiên, chung chung hơn tập Chú giải đó còn cho rằng những thỏa thuận thuộc loại này là những thỏa thuận phi pháp mà Đức Phật đã kịch liệt chỉ trích trong sutta Vibhanga. Hình như đây là tham khảo về câu chuyện nguyên thủy được đề cập đến trong NP 15, trong đó Đức Phật, chỉ trích một nhóm chư vị tỳ khưu vì đã sáng chế ra chính khoản luật Pacittiya riêng cho chính mình, nói rằng, điều gì không được đưa vào công thức (như là một khoản luật) không nên đưa vào công thức, và điều gì đã được đưa vào công thức, thời không nên được hủy bỏ, nhưng ta nên giữ làm sao cho phù hợp và theo đúng những khoản luật đã được đưa thành công thức."

Tập Pubbasikkha-vannanā và luật Vinaya Mukha diễn giải rộng thêm điểm này với một danh sách dài những thỏa thuận không được thực hiện: từ chối không nhận đồ đệ phụ thuộc vào mình; nghiêm cấm học hỏi và thuyết giảng Phật Pháp; nghiêm cấm tụng Pháp; nghiêm cấm nói Pháp; hay buộc tuân giữ những điều pháp Đầu đà (dhutanga). Các tập này cũng đưa ra một danh sách những thỏa thuận phù hợp với Phật Pháp, như thể động viên nhau giữ điều độ trong lời nói, tỏ ra quan tâm đến những người hành thiền khi họ tụng pháp và luôn sẵn lòng thực hiện pháp Đầu đà (dhutanga) theo ý thích của mỗi người (còn tiếp).

ĐẠI CƯƠNG VỀ VI DIỆU PHÁP

Thích Tâm Quang (dịch)
(tiếp theo)

2. TRIẾT LÝ VÀ TÂM LÝ TRONG VI DIỆU PHÁP

Một trong những chức năng của Vi Diệu Pháp là định nghĩa. Định nghĩa rất quan trọng vì muốn truyền thông đạt kết quả về một chủ đề khá chuyên môn, chúng ta phải hiểu các thuật ngữ có nghĩa gì. Bởi vậy tôi muốn nhìn vào một số thuật ngữ thường được dùng và phổ thông nói về tư tưởng Phật giáo. Tôi muốn đi đến sự hiểu biết về những định nghĩa của những thuật ngữ ấy và rồi liên hệ chúng với bản chất của giáo lý Đức Phật.

Đạo Phật thường được gọi là một tôn giáo, một triết lý, và những năm gần đây, một tâm lý học. "Tôn giáo" đề cập đến niềm tin, hay xác nhận, một đấng cao cả vô hình kiểm soát tiến trình của vũ trụ. Hơn thế nữa, Tôn giáo có một bộ phận cảm xúc và luân lý, và liên quan đến nghi thức và thờ cúng. Vì Phật giáo không công nhận sự hiện hữu của một đấng như vậy và không nặng về những nghi thức và thờ cúng, cho nên, rất khó để có thể sắp xếp Phật giáo nói chung - và đặc biệt là Vi Diệu Pháp - như một Tôn giáo.

Theo nghĩa gốc của nó, "triết lý" có nghĩa là "thích trí tuệ và kiến thức". Thông thường hơn, nó có nghĩa là điều tra nghiên cứu về bản chất của những định luật hay những nguyên nhân của tất cả sự sống. Định nghĩa này có thể áp dụng với Phật giáo ngoại trừ nó vẫn còn mơ hồ một chút do nhiều nghĩa của từ "bản chất" và "sự sống". Điều này dẫn đến hai phương pháp trong tư duy triết lý, gọi là siêu hình học và hiện tượng học. Siêu hình học là sự nghiên cứu về nguyên tắc tuyệt đối hay nguyên tắc đầu tiên. Nó đôi khi cũng được gọi là khoa học về bản thể học nghĩa là nghiên cứu các đặc tính, hay nói đơn giản là nghiên cứu mọi sự trong chính chúng. Trái lại, hiện tượng học là sự miêu tả sự vật khi chúng được chứng nghiệm bởi cá nhân; đó là khoa học về căn bản kiến thức nhân loại, sự nghiên cứu về sự vật như chúng được biết, như chúng xuất hiện trước chúng ta. Nếu coi Phật giáo là triết lý thì nó liên quan trước tiên với hiện tượng học.

"Tâm lý học" là sự nghiên cứu về tâm và trạng thái tinh thần. Giống như triết lý, nó có hai khía cạnh - tâm lý học thuần túy là sự nghiên cứu chung về hiện tượng tinh thần, và tâm lý trị liệu hay tâm lý học ứng dụng là áp dụng sự nghiên cứu hiện tượng tinh thần vào vấn đề bệnh và trị bệnh, rối loạn và điều chỉnh. Chúng ta có thể giải thích sự khác biệt giữa tâm lý thuần túy và tâm lý ứng dụng bằng phép loại suy. Hình dung một người trèo lên đỉnh đồi và nhìn bao quát xuống cánh đồng mà không một mục đích đặc biệt gì trong tâm. Sự quan sát của người ấy đi vào từng chi tiết - đồi, rừng, sông và suối - không phân biệt. Nhưng nếu người ấy có mục đích trong tâm - chẳng hạn, nếu người ấy muốn tới một đỉnh đồi khác cách xa - thì sự quan sát sẽ nhắm vào những nét đặc biệt giúp người ấy hay cản trở người ấy tiến tới mục tiêu. Khi chúng ta nói về tâm lý học ứng dụng hay tâm lý trị liệu, chúng ta muốn nói về sự nghiên cứu tâm và trạng thái tinh thần nhắm vào các hiện tượng giúp đỡ hay cản trở tiến bộ hướng tới hạnh phúc tinh thần.

Vì đã nhìn sơ lược vào định nghĩa về Tôn giáo, triết lý và tâm lý, chúng ta có thể bắt đầu nhìn thấy khía cạnh hiện tượng học của triết lý và khía cạnh chữa trị của tâm lý học liên quan nhiều nhất tới sự hiểu biết về giáo lý của Đức Phật.

Vi Diệu Pháp, giống như tư tưởng Phật giáo nói chung, rất hữu lý và hợp lý. Nếu ta nhìn kỹ vào phương pháp trình bày và lập luận trong Vi Diệu Pháp, chúng ta thấy điểm xuất phát của biện chứng, biện chứng này là khoa học về nghị luận, và cũng là sự khởi đầu của lập luận và phân tích hợp lý. Điều nào đặc biệt rõ rệt trong bốn phân loại về tính chất của câu hỏi. Được biết rằng sự hiểu biết rõ và khả năng sử dụng phân loại này rất cần thiết cho bất cứ ai muốn dấn thân vào việc bàn thảo và nghị luận về Pháp vì muốn trả lời đúng một câu hỏi, ta phải hiểu tính chất của câu hỏi.

Loại câu hỏi thứ nhất trực tiếp nhất và liên quan đến những câu hỏi có thể trả lời trực tiếp và khẳng định như "Tất cả chúng sinh đều chết phải không?". Để trả lời câu hỏi này "Phải, tất cả chúng sinh đều chết".

Loại câu hỏi thứ hai chỉ có thể trả lời với sự dè dặt đặt, chẳng hạn, "Tất cả chúng sinh sẽ tái sinh phải không?". Loại câu hỏi này không thể trả lời trực tiếp và khẳng định vì có thể có hai lối giải thích. Bởi

vậy câu hỏi đó phải được phân tích và trả lời từng cá nhân, đem cho mỗi người những nghĩa có thể:

"Những chúng sinh không thoát khỏi những ô trược sẽ phải tái sinh, nhưng những ai thoát khỏi ô trược, như các vị A La Hán, không tái sinh".

Loại câu hỏi thứ ba phải được trả lời bằng cách vặn lại câu hỏi chẳng hạn như: "Con người có mạnh không?". Ở đây, điểm tham khảo về câu hỏi phải được quyết định trước khi trả lời: nói một cách khác con người mạnh so với thần thánh hay súc vật? Nếu so với thần thánh, con người không mạnh, nhưng so với súc vật con người mạnh. Mục đích của phần câu hỏi là để quyết định điểm tham khảo mà người hỏi có trong đầu.

Loại câu hỏi thứ tư là loại mà chúng ta đặc biệt chú trọng đến ở đây. Những câu hỏi này không đáng để trả lời; lời xác nhận không thể diễn tả nổi là Đức Phật giữ im lặng thuộc về loại này. Theo truyền thống có mười bốn câu hỏi không trả lời được. Chúng ta thấy những câu này trong Kinh Chulamalunkya. Mười bốn câu hỏi gom lại thành ba loại.

- Loại thứ nhất gồm có tám câu liên quan đến bản chất tuyệt đối hay bản chất tận cùng của thế giới: thế giới bất diệt hay không bất diệt, cả hai hay không cả hai; hữu hạn hay vô hạn, cả hai hay không cả hai? Quý vị thấy loại này gồm có hai nhóm câu hỏi và cả hai đều liên quan đến thế giới. Nhóm câu hỏi thứ nhất liên quan đến sự tồn tại của thế giới trong thời gian, và nhóm thứ hai liên quan đến sự tồn tại của thế giới trong không gian.

- Loại thứ hai gồm có bốn câu hỏi: Như Lai tồn tại hay không tồn tại sau khi chết, cả hai hay không cả hai? Những câu hỏi này liên quan đến bản chất niết bàn hay thực tế tối thượng.

- Loại thứ ba gồm có hai câu: Cái ngã đồng nhất hay khác biệt với xác thân? Trong khi loại thứ nhất liên quan đến thế gian này và loại thứ hai liên quan đến xuất thế gian, loại chót này liên quan đến kinh nghiệm bản thân. Phải chăng chúng ta chết cùng với xác thân hay những cá tính của chúng ta hoàn toàn khác biệt và độc lập với xác thân?

Đức Phật im lặng khi được hỏi mười bốn câu hỏi này. Ngài mô tả những câu hỏi này như một cái lưới và không muốn bị kéo vào cái bẫy lý thuyết, ức đoán và giáo điều như thế. Ngài nói đó là vì Ngài không bị ràng buộc vào tất cả những lý thuyết và giáo điều nên Ngài đã được giải thoát. Ngài nói những ức đoán như thế đem đến bồn chồn, lo lắng, hoang mang, và đau khổ, và chính là bằng cách tự giải thoát ra khỏi những thứ đó mà ta có thể đạt giải thoát.

Chúng ta hãy nhìn vào mười bốn câu hỏi nói chung để xem liệu chúng ta có thể hiểu được tại sao Đức Phật có lập trường này. Nhìn chung, mười bốn câu hỏi này ngụ ý hai thái độ căn bản đối với thế giới này.

Đức Phật nói về hai thái độ này trong cuộc đối thoại với Maha Kachchayana, khi Ngài nói có hai quan điểm căn bản, quan điểm sự tồn tại và quan điểm về sự không tồn tại. Ngài nói người ta thường quen nghĩ về những điều này và chừng nào người ta còn vướng mắc vào hai quan điểm này chừng đó không đạt được giải thoát. Cho rằng thế giới bất diệt, thế giới vô tận, Như Lai tồn tại sau khi chết, và cái ngã độc lập khỏi xác thân, phản ảnh quan điểm tồn tại. Cho rằng thế giới không bất diệt, thế giới hữu hạn, Như Lai không tồn tại sau khi chết và cái ngã đồng nhất với xác thân, phản ảnh quan điểm không tồn tại.

Hai quan điểm này được giảng dạy bởi các đạo sư của các trường phái khác trong thời Đức Phật. Quan điểm tồn tại thường là quan điểm của những người Bà La Môn, quan điểm không tồn tại thường là quan điểm của những người theo chủ nghĩa khoái lạc. Khi Đức Phật không muốn bị kéo vào cái bẫy của quan điểm giáo điều về tồn tại và không tồn tại, tôi nghĩ rằng Ngài có hai điều ở trong tâm: (1) hậu quả đạo đức của hai quan điểm này và quan trọng hơn nữa, (2) thực tế là những quan điểm này về tuyệt đối tồn tại hay không tồn tại không đúng với cung cách, chiều hướng thực sự của các sự vật.

Thí dụ, những người theo chủ nghĩa bất diệt thấy cái ngã thường còn và không thay đổi. Khi xác thân chết, cái ngã không chết vì cái ngã có bản chất không thay đổi. Nếu trường hợp này là đúng, dù xác thân làm gì: hành động của xác thân không ảnh hưởng đến số phận cái ngã. Quan điểm này không tương hợp với trách nhiệm tinh thần vì nếu cái ngã bất diệt và không thay đổi, nó sẽ không bị ảnh hưởng bởi hành động thiện hay bất thiện. Tương tự như vậy, nếu cái ngã đồng nhất với xác thân, và cái ngã chết khi xác thân chết, thì không có gì quan niệm về việc xác thân làm gì. Nếu bạn tin rằng sự tồn tại chấm dứt vào lúc chết, thì sẽ không có sự hạn chế nào về hành động. Nhưng trong tình trạng sự vật tồn tại do nguyên gốc phụ thuộc lẫn nhau, tuyệt đối tồn tại và không tồn tại đều không thể xảy ra (còn tiếp).

Tâm hiếu

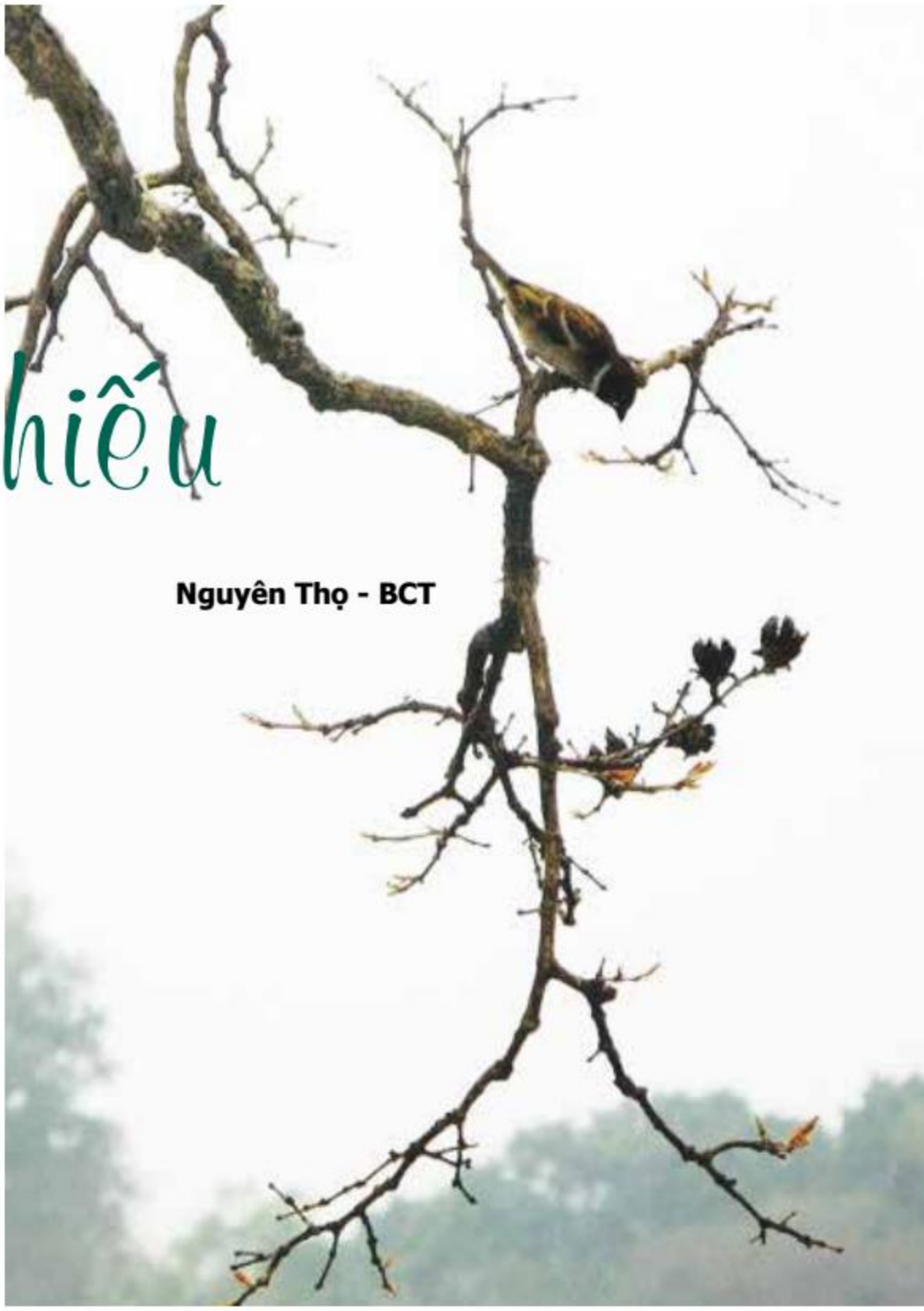

Nguyên Thọ - BCT

Đạo Phật là đạo hiếu, nghĩ thế nhưng mấy ai đã chu tròn phận làm con. Thời buổi kinh tế thị trường, thì giờ và công sức chiếm hết để kiếm tiền, tình thương đối với cha mẹ dần phai nhạt. Cố gắng dành cho người thân mình không khí thân mật, ấm cúng hầu trao đổi chuyện đời thật hiếm. Người giàu có, dư thừa vật chất, kẻ nghèo nàn... cũng "khóc" bởi mỗi người chạy theo hướng đời nắm níu, thôi thúc. Nhiều cảnh cười ra nước mắt: con cái đã "cách ly" cha mẹ, đưa vào trại dưỡng lão, gửi từ đứa con này đến đứa con nọ rồi phân bì hơn thiệt: con đầu, con út, dâu trưởng, dâu út... đến nỗi người thân không biết mình thời gian sắp đến sẽ ở và về đâu? Tiền bạc nhiều khi cha mẹ phải chi hậu hĩnh để được lòng con cái, bằng không con cái đùn đẩy thì khổ thân. Quan niệm phương Đông không thể đồng cảm với phương Tây, mà khác xa trong ý niệm và hành động. Phương Tây con cái xem cha mẹ như bộ máy sản xuất, nhào nặn ra con người với lý lẽ đơn giản mà tạo hóa ban cho chứ không nghĩ cái phần hồn của tâm linh, dẫu Pascal đã nói: "Con người là cây sậy, nhưng cây sậy có tư tưởng".

Mùa Hiếu Hạnh, cha mẹ không cầu mong con cái đền đáp ơn sinh thành dưỡng dục mà luôn bận tâm đến con cái từng ngày. Con cái có nghĩ đến cha mẹ mình cũng chỉ thoáng qua rồi quên, miễn sao gia đình vợ con no ấm, đầy đủ, thành đạt. Có lẽ phần hồn họ thiếu nhất là sự tu học Phật pháp. Chưa có nơi nào trên thế giới này, sách Phật pháp ở trong và ngoài nước đều dốc trí tuệ, sức lực biên soạn, nghiên cứu, dịch thuật, sáng tác cho Văn hóa Phật giáo. Vào thư quán các tỉnh thành, tủ sách Phật giáo rất phong phú... Món ăn tinh thần chay tịnh này có nhiều bài viết về công ơn cha mẹ, ta có thể đọc "Bông hồng cái áo" của Thiền sư Nhất Hạnh, mỗi mùa Vu Lan đã in lại và quảng bá rộng rãi đến Phật tử, tập văn của Thiền có tính thuyết phục cao, giúp cho người con thẩm thấu tình thương vô úy của Phật Đà nói chung và người Phật tử nói riêng. Ngoài sách ấn tống, còn có nhạc, thơ, họa... nhằm phục vụ chúng sanh. Nhưng chúng sanh cứ chạy theo cơm áo, danh sắc, bạc tiền, lần lữa mãi... cho đến tuổi già sức yếu, mắt mờ, chân mỏi làm sao thưởng thức hương vị Phật giáo dồi dào, phong phú.

Bằng tất cả ngưỡng vọng, thành kính dâng lên Mẹ hiền Quán Thế Âm niềm hoan hỷ của chúng con trong mùa Vu Lan Tự Tứ. Xin nguyện cho những ai đang còn cha mẹ phụng dưỡng với tấm lòng đạo hiếu. Những ai không còn cha mẹ xin cũng chia sẻ, trợ khai Phật huệ dưới hào quang Như Lai để cảm niệm phước đức cha mẹ mà gieo nhân lành, hướng thiện chân tâm...

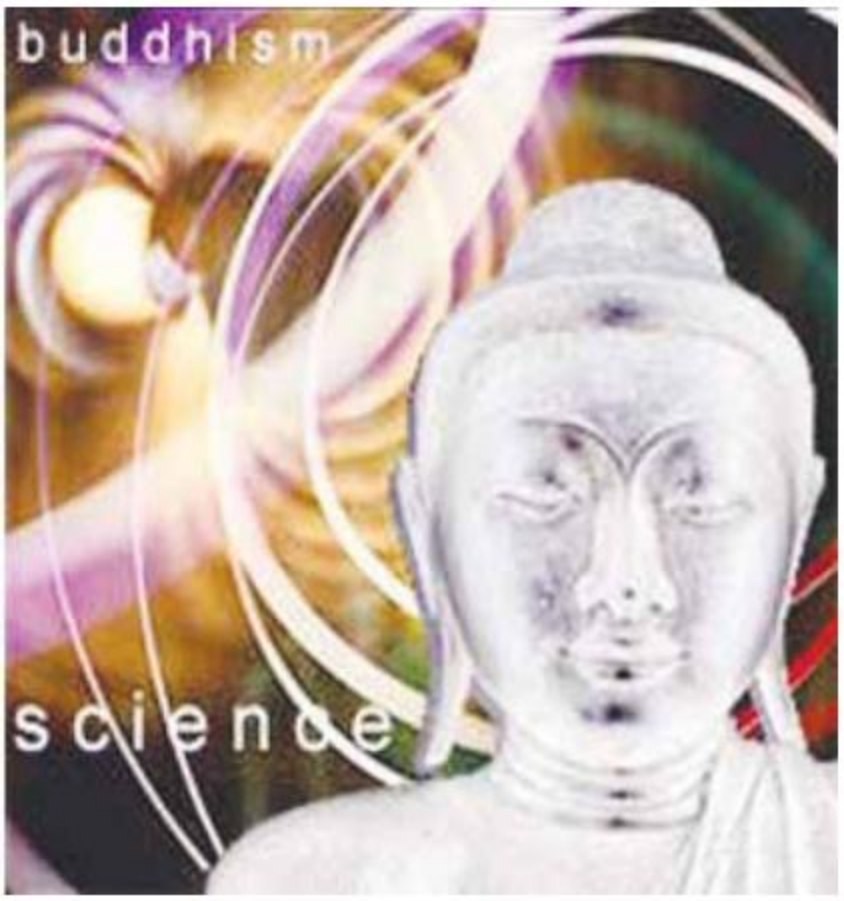

Mang Phật học vào thế giới hiện đại

Văn Công Hưng
(theo The New York Times)

Robert Y.C. Ho, hậu duệ của một gia đình lịch sử ở Hồng Kông, là chủ tịch của Quỹ Gia đình Robert H.N. Ho, tổ chức hỗ trợ nghiên cứu trong các lĩnh vực Phật giáo, nghệ thuật và văn hóa Trung Quốc. Tổ chức từ thiện này được đặt theo tên của cha ông Ho, người sáng lập ra quỹ vào năm 2005.

Quỹ Gia đình Robert H.N. Ho đã cung cấp nguồn lực tài chính cho các chương trình Phật giáo tại Đại học Harvard, Đại học Stanford và Courtauld Institute of Art ở London. Trong tháng 5, quỹ đã tài trợ 1,9 triệu USD cho Hội Các nhà Khoa học thuộc Cộng đồng Hoa Kỳ trong việc nghiên cứu và giảng dạy Phật học.

Robert Y.C. Ho

Tại sao cha của ông lại quyết định tập trung vào Phật giáo?

- Robert Y.C. Ho: Thật không khó khi chọn Phật giáo bởi vì bà của tôi, Lady Clara, đã thành lập một ngôi chùa ở Hồng Kông (Đông Liên Giác Uyển) vào năm 1935 - sau đó đã phát triển thành hai tổ chức từ thiện, tại Hồng Kông và Canada - và kèm theo đó là một trường học. Vì vậy, Phật giáo là một phần của gia đình.

Chúng tôi cũng hỗ trợ nghệ thuật và văn hóa Trung Quốc bởi vì cha tôi, người lớn lên ở Hồng Kông, đánh giá cao nghệ thuật Trung Quốc - cổ điển, truyền thống và đương đại.

Nghiên cứu Phật giáo thường được gắn liền với lịch sử. Làm thế nào để ông có thể làm cho chúng phù hợp với đời sống ngày hôm nay?

- Nói chung, các nghiên cứu Phật giáo ở hình thức cao hơn đã trở nên cổ xưa và lỗi thời, trong ý nghĩa rằng nó chủ yếu dựa trên văn bản, nơi chúng tôi có các học giả là các chuyên gia về tiếng Pali, Sanskrit, tiếng Trung Quốc, tiếng Nhật Bản cổ. Họ đọc những văn bản này và thảo luận về chúng. Điều đó mất rất nhiều thời gian và không thực sự liên quan đến những gì xảy ra trong thế giới thực.

Nhưng rất nhiều học giả trẻ đang đẩy mạnh vào những lĩnh vực mới, như nghiên cứu về Phật giáo và chính trị, Phật giáo và môi trường, giải quyết xung đột, Phật giáo và tâm lý học, những điều đại loại như thế, và làm thế nào để thể hiện Phật giáo trong cuộc sống. Hầu hết các khoản tài trợ của chúng tôi đang hướng về lĩnh vực này, đó là Phật giáo trong thế giới đương đại. Đây là lĩnh vực mà chúng tôi muốn thúc đẩy và nâng cao, nhằm làm cho nó phù hợp với đối tượng đương đại.

Tại sao ông lại làm việc chủ yếu với các trường đại học và các tổ chức ở phương Tây mà không phải với các tổ chức khác ở Trung Quốc hoặc của châu Á?

- Chúng tôi đang tìm kiếm các đối tác thích hợp, các tổ chức uy tín. Tiêu chuẩn của học bổng là truyền thống, ít nhất là trong thời kỳ hiện đại và đương đại. Do đó, khi xem xét thực tế thì ở Bắc Mỹ và phương Tây có điều kiện cao hơn nhiều.

Chúng tôi đang xem xét việc cộng tác tại Trung Quốc, nhưng tất cả các tổ chức ở đây đều sử dụng vốn Nhà nước. Điều đó gây nhiều khó khăn trong việc tìm một đối tác.

Đông Nam Á lại là một câu chuyện khác. Ví dụ, ở Thái Lan và Sri Lanka, họ có một danh mục các tổ chức được gọi là các trường đại học Phật giáo, và họ nghiên cứu Phật giáo theo cách truyền thống. Họ theo mô hình của Ấn Độ từ thời Trung cổ: họ có một tu viện lớn và bên cạnh tu viện có một trường đại học nơi mà họ sẽ giảng dạy Phật giáo theo quan điểm truyền thống. Đó không phải là những gì chúng tôi đang tìm kiếm.

Thông qua Đông Liên Giác Uyển tại Hồng Kông, chúng tôi đã giúp thành lập Trung tâm Nghiên cứu Phật giáo tại Đại học Hồng Kông - đó chính là nơi trước đây chúng tôi bắt đầu quỹ gia đình. Sau khi chúng tôi bắt đầu vận hành quỹ, hầu hết các khoản tài trợ của chúng tôi cho các lĩnh vực liên quan đến Phật giáo chủ yếu đều thông qua quỹ này.

Ở Hồng Kông, nơi đặt trụ sở của quỹ, ông dường như chỉ tập trung vào nghệ thuật và giáo dục văn hóa. Tại sao vậy?

- Với Hồng Kông chủ yếu là người Trung Quốc, chúng tôi đặt chương trình này trong khuôn khổ của nghệ thuật và văn hóa Trung Quốc. Chính niềm tin cơ bản rằng nghệ thuật và sự sáng tạo là một phần của một con người và tâm lý con người - điều quan trọng là tạo nên một con người hoàn thiện, và những việc làm đó rất quan trọng. Điều đó quan trọng không chỉ cho cá nhân mà còn cho một xã hội lành mạnh.

Chính phủ đã có một vài sáng kiến nhằm cố gắng làm cho Hồng Kông trở thành một trung tâm văn hóa hay nghệ thuật?

- Họ đang đặt rất nhiều nỗ lực trong phần cứng. Điều đó thật tốt, đó là một phần quan trọng, nhưng bạn cũng cần có khán giả.

Phần mềm là chương trình giáo dục, để cho những người đến với các sự kiện nghệ thuật có thể đánh giá, bàn luận và phê bình. Bạn cần khía cạnh đó. Những gì chúng tôi đang cố gắng làm chỉ là một chút nhỏ, nhưng chúng tôi tin rằng nếu Hồng Kông muốn trở thành một thành phố thế giới, nó cần thành phần này.

MYANMAR

Ông Arrowsmith cạo bỏ râu tóc để tham dự khóa tu.

Khi tham gia vào chương trình chuyên tu này, hành giả phải thức dậy từ lúc 3 giờ 30 phút, giữ im lặng và tiết chế ăn uống trong suốt thời gian phát nguyện chuyên tu. Phần lớn thời gian trong ngày là dành trọn cho việc thiền hành, thiền tọa, quán chiếu nội tâm, theo dõi những cảm thọ. Mỗi ngày họ chỉ dùng điểm tâm vào sáng sớm và ăn trưa trước giờ ngọ, sau đó, thì không ăn gì nữa. Đây là những điều không mấy hấp dẫn đối với khách du lịch thích hưởng thụ. Nhưng với những người có tâm cầu đạo giải thoát, muốn tìm kiếm dưỡng chất cho tinh thần, tìm sự bình an nội tại thì đây là một cơ hội lý tưởng cho họ.

Nhiều khách du lịch phương Tây đã tham gia vào chương trình chuyên tu ấy và họ đã có những trải nghiệm đầy ý nghĩa. Ông Rupert Arrowsmith, một sử gia người Anh đã tham gia khóa chuyên tu suốt 45 ngày tại tu viện Chanmyay Yeiktha, một tu viện nổi tiếng về sự khổ hạnh, đã chia sẻ: "Lúc mới bắt đầu, tôi có cảm giác như mình đang lao vào một bức tường gạch vậy. Cực kỳ khó khăn khi

Các tu viện tổ chức chương trình chuyên tu cho du khách

Hoàng Lam (theo AFP)

TRONG THỜI GIAN QUA, MỘT SỐ TU VIỆN Ở MYANMAR ĐÃ TỔ CHỨC CHƯƠNG TRÌNH CHUYÊN TU CHO KHÁCH HÀNH HƯƠNG TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ.

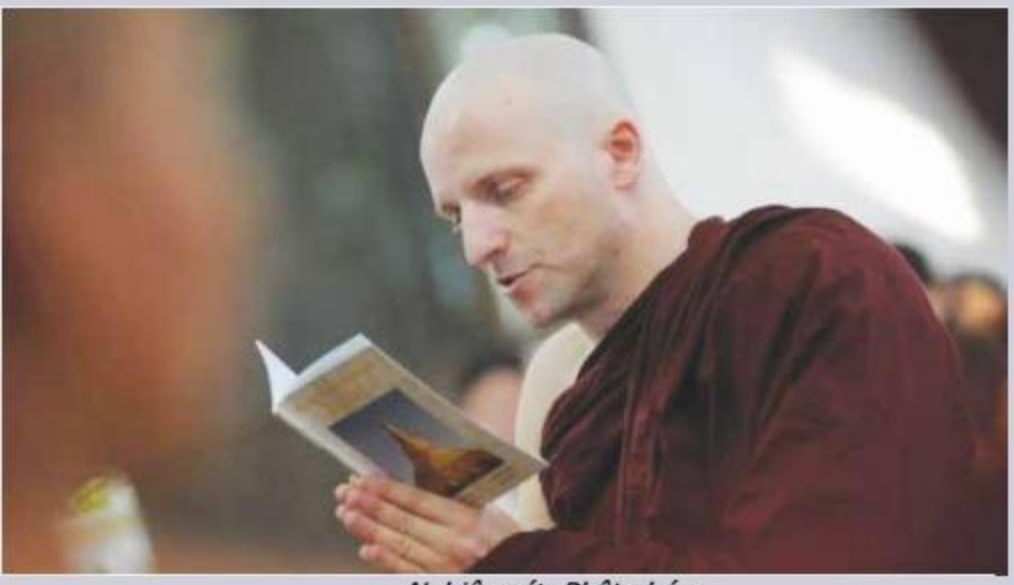

Nghiên cứu Phật pháp.

lần đầu tiên mình phải ngồi lâu và phải giữ cho tâm yên tĩnh. Lúc tham gia vào khóa chuyên tu, chúng ta được sống trong một môi trường mới, mặc áo quần theo một cách thức khác, ăn uống theo một cách thức khác, thậm chí có người cạo bỏ râu tóc luôn... và khép mình vào lối sống của người tu sĩ".

Ông Arrowsmith kêu gọi những người tham gia vào chương trình chuyên tu hãy thực tập nghiêm túc. Việc chuyên tu như thế ít nhiều quan trọng đối với những ai muốn hiểu về những chức năng của tâm thức mình.

Cả người nam lẫn người nữ đều có thể đăng ký vào các tu viện để tham gia các khóa chuyên tu trong vòng hai tuần hoặc có thể lên đến vài tháng. Trong suốt thời gian đó, việc ăn ở và chi phí sinh hoạt của họ đều được tu viện cung cấp miễn phí.

Với hàng nghìn tu viện trong cả nước và là một khu vực nổi danh đối với việc sùng đạo và tu đạo, Myanmar hy vọng sẽ thu hút những khách du lịch có hứng thú với việc tu tập theo đạo Phật.

Các nhà lãnh đạo Phật giáo Myanmar cho hay, dọc theo biên giới giữa Thái Lan và Myanmar đã xây dựng nhiều tu viện làm điểm đến cho các khách du lịch hướng đến đời sống tâm linh. Mỗi năm có khoảng 1.000 khách du lịch nước ngoài tham gia vào khóa thiền chuyên sâu tại các tu viện và đã có khoảng 50 người nước ngoài đã phát tâm xuất gia, chính thức thọ giới và trở thành những tu sĩ Phật giáo.

Chuyên tâm hành thiền.

Viếng thăm Myanmar xứ sở của xá lợi Phật

Thiện Đức Nguyễn Mạnh Hùng
(tiếp theo)

trong các cuộc hành hương đến bang Môn của đất nước xá lợi Phật không thể thiếu được.

Chúng tôi ấn tượng nhất là công đoạn chuyển xe để lên núi. Tất cả 32 thầy trò chúng tôi được đưa lên ngồi trên chiếc xe chuyên dụng của hãng Nissan, trông giống như một chiếc xe tải chở hàng. Xe rất khỏe, 2 cầu để leo núi. Tất cả được ngồi vào thùng xe phía sau. Trên ca bin lái xe có thêm 2 chỗ ngồi. Thế là tôi được Đại đức Thích Minh Đồng mời lên ngồi cùng như một thị giả. Thật vinh dự. Bên cạnh là bác tài người địa phương.

Khi lên tôi phát hiện ra phía sau ghế của 2 thầy trò có một khoảng trống, thế là mời thêm 2 thành viên nữa lên ca bin. Để cho thùng xe phía sau thêm chỗ ngồi cho đoàn với 28 thành viên còn lại. Ngồi trên chúng tôi có cơ hội được ngắm đường xá, núi rừng.

Cũng nói thật rằng, đường rất quanh co, gấp khúc. Nguy hiểm hơn nhiều so với đường lên Tam

ĐẾN VỚI NÚI ĐÁ VÀNG THIÊNG TRÊN ĐỈNH CAO KYAIKTIYO

Xe chúng tôi rời thành phố Yangon tiến về phía Bắc. Đó là ngày thứ 3 có mặt trên đất nước Myanmar bình an và quyến rũ. Phía trước là chùa Kyaiktiyo. Chùa còn có tên khác là chùa Núi Vàng (tiếng Anh là Golden Rock). Đây là một địa danh

Đảo, Sa Pa hay Hải Vân nơi tôi đã từng lái xe qua. Nhiều đoạn vừa dốc, vừa hẹp, vừa gấp khúc. Tôi đã nhiều lần phải nắm thật chặt tay vào thành xe cho... bớt sợ. Phía sau, trên thùng xe, tôi biết quý thầy và Phật tử đang đồng thanh niệm danh hiệu của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát. Tiếng niệm vang vọng vào núi rừng, xuyên qua cửa kính đóng kín vào tận ca bin của chúng tôi. Tôi ngoái lại nhìn và thấy những khuôn mặt rất thành kính và an lạc.

May mắn nhất của chúng tôi là không phải trèo bộ từ giữa núi lên cao. Cô gái trẻ Mô Mô người địa phương cho biết, nếu trời mưa hay khí hậu không cho phép, chúng tôi phải leo bộ quãng hơn 1 tiếng nữa mới đến nơi. Mà đoạn trên đỉnh này mới được thi công chứ nếu chúng tôi đến đây giờ này năm trước thì cách duy nhất là trèo bộ. Mỗi người trả thêm 3 đô la nữa cho đoạn này. Quá rẻ!

Cũng phải nói thêm, từ đoạn giữa núi này, xuất hiện những người địa phương làm dịch vụ cõng hàng thuê và khênh người. Nếu có hàng hóa, họ đựng vào gùi sau lưng và cõng lên. Nếu ai yếu không leo được đã có 4 người đàn ông cho bạn ngồi lên ghế. Họ dùng 2 đòn tre và khênh bạn trên vai. Tôi đã chứng kiến và chụp được những bức ảnh các bạn Hàn Quốc được họ "phục vụ". Cái ngạc nhiên là những người bạn của xứ sở Kim Chi này còn rất trẻ. Thầy Thích Minh Đồng bảo tôi rằng dân Hàn Quốc quen ngồi văn phòng nên ngại trèo núi và họ không leo núi với quãng thời gian hơn 60 phút đâu. Thật là có lý.

Chùa Núi Vàng khá nhỏ, chỉ cao có 7.3 mét. Thực chất đây là một ngôi tháp được xây dựng trên đỉnh của một tảng đá granite được mạ vàng lá khắp các mặt. Trông tảng đá rất chênh vênh, hình như có thể đổ hay lăn xuống vực bất cứ lúc nào. Vô cùng chênh vênh. Vô cùng khó hiểu tại sao không bị lăn xuống vực!

Người nữ thì dâng vật cúng lên các bàn thờ rồi đứng từ xa để chiêm ngưỡng, kính lễ và cầu nguyện.

Theo truyền thuyết được kể lại, trong ngôi Chùa Tháp trên đỉnh Golden Rock có thờ tóc của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Về câu chuyện của 2 anh em thương gia Đế Lệ Phú Sa (Tapassu) và Bạt Lệ Ca (Bhallika) năm xưa từ trung Ấn trở về phía bắc, đi qua khu rừng nơi Đức Thế Tôn mới thành đạo và được Ngài tặng ít tóc và móng tay để mang về thờ tôi đã viết trong phần trước. Đây đích thực là nơi thờ tóc linh thiêng rồi. Đại đức Thích Minh Đồng, tôi và một vài quý vị khác đã ngay lập tức ra cạnh tảng đá, thành tâm đảnh lễ và ngồi thiền.

Lại nói về tảng đá kỳ diệu này, tôi đã ngồi ngắm kỹ kết cấu từ các góc cạnh khác nhau để tìm ra nguyên nhân trụ vững nơi đây. Bản chất về mặt khoa học là trọng lực phải được dồn vào tâm điểm và phần nặng phải nằm trong tảng đá phía dưới. Trong khi đó cả 2 tảng đá chồng lên nhau và nằm trên đỉnh của núi Kyaiktiyo rất chênh vênh. Vẫn khó hiểu. Nếu phân tích theo khoa học với góc độ của dân khoa học như tôi thì... bó tay!

Cũng nói thêm về nghĩa của từ Kyaiktiyo. Theo người dân địa phương thì từ này có đủ cả 3 nghĩa: Bảo tháp thờ tóc của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tượng trưng cho Ứng hóa thân của Đức Phật. Tảng đá đặt bảo tháp - tượng trưng cho Báo thân của Đức Phật. Tảng đá thứ 2, bên dưới - tượng trưng cho Pháp thân của Đức Phật. Như chúng ta đã biết, giáo lý Tam Thân là rất quan trọng trong Phật giáo Đại thừa mà trong lịch sử Myanmar, Phật giáo Đại thừa có mặt rất sớm.

Kyaiktiyo cũng tượng trưng cho 3 ý nghĩa của Tam bảo: Phật, Pháp, Tăng. Bảo Tháp thờ tóc của Đức Phật tượng trưng cho Phật Bảo. Tảng đá nâng Bảo Tháp tượng trưng cho Pháp Bảo. Tảng đá phía dưới tượng trưng cho Tăng Bảo. Ba ngôi báu cùng có mặt nơi đây! Và chùa tháp Núi Vàng Golden Rock ở Kyaiktiyo luôn là tâm điểm của các cuộc hành hương. Nơi đây luôn được coi là điểm quan trọng thứ 3 của mỗi Phật tử sau chùa Vàng Shwedagon và chùa Mahamuni. Tôi còn được nghe nói rằng với năng lượng và sự linh thiêng đặc biệt của ngôi chùa tháp thờ tóc Đức Phật này đã quá đủ cho những ai muốn tu đắc quả Phật!

Lại có một truyền thuyết khác kể rằng, tại một trong nhiều chuyến viếng thăm cõi trần gian của Đức Phật, Ngài đã tặng một ít tóc của mình cho vị ẩn sĩ tên là Taik Tha. Vị ẩn sĩ này mang tặng cho vua Tissa với mong muốn những sợi tóc quý của Đức Phật phải được thờ trong tảng đá có hình giống

như chiếc đầu của vị ẩn sĩ Taik Tha. Nhà vua lúc đó có một sức mạnh tự nhiên rất lớn được nhận từ cha và mẹ mình với các danh hiệu là Zawgyi và Naga đã tìm thấy tảng đá đúng như vậy ngay sát biển. Với sự trợ giúp của Thagyamin, nhà vua cùng với cộng đồng Phật giáo tìm ra núi Kyaiktiyo để xây bảo tháp thờ tóc quý. Theo truyền thuyết, tảng đá không rơi xuống vực là nhờ tóc của Đức Phật đang được thờ tại đây. Cũng thật thú vị khi nghe kể rằng con thuyền được sử dụng để chở tảng đá đến đây tự biến thành tảng đá thứ hai phía dưới.

Tôi ngồi thiền sát bên tảng đá thiêng và bảo tháp thờ tóc Phật khá lâu. Sau đó, tôi đã thành tâm lễ Phật 108 lễ. Rồi tôi ôm tảng đá vào lòng mình. Tôi ôm từ các góc khác nhau. Rất tuyệt vời. Những cảm giác rất lạ không thể diễn tả thành lời!

Cũng phải nói thêm rằng, khi ngồi thiền ở nơi đây, tôi có cảm giác rất khác. Hình như cả quả núi đang đung đưa, chao đảo, nghiêng ngả. Hình như tôi đang ngồi thiền trên chiếc võng. Hình như có nhiều chư thiên và các vị Thánh đang cạnh tôi và hỗ trợ cho tôi. Cô gái Mô Mô thì nói rằng tầm 3 giờ sáng mỗi ngày rất nhiều chư thiên đến đây đảnh lễ. Chính họ giữ cho tảng đá không lăn xuống vực.

Thêm một chuyện nữa: Phụ nữ không được đến gần tảng đá, kể cả ni sư. (Myanmarlà đất nước theo Phật giáo Nguyên Thủy nên không nó ni sư mà chỉ có tu nữ, những vị phái nữ giữ 8 hay 10 giới). Họ nói rằng nếu phụ nữ đến gần, tảng đá sẽ lăn xuống vực. Vậy nên, rất thiệt thòi cho phái nữ, nhất là các sư thầy là ni của đoàn chúng tôi. Biết làm sao được khi đó là quy định của đất nước Myanmar!

Một điều thú vị rằng cô Mô Mô người Myanmar dặn chúng tôi: Nếu ai ra đó lễ Phật 3 lần thì mọi mong muốn đều thành sự thật và sẽ tu đắc đạo. Nghe cũng thấy thú vị và hay hay. Cô nói rằng những đoàn Thái Lan bao giờ cũng đến ngay chùa Núi Vàng Golden Rock khi đặt chân đến Kyaiktiyo. Sau đó, tối họ ra một lần nữa, và sáng hôm sau ra lần thứ ba. Chúng tôi gồm 4 thành viên: Tôi, bạn Thanh Hương, bạn Đức Hải và bạn Tín An quyết định ra chùa tháp Núi Vàng lần 2 lúc 20 giờ 30 phút. Ở đó, quả thật rất nhiều người Thái Lan ngồi chật kín. Chúng tôi kiếm một nơi có mái che ngoài trời ngồi thiền. Tôi cũng đảnh lễ rất thành kính và đi nhiễu quanh. Chùa Núi Vàng về đêm thật lung linh và huyền diệu. Chúng tôi về khách sạn lúc khoảng 22 giờ 30 phút.

Sáng hôm sau Đại đức Thích Minh Đồng cùng

chúng tôi ra chùa Núi Vàng Golden Rock lúc 4 giờ sáng. Chúng tôi ở đó thiền và lễ Phật đến 07 giờ sáng thì về ăn sáng rồi quay trở về Yangon. Cả đêm hôm đó lẫn sáng trời sương mù. Mây bay khắp nơi. Đẹp đến khó tả, giống như cảnh giới khác chứ không phải trái đất của chúng ta!

Tôi không thể không kể về cảnh đẹp hoàng hôn vào buổi tối. Nói thật rằng chưa bao giờ tôi thấy hoàng hôn đẹp đến như vậy. Đi khắp 5 châu và đã đặt chân tới hơn bốn mươi quốc gia với hàng trăm chuyến đi nhưng chưa thấy ở đâu và khi nào đẹp và đẹp kỳ lạ đến vậy. Thật sự như vậy ạ. Không ai bảo nhau nhưng tất cả chúng tôi đều thốt lên: đúng thật đây là thiên đàng, là Niết bàn nơi ta bà. May thay tôi cũng chụp được vài bức ảnh nhưng do máy ảnh du lịch nên chắc chỉ đạt đến nhiều lắm là 30% sự thật vi diệu này.

Bạn đọc cũng lưu ý rằng chùa Núi Vàng Golden Rock nằm ở độ cao 1.100 mét so với mực nước biển trên đỉnh của núi Kyaiktiyo. Chùa cách Yangon quãng 210 km, cách làng Kinpun 16 km, nơi có thể trèo bộ lên chùa. Lối vào chùa có 2 tượng sư tử rất lớn gác lối. Đường lên núi được xây dựng năm 1999 để chở khách hành hương từ bến xe Yatetaung. Đoạn đường mà tôi nói phải trèo hơn 1 tiếng thực ra chỉ để chúng ta vượt độ cao có.... 1,2 km mà thôi! Trên thực tế đường vòng dài khoảng 11 km.

Chúng tôi có may mắn thấy chùa Núi Vàng Golden Rock ở tại 3 thời khắc đặc biệt trong ngày: Buổi chiều đến tận hoàng hôn, ban đêm tĩnh lặng và sáng sớm mai. Từ khách sạn nơi chúng tôi ở ngắm chùa Núi Vàng Golden Rock vô cùng đẹp bởi chỉ cách độ khoảng 5 phút đi bộ.

Khi viết những dòng chữ này tôi vẫn thấy trong tâm mình cảnh núi xanh, mây trắng, tháp vàng. Tôi vẫn thấy núi rừng bạt ngàn và chim hót khắp nơi. Tôi biết quả chuông tôi mua cúng dường và đang được treo nơi đây vẫn đang reo vang khi có gió.

Nhớ lắm chùa Núi Vàng Golden Rock ơi! Biết bao giờ mới được quay trở lại (còn tiếp).

Phỏng vấn các vị Hòa thượng đại diện Giáo hội Phật giáo Việt Nam tham gia phái đoàn Chủ tịch nước Trương Tấn Sang thăm chính thức Hoa Kỳ

Nhận lời mời từ Văn phòng Chủ tịch nước, ba vị Hòa thượng (HT) Phó Chủ tịch HĐTS GHPG Việt Nam là Hòa thượng Thích Trí Quảng, Hòa thượng Thích Thiện Tâm và Hòa thượng Thích Giác Toàn đại diện GHPG Việt Nam đã tham gia phái đoàn Chủ tịch nước thăm chính thức Hoa Kỳ từ ngày 24 đến 27 tháng 7 vừa qua. Nhân dịp này, phóng viên Báo Việt Weekly đã có cuộc phỏng vấn với các vị Hòa thượng đại diện Phật giáo trong nước về tình hình sinh hoạt, tự do tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam. Tạp chí xin được đăng tải để giới thiệu.

PV: *Kính thưa HT. Thích Trí Quảng, xin HT giới thiệu đôi nét về bản thân cũng như ý nghĩa của việc các vị Hòa thượng đại diện GHPG VN tham gia phái đoàn Chủ tịch nước thăm chính thức Hoa Kỳ?.*

HT. Thích Trí Quảng: Tôi là Thích Trí Quảng – hiện là Phó Chủ tịch HĐTS GHPG VN, được tháp tùng Chủ tịch nước Trương Tấn Sang sang thăm Hoa Kỳ, cũng là lần đầu tiên may mắn được gặp đông đảo kiều bào ta ở hải ngoại, tôi rất vui mừng. Trong chuyến đi này, tôi có thêm cảm nhận sâu sắc về tình cảm thân thương của đồng bào ta ở nước ngoài. Đặc biệt, ở đây, tôi vừa tiếp xúc với một bà cụ đã xa quê hương hơn 60 năm, sinh sống và làm việc từ Pháp sang Anh và cuối cùng là Mỹ, xa quê hương đã lâu, tình cảm của cụ đối với quê nhà vẫn thắm đượm và chân thành khôn xiết. Điều này cũng giúp tôi thấy được rằng, về mặt này mặt kia, chúng ta có thể chưa gặp nhau, nhưng vượt lên trên hết, tình cảm đồng bào, tình quê hương, đất nước luôn luôn in đậm trong trái tim mỗi người con dân đất Việt. Mục đích của chúng tôi khi tham gia phái đoàn Chủ tịch nước thăm chính thức Hoa Kỳ, trước tiên, là để gặp lại nhân dân, đồng bào ta ở nước ngoài cũng như Tăng, Ni, Phật tử hiện đang sinh sống tại đây và cũng là để góp tiếng nói của mình, giúp cho nhân dân ta ở hải ngoại cũng như nhân dân nước bạn hiểu được tình hình ở Việt Nam, mong muốn xóa đi những sự bất đồng không đáng có, nối sợi dây gắn bó lâu dài và toàn diện giữa Chính quyền, Nhân dân và Phật tử hai nước.

PV: *Kính thưa quý Hòa thượng, thời gian qua và gần đây, có một số người Việt ở hải ngoại, giới nghệ sĩ cũng như một số thành viên trong chính quyền Mỹ đã đặt vấn đề về tình hình tự do Tôn giáo ở Việt Nam; có dư luận còn cho rằng ở Việt Nam, không có tự do Tôn giáo. Thưa Hòa thượng Thích*

Giác Toàn, là người dẫn dắt chư tăng ni Phật tử tu tập, sinh hoạt Phật giáo trong nước, xin Hòa thượng cho biết đôi nét về tình hình tôn giáo ở Việt Nam hiện nay?.

HT. Thích Giác Toàn: Trước tiên, tôi xin cảm ơn Ban Biên tập (BTT) của báo Việt Weekly đã tạo cầu nối cho chúng tôi gặp gỡ Kiều bào Việt Nam trên đất Mỹ qua tờ báo. Như chúng ta đều biết về hoàn cảnh đất nước Việt Nam ta sau chiến tranh, Chính phủ Việt Nam đã nỗ lực từng bước xây dựng nền hòa bình, độc lập; trong quá trình xác lập sự ổn định chế độ XHCN – đặc biệt thời kỳ "bao cấp" từ 1975 đến 1985, về mặt tôn giáo, nếu đánh giá khách quan, sẽ có những mặt hạn chế nhất định. Ở một góc độ nào đó, nếu đã từng quen với sự tự do, thoải mái trong sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo mà thiếu đi sự chia sẻ những khó khăn và cảm thông với yêu cầu thời đại của đất nước lúc bấy giờ, sẽ có quan điểm cho rằng những chính sách, chủ trương của Chính phủ Việt Nam thời kỳ đó mang tính chất hạn chế và cấm đoán. Tuy nhiên, như bản thân chúng tôi, những người Phật tử tự nguyện ở lại với bà con trong nước để chia sẻ với những tín đồ nghèo thay vì rời sang các nước khác, chúng tôi xem đó là điều hoàn toàn có thể chấp nhận được cảm nhận được thực tế đời sống và nhu cầu tín ngưỡng của người dân trong và ngoài nước trong 10 năm đầu đó (1975-1985) Chính phủ Việt Nam đã không ngừng thực hiện những điều chỉnh và đổi mới chính sách theo đường lối xây dựng Chủ nghĩa Xã hội trên mọi phương diện, bao gồm cả những chính sách về tín ngưỡng, tôn giáo. Cho nên, từ năm 1986 đến nay, cứ khoảng năm năm hoặc mười năm, chính sách, quy định về tự do tín ngưỡng, tôn giáo lại được cải tiến một lần. Sự cải tiến rõ rệt đầu tiên mà chúng ta có thể nhận thấy là thay vì trước đây (1975-1980) các cơ sở tôn giáo, chùa chiền muốn tổ chức lễ hội để quy tụ tín đồ và tu sĩ từ các nơi về tham dự đều phải xin giấy phép và phải mất một khoảng thời gian nhất định mới được cấp phép; kể từ khi Nhà nước ban hành quy định mới về tôn giáo, tín ngưỡng, tình hình sinh hoạt có nhiều cải thiện đáng kể, các cơ sở tôn giáo chỉ cần kê khai tất cả các hoạt động lễ hội theo thứ tự trong năm và đến khi có buổi lễ thì chỉ cần thông báo mà không cần phải xin phép như trước đây nữa. Theo chúng tôi thấy, đây là một bước tiến, một sự đổi mới rất lớn thỏa mãn nhu cầu của các tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng về việc đơn giản hóa thủ tục pháp lý.

PV: *Thưa HT. Thích Giác Toàn, xin HT cho biết đôi nét về tình hình đào tạo Tăng Ni, Phật tử lớp kế cận của Phật giáo trong nước hiện nay?*

HT. Thích Giác Toàn: Chúng tôi có nhân duyên gắn bó với HT. Thích Minh Châu liên tục từ khi Ban vận động thống nhất PGVN được hình thành và sau kế đó là HT. Thích Thiện Siêu (Trưởng ban Giáo dục Tăng ni GHPG VN), lúc bấy giờ chúng tôi chịu trách nhiệm Thư ký, Phó ban và Phó ban thường trực cho đến hôm nay. Thời kỳ 1975-1981 là thời gian từng bước thống nhất các tổ chức Phật giáo trong nước lại thành một tổ chức duy nhất lãnh đạo và quản lý Phật giáo nước nhà mà đỉnh cao là sự ra đời GHPG VN năm 1981. Những năm 1987, 1988 cả nước chỉ có 1, 2 trường Trung cấp Phật học, đến năm 1989, 1990 cũng chỉ có 5, 6 trường Trung cấp. Tuy vậy, đến nay, cùng với sự phát triển của đất nước cũng như những điều chỉnh và đổi mới trong chính sách, chúng ta có tất cả là 32 trường Trung cấp và 8 lớp Cao đẳng, 04 Học viện Phật giáo đào tạo hệ Cử nhân Phật học.Trong vòng hai mươi năm trở lại đây, chúng ta đã đào tạo được trên 15.000 tu sĩ trẻ tốt nghiệp hệ trung cấp Phật học, hơn 3.000 Cử nhân Phật học và ít nhất 500 tăng ni đã và đang du học chương trình Tiến sĩ và Thạc sĩ khắp nơi trên thế giới.

PV: *Kính thưa chư vị Hòa thượng, qua trao đổi của HT. Thích Giác Toàn, chúng ta – những người Việt trong và ngoài nước có thể hình dung được một bức tranh rất tốt đẹp về tình hình Phật giáo ở Việt Nam hiện nay. Kính thưa HT. Thích Thiện Tâm – với cương vị là Phó Chủ tịch HĐTS và Phó ban Phật giáo Quốc tế GHPGVN, hẳn HT có nhiều cơ hội tiếp xúc với Tăng, Ni, Phật tử các nước trên thế giới. Xin HT cho biết những đặc điểm gì nổi trội hoặc hạn chế hơn Phật giáo Việt Nam trong nước so với Phật giáo các quốc gia trong khu vực cũng như trên toàn thế giới?.*

HT. Thích Thiện Tâm: Trước hết cho tôi được gửi lời chào đến toàn thể Chư tăng và Phật tử Việt Nam đang sống và định cư trên đất nước Hoa Kỳ. Qua câu hỏi vừa rồi và tiếp theo câu trả lời của HT. Thích Giác Toàn, tôi xin được chia sẻ thêm một số suy nghĩ liên quan đến sinh hoạt của Phật giáo tại

Việt Nam hiện nay. Như quý vị đã biết Việt Nam chúng ta là một quốc gia đa tôn giáo, đa dân tộc, sinh hoạt tôn giáo nói chung và sinh hoạt Phật giáo nói riêng trải qua thời kỳ đầu có gặp phần nào khó khăn. Tuy nhiên, khoan hãy nói đến những khó khăn mang tính tạm thời đó, ưu tiên đặc biệt quan trọng của Nhà nước, của các cấp Lãnh đạo đất nước cũng như các vị Lãnh đạo tinh thần Tôn giáo, trong đó có Phật giáo là làm sao để cho Việt Nam càng ngày càng đi đúng theo xu thế phát triển chung với yêu cầu cấp bách và chiến lược thời đại là làm sao tạo được sức mạnh đoàn kết mọi thành phần dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng mà Phật giáo đóng vai trò là thành viên tích cực trong khối đại đoàn kết đó. Chiến tranh kết thúc, hòa bình lập lại, ba miền Bắc – Trung – Nam được thống nhất về mặt nhà nước, tuy nhiên, trong bối cảnh đó, một yêu cầu cấp bách và quan trọng đặt ra cho các Tôn giáo trong cả nước là phải có sự thống nhất trong từng tổ chức giáo hội tôn giáo của mình, cũng như của cả dân tộc nhằm thể hiện sức mạnh đoàn kết dân tộc trong nhiệm vụ bảo vệ và xây dựng đất nước mà Phật giáo cũng không đứng ngoài cuộc. Trước yêu cầu đó, từ 1981, tại Việt Nam đã có một sự kiện quan trọng trong Phật giáo – tất cả các tổ chức hệ phái Phật giáo trên cả nước đều đi đến sự thống nhất chung trong cùng một tổ chức Phật giáo. Điều này đã đáp ứng nguyện vọng của Phật tử bấy lâu mong muốn làm sao Phật giáo Việt Nam được thống nhất. So với các quốc gia khác, Phật giáo Việt Nam đã làm được một điều quý báu là tất cả hệ phái đều chung sống hòa hợp trong ngôi nhà GHPG Việt Nam, bao gồm cả truyền thống Phật giáo Bắc Tông, Phật giáo Nam tông và đặc biệt hơn nữa là có truyền thống Phật giáo Khất Sĩ cũng đã phát triển trong nhiều thập niên qua. Phật giáo Việt Nam đã làm được một điều kỳ diệu mà nhân dân, Phật tử các nước trong khu vực và trên thế giới đều phải ngưỡng mộ với sự kiện thống nhất 9 tổ chức Phật giáo lúc bấy giờ, kể cả GHPGVNTN, thành lập GHPG Việt Nam năm 1981 tại thủ đô Hà Nội. Bước đầu, do nhiều hoàn cảnh khác nhau, một số Tăng, Ni, Phật tử, người ở trong nước, người đi ra nước ngoài, có thể còn chưa hiểu rõ tầm quan trọng của sự nghiệp thống nhất Phật giáo nên đã có những suy nghĩ, quan điểm muốn duy trì các tổ chức giáo hội cũ của mình. Tuy nhiên, đối với những người thực sự quan tâm đến tiền đồ của Phật giáo Việt Nam, phát huy sức mạnh đoàn kết Phật giáo thể hiện tinh thần hòa hợp với mục đích mang lại hạnh phúc, an vui chung cho người Phật tử nói riêng, tín đồ các Tôn giáo cũng như toàn thể nhân dân Việt Nam nói chung thì sự nghiệp thống nhất Phật giáo mang ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Thực tế cho thấy, sự nghiệp thống nhất Phật giáo, tuy bước đầu còn gặp nhiều khó khăn, nhưng với sự nỗ lực và chung sức của Tăng, Ni, Phật tử mọi miền, tôn trọng một hiến chương chung chỉ đạo cho mọi hoạt động của Phật giáo trên cả nước, tình hình sinh hoạt Phật giáo đang ngày càng có nhiều sự khởi sắc rất đáng ghi nhận. Như HT. Thích Giác Toàn vừa trả lời, từ Bắc chí Nam, ngày nay chỉ nói riêng về công tác giáo dục Tăng, Ni cũng đã phản ánh phần nào kết quả rất đáng mừng này. Một điều thú vị mà chúng tôi cũng ghi nhận được là khi những vị chức sắc, tôn túc cao cấp từ các phái đoàn Phật giáo Sri Lanka, Thái Lan, Lào, Campuchia v.v... sang thăm Việt Nam, họ đều rất quý phục và kính nể Phật giáo Việt Nam. Có vị còn hỏi chúng tôi là làm cách nào mà Phật giáo Nam truyền và Bắc truyền ở Việt Nam lại có thể thống nhất vào một tổ chức và hoạt động tốt đến như vậy. Ở điểm này, chúng ta thấy rằng Phật giáo Việt Nam ngày nay đang làm tốt lời Đức Phật dạy, rằng phải sống với nhau trong tinh thần hòa hợp, đoàn kết. Trong mái nhà GHPG Việt Nam, có các truyền thống Phật giáo người Kinh, người Khmer hay cả người Hoa, tuy vậy, vượt lên sự phân biệt mang tính chất quy ước tạm thời đó, tất cả Tăng, Ni, Phật tử Việt Nam đều sinh hoạt hòa hợp với nhau trên mọi lĩnh vực hoạt động và đóng góp rất thiết thực vào công cuộc xây dựng đất nước của chúng ta. Tuy tình hình kinh tế, xã hội thế giới và trong nước có nhiều biến động trong thời gian qua, hoạt động của Phật giáo Việt Nam đều được phát triển rất tốt. Nhiều Phật tử Việt Nam từ hải ngoại trở về đã vô cùng ngạc nhiên với sự phát triển này. Định hướng của GHPG Việt Nam là vượt qua những khó khăn, thách thức trong thời gian tới và ra sức đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây dựng và phát triển chung của đất nước. Tôi mong muốn rằng chư Tăng ni, Phật tử Việt Nam ở hải ngoại thường xuyên về thăm quê hương, đất nước cũng như thăm viếng các chùa để cùng chia sẻ chung niềm vui với Phật giáo nước nhà.

19 câu nói đáng suy ngẫm về HẠNH PHÚC

Haley
(dịch từ Goodreader

1 - Đừng khóc với những gì đã qua, hãy mỉm cười vì nó đã xảy ra - Dr. Seuss

2 - Hãy đếm số tuổi của bạn bằng bạn bè, không phải bằng năm. Hãy đếm cuộc sống của bạn bằng nụ cười, không phải bằng nước mắt - John Lennon

3 - Hạnh phúc có được phụ thuộc vào chính bản thân chúng ta - Aristotle

4 - Hạnh phúc là ý nghĩa, là mục đích của cuộc sống, là sự cố gắng và kết thúc của một đời người - Aristotle

5 - Hạnh phúc của cuộc đời phụ thuộc vào những suy nghĩ tích cực của chúng ta - Marcus Aurelius

6 - Bất cứ ai hạnh phúc, sẽ làm người khác hạnh phúc - Anne Frank

7 - Hạnh phúc không phải từ những điều mà ta nhận được, mà từ những điều mà ta cho đi - Ben Carson

8 - Một phút bạn tức giận sáu mươi giây bạn mất đi hạnh phúc - Ralph Waldo Emerson

9 - Hạnh phúc không phải là ở việc sở hữu một số lượng lớn tiền bạc, mà là ở trong niềm vui về thành công, trong sự hồi hộp của nỗ lực sáng tạo - Franklin D. Roosevelt

10 - Hạnh phúc lớn nhất trong cuộc đời là có thể tin chắc rằng chúng ta được yêu thương, yêu vì chính bản thân ta, hay đúng hơn, đó là yêu bất kể bản thân ta - Victor Hugo

11 - Hãy hạnh phúc với chính bản thân bạn, với những việc bạn làm và những việc bạn muốn làm - Steve Maraboli

12 - Quy luật của hạnh phúc: Một việc nào đó để làm, một người nào đó để yêu, và một điều nào đó để hy vọng - Immanuel Kant

13 - Khi bạn nuôi dưỡng cay đắng, hạnh phúc sẽ cập bến ở một nơi khác - Andy Rooney

14 - Hạnh phúc chỉ tồn tại khi chúng ta biết cách chia sẻ nó - Christopher McCandless

15 - Hạnh phúc mà bạn nhận được tỷ lệ thuận với yêu thương bạn cho đi - Oprah Winfrey

16 - Hiểu hơn về giá trị bản thân, có nghĩa là: chiến đấu để có được hạnh phúc - Ayn Rand

17 - Hạnh phúc không phải là một mục tiêu.... Đó là sản phẩm của một cuộc sống tươi đẹp - Eleanor Roosevelt

18 - Với tất cả những sự giả dối, đau khổ và cả những giấc mơ tan vỡ, thì thế giới này vẫn luôn tươi đẹp. Hãy vui lên. Hãy đấu tranh để giành lấy hạnh phúc - Max Ehrmann

19 - Ngày hôm qua đã tàn, ngày mai vẫn chưa tới. Nhưng tôi vẫn có một ngày hôm nay... Ngày mà tôi sẽ hạnh phúc - Groucho Marx.

Vu Lan Ca

Quảng Huyền

HƯƠNG đạo vàng thơm ngát
TỪ BI quán ngộ duyên
KÍNH dâng lên Từ phụ
MỪNG đất nước yên bình
ĐẠI đóa này vô lượng
LỄ nghĩa ơn sinh thành
VU lan về khắp hướng
LAN tỏa dưới hồng danh…

Bước hành giả

Quảng Huyền

Kính nhớ ngài Hộ Nhẫn

ôm bình bát
Thầy vân du hóa độ
Bước thiền hành thi thoảng đứng…
như nhiên
Mặc phố thị, người xuôi kẻ ngược
Tấm y vàng phất phới
giữa đồi thiên.

Ngày đi - Ngày về

Ái Minh

Ngày đi tóc Mẹ còn xanh
Ngày về tóc Mẹ đã thành muối tiêu
Sợi đen ít, sợi bạc nhiều
Có bao nhiêu sợi trắng chiều nhớ con?
Ngày đi mẹ dắt con đi
Ngày về Mẹ phải vịn bờ vai con
Khi xưa vượt núi, băng đồng
Bao nhiêu vạn dặm đăng trình nuôi con?
Bây giờ gối mỏi, chùn chân
Ngày về … chập chững… Mẹ thành trẻ thơ
Rưng rưng trước cảnh biệt ly
Mắt như thu hết hình hài của con
Bờ vai Mẹ khẽ run run
Cố ngăn tiếng khóc trào dâng trong lòng
Con xa Mẹ gót phiêu bồng
Quê người, đất khách chạnh lòng xót xa
Kiếp người giong ruổi, bôn ba
Quê nhà để lại Mẹ già hắt hiu
Thời gian thắm thoát trôi qua
Hôm nay về lại quê nhà yêu thương
Không còn khói bếp chiều hôm
Không còn tiếng sáo mục đồng chăn trâu
Không còn vách lá, mái tranh
Con người cũng thế: Tuổi xanh không còn
Mẹ già như chuối ba hương
Run run, chập chững đón con ngày về
Ôi! Mẹ hiền….thắt tim con
Vai con chồng chất ân tình Mẹ yêu
Khói lam bìm bịp kêu chiều
Mẹ ơi! Con nguyện vun bồi thiện căn
Mong nhờ quả báo hạnh lành
Kiếp nào Mẹ cũng trọn phần an vui.

Lời Già

Kim Dung (sưu tầm)

Các con yêu dấu của ta,
Hãy nên thông cảm khi ta đã già.
Hãy đừng trách móc kêu ca,
Khi ta đôi lúc phiền hà các con.
Khi ta sức khỏe chẳng còn,
Tay chân run rẩy trí khôn lụn dần.
Nhiều khi xốc xếch áo khăn,
Hay khi vương vãi uống ăn vụn về.
Các con đừng nỡ cười chê,
Hãy luôn kiên nhẫn, cận kề đỡ nâng.
Khi xưa ta chẳng ngại ngần,
Sớm hôm vất vả muôn phần vì con.
Lo cho con được miếng ngon,
Dạy con ăn mặc phấn son chỉnh tề.
Dạy con biết giữ nếp nề,
Chỉ con từng chút, mọi bề công dung.
Tuổi già đầu óc lung tung,
Nhiều khi ta nói như trùng bài ca.
Các con đừng có kêu la,
Nhớ rằng xưa đã bắt ta kể hoài.
Biết bao chuyện ngắn chuyện dài,
Chuyện trong sách sử, chuyện ngoài thế gian.
Bám bên cha mẹ hỏi han,
Ta khen con giỏi, con ngoan học nhiều.

Khi già tuổi đã tàn chiều,
Con ơi đừng để ta nhiều xót xa.
Hãy luôn chăm sóc mẹ cha,
Cho ta vui vẻ sống qua tháng ngày.
Nuôi con chẳng quản thân gầy,
Nay đừng nuôi mẹ, kể ngày tính công.
Ngày xưa cha mẹ bế bồng,
Nay con đỡ mẹ ngại lòng lắm sao.
Tuổi già đi đứng lao đao,
Chân tay mỏi mệt khớp đau rã rời.
Đưa tay dắt mẹ con ơi,
Khi xưa mẹ đỡ, con nơi cạnh giường.
Dắt con chập chững trên đường,
Dắt con vui bước đến trường líu lo.
Người già thích được chuyện trò,
Ngồi bên con cháu, dặn dò hỏi han.
Xin con đừng có phàn nàn,
Hãy cho cha mẹ thời gian cận kề.
Hãy kiên nhẫn để lắng nghe,
Dù cho chẳng thích kể về chuyện xưa.

Mẹ Yêu

Trần Việt Thắng

Hôm nay sinh nhật Mẹ yêu
Con chúc Mẹ có vạn điều thân thương
Nỗi buồn chẳng chỗ vấn vương
Tin vui bát ngát vô thường bao la
Hòa quyện trong những lời ca
Mẹ yêu thánh thiện hơn là bà tiên
Mẹ là cô Tấm dịu hiền
Chăm con khôn lớn chẳng phiền lòng ai
Áo kia sờn chỉ rách vai
Vì mẹ vượt những chông gai cuộc đời
Ngoài kia dông tố tơi bời
Mẹ luôn tự nhủ: "Chắc Trời thử ta"
Cuộc đời mẹ lắm phong ba
Nào duyên, nào nợ, nào là mưu sinh
Nào nhân, nào nghĩa, nào tình
Bão bùng ập đến một mình mẹ thôi
Đêm đêm đưa võng đưa nôi
Trời khuya gió lạnh, mẹ ngồi bơ vơ
Một mình với bốn con thơ
Mẹ yêu lạc lõng, thẩn thơ giữa đời
Nước mắt cứ trực tuôn rơi
Làm sao để bước qua thời gian nan
Cuộc sống khốn đốn lầm than
Con đường phía trước muôn vàn khó khăn
Từng giấc ngủ, từng miếng ăn
Ngày đêm lo lắng, băn khoăn ngút ngàn

Nhủ lòng tâm trí sẵn sàng
Mẹ yêu chẳng dễ đầu hàng đơn côi
Ở đời nhân quả có đôi
Trời yên, bể lặng để rồi đơm hoa
Dĩ vãng khuất bóng dần xa
Thì thôi nợ phước cũng là cái duyên
Mẹ vui mẹ chẳng buồn phiền
Sớm hôm nhang khói, mẹ thiền tịnh tâm
Dù cho bão tố ầm ầm
Lòng luôn thanh thản vun mầm yêu thương
Lo toan đã khắp bốn phương
Bàn chân chai sạn khắp đường mẹ đi
Những đêm lệ ngấn ướt mi
Cả đời mẹ có vui gì cho riêng
Có thờ thì ắt có thiêng
Thì thôi con hãy ở hiền nghe con
Lời mẹ chan chứa sắt son
Chị em hòa thuận gì còn vui hơn
Chị em tình nghĩa keo sơn
Yêu thương vun đắp, giận hờn bỏ đi
Lời mẹ con mãi khắc ghi
Gia đình êm ấm, mẹ thì vui tươi
Lòng luôn rộn rã tiếng cười
Rạng ngời hạnh phúc bên người thân yêu.

Kỹ Năng và Phương Pháp Thuyết Giảng

HT. Thích Giác Toàn

Một vị giảng sư thành công là vị có kỹ năng và phương pháp. Với kỹ năng và phương pháp, vị giảng sư từng bước xây dựng cho mình sự tin tưởng nơi thính chúng, rèn luyện khả năng khơi gợi sự đồng cảm của thính chúng và khả năng trình bày mọi vấn đề hợp với luận lý. Vị giảng sư cần chuẩn bị cho mình một tư thế để luôn luôn thuyết phục được thính chúng đi đúng con đường của Đức Phật đã dạy hầu đem lại an lạc và hạnh phúc cho họ cũng như xây dựng một xã hội an lạc hài hòa.

Một vị giảng sư hoằng pháp phải biết kiên trì xây dựng niềm tin cho thính chúng. Ai cũng biết rằng quần chúng thường tin tưởng một người có danh tiếng, một người có thẩm quyền, một người đáng tin cậy, và một người có thái độ gần gũi. Một người đáng tin cậy được xác định là người trung thực, có giới đức, quảng đại, khoan dung, có từ tâm. Như vậy, ngay từ khi xác định mình sẽ hành đạo trên phương vị một giảng sư hoằng pháp, người tu sĩ phải bước đầu xây dựng niềm tin cho quần chúng bằng cách giữ gìn giới đức; sống trung thực; tu tập về lòng khoan dung, sự quảng đại, và từ tâm. Việc giữ gìn và tu tập như thế ít nhất cũng mang lại uy tín của vị giảng sư hoằng pháp tương lai dưới mắt những vị đồng tu, cũng khiến các đạo tràng biết đến; và mặc dù chưa phải là người có tiếng tăm về phương diện thuyết giảng, nhưng khi đến thuyết giảng ở một hội chúng nào đó, cũng sẽ được giới thiệu như một người đáng tin cậy; và như thế, vị giảng sư mới bắt đầu sự nghiệp hoằng pháp của mình cũng đã được thính chúng tiếp nhận với sự tin cậy. Lịch sử Phật giáo Việt Nam cận đại ghi nhận trường hợp các vị cao tăng như ngài Thích Đôn Hậu, ngài Thích Thiện Siêu... bắt đầu sự nghiệp hoằng pháp từ lúc còn trẻ tuổi; nhưng nhờ các ngài giữ gìn phẩm hạnh cao thượng của một tu sĩ, nên ngay từ đầu, các ngài đã được giới thiệu với sự trang trọng của các vị thầy và nhờ đó, thính chúng Phật tử của các ngài đã gởi gắm niềm tin ở các ngài. Trường hợp của Pháp sư Minh Đăng Quang lại khác. Tuy ngài không được sự giới thiệu của thầy tổ nhưng chính hình ảnh nghiêm trang của ngài đã làm các Phật tử động tâm và họ đã thỉnh ngài đến giảng pháp.

Người giảng sư hoằng pháp cũng phải thể hiện thái độ gần gũi với thính chúng. Sự gần gũi ở đây là nói về phương diện thông cảm với thính chúng. Vị giảng sư cần hiểu biết về hội chúng của mình, nắm được tâm tư nguyện vọng của số đông trong chúng, từ đó có những lời lẽ thể hiện sự quan tâm đến đời sống của hội chúng, nhờ vậy mà tạo được sự gần gũi về phương diện tâm lý. Trường hợp một vị giảng sư đã có tiếng tăm về phương diện học thuật chẳng hạn, thì khi giảng pháp, chắc chắn sẽ được thính chúng tin tưởng về mặt thẩm quyền học thuật. Nói chung, việc xây dựng niềm tin cho thính chúng cần được thực hành thật lâu trước khi người giảng sư thực sự bắt tay vào sự nghiệp hoằng pháp của chính mình.

Trước khi nhận lời thuyết giảng ở một hội chúng nào, vị giảng sư nên tìm hiểu cặn kẽ về thính chúng của mình để có những cách ứng xử thích hợp.

Chư Tôn đức chứng minh Lễ Khai mạc kỳ thi tuyển Giảng sư Khóa VII (2013-2016),

Trong quá trình giảng pháp, người giảng sư hoằng pháp cũng phải tiếp tục củng cố niềm tin của thính chúng. Vị giảng sư nên thực hiện những điều sau:

a. Đến trước giờ giảng một chút hoặc ít nhất là có mặt đúng giờ giảng. Nên có mặt trước một chút để có thể có những trao đổi bên ngoài với một số thành viên tích cực của thính chúng. Chính những thành viên tích cực này sẽ làm cho toàn thể hội chúng có thêm tin tưởng nơi vị giảng sư.

b. Nếu được một người đã quen biết giới thiệu mình với thính chúng thì tốt. Nếu không, nên khéo léo giới thiệu một chút về bản thân sao cho những lời giới thiệu đó phù hợp với những điều mà giảng sư đã tìm hiểu được về thính chúng. Tuyệt đối không khoe khoang về kiến thức, dòng tộc, gia thế, chức vụ, tài năng.

c. Khi nói chuyện, nên sử dụng ngôn từ phù hợp với thính chúng. Với một thính chúng bình dân thì phải nói lời đơn giản dễ hiểu. Ngay cả với thính chúng trí thức, cũng nên dùng từ ngữ dễ hiểu nhưng chính xác theo kinh điển. d. Không nên kể những câu chuyện quá riêng tư, không nên sử dụng ngôn ngữ dung tục. Việc thể hiện sự thân mật bằng những câu chuyện hài hước phải giới hạn trong phạm vi thật ngắn và thật chừng mực. Tránh những thí dụ dài dòng.

e. Nên thể hiện sự quan tâm đến thính chúng bằng những kinh nghiệm liên quan đến kinh nghiệm của thính chúng. Trong quá trình nói chuyện, cố gắng tiếp xúc bằng mắt với thính chúng. Cố gắng nhận biết càng nhiều cá nhân càng tốt ngay trong buổi gặp gỡ đầu tiên.

f. Những câu chuyện kể trong buổi nói chuyện phải thật sự có liên quan đến nội dung trình bày tránh lạc đề.

g. Khi cần trích dẫn, cần trích dẫn đúng và nêu được sự liên hệ với nội dung bài giảng, cố gắng nêu xuất xứ những điều trích dẫn.

h. Không nên nói quá dài. Các nghiên cứu cho thấy mọi thính chúng đều chỉ có thể chú tâm trong vòng mười lăm tới hai mươi phút; sau đó, họ sẽ bị phân tâm.

Vì thế, vị giảng sư chỉ nên nói ngắn và cố gắng tạo điều kiện cho thính chúng tham gia tích cực vào nội dung buổi thuyết giảng của mình

Sau buổi giảng pháp, vị giảng sư nên tìm cách kích thích cho thính chúng đặt câu hỏi để mình trả lời. Chính những giây phút hỏi đáp này củng cố niềm tin của thính chúng nơi các vị giảng sư.

Mỗi thính chúng luôn có những đặc điểm riêng về mặt tình cảm. Có những thính chúng thân thiện nhưng cũng có những thính chúng xa cách. Có những nhóm người dễ bị kích động dẫn tới giận dữ trong khi có những nhóm luôn giữ được bình tĩnh. Có những hội chúng rụt rè và cũng có những hội chúng tự tin. Có người thực tình muốn tu tập nhưng cũng có những người chỉ thích nghe nhiều để lòe người khác. Tóm lại, không một thính chúng nào giống hệt thính chúng nào. Không những thế, vào những thời điểm khác nhau, một thính chúng còn có những tình cảm khác nhau. Chẳng hạn, khi một nhóm người vừa đi dự một lễ tang của một người trong nhóm về thì họ sẽ có tình cảm trầm lắng khác với những người vừa tham dự một cuộc du ngoạn. Do đó, vị giảng sư hoằng pháp phải nhận biết được tình cảm chủ đạo của nhóm người nghe pháp ngày hôm đó như thế nào. Khi đã tạo được sự cảm thông với thính chúng bằng cách khéo léo khơi gợi những tình cảm tích cực của các thành viên trong hội chúng, vị giảng sư sẽ dễ dàng làm cho thính chúng chấp nhận những lập luận của mình, chia sẻ những quan điểm của mình, và hành động theo sự kêu gọi của mình.

Một điều cần lưu ý là có những tình cảm tích cực và có những tình cảm tiêu cực. Các nhà nghiên cứu đã chỉ ra, khi tình cảm tích cực được khơi gợi thì một đám đông dễ dàng chấp nhận những lập luận thuận chiều, nhưng nếu đám đông có tình cảm tiêu cực thì họ dễ chấp nhận những lập luận trái chiều. Khi muốn hội chúng chấp nhận những lập luận thuận chiều thì vị giảng sư nên tạo cho hội chúng một không khí vui tươi, đầm ấm, thanh thản, nhẹ nhàng và khơi gợi ở họ những tình cảm tích cực. Ví dụ, trước một hội chúng đang bừng bừng giận dữ vì có sự báng bổ Phật giáo mà vị giảng sư thấy cần giúp hội chúng nhận ra phải bình tĩnh giải quyết chứ không nên nóng nảy châm ngòi nổ, vị giảng

sư nên có những mẩu chuyện vui nhẹ nhàng để khơi gợi ở họ những tình cảm khoan dung. Ngược lại, trước một hội chúng cảm thấy phấn khởi trước những thành tựu mang tính vật chất mà vị giảng sư muốn hội chúng nhận rõ đâu là mục đích của việc hoằng pháp thì vị giảng sư cũng không nên chỉ trích sự xa xỉ khiến họ có những tình cảm tiêu cực mà nên gợi ra những hình ảnh thương tâm ở những nơi còn quá thiếu thốn để họ có được sự thương cảm và mong muốn chia sẻ.

Tóm lại, nếu vị giảng sư khéo khơi gợi tình cảm tích cực nơi thính chúng, những điều được thuyết giảng sẽ dễ được thính chúng chấp nhận. Ngược lại, nếu vị giảng sư không khéo léo mà tạo cho thính chúng có tình cảm tiêu cực, thì phản ứng của thính chúng sẽ hoàn toàn đi ngược với mong muốn của vị giảng sư (còn tiếp).

Ban Hoằng Pháp GHPGVN TP. HCM.

TT. Bửu Chánh thuyết giảng tại đạo tràng chùa Hòa Bình tỉnh Trà Vinh.

(tiếp theo trang 11)

vị trời ấy. Tôn giả đã từ tốn giải thích đó là những vị trời nào, sự hộ pháp của họ ra sao, đã hầu hạ đức Phật trong lúc đản sanh, sự thưa thỉnh đức Thế Tôn chuyển pháp luân lúc mới thành đạo như thế nào, v.v... Nghe xong, vô cùng kính phục, bà không ngờ người con của mình cao cả đến độ các vị trời cao quí, ngay cả đến Đại Phạm Thiên, Brahma (vị trời cao cả nhất, tối thượng nhất mà cả dòng tộc bà cũng như bản thân bà luôn kính ngưỡng phụng thờ, cầu nguyện hàng trăm năm nay) lại chỉ là người hầu của con mình, là đệ tử của đức Thế Tôn. Trong tâm bà phát khởi tín tâm, suy nghĩ: "Nếu oai lực của người con trai mình như thế thì oai lực vô biên của đấng Bổn sư của con mình còn to lớn biết chừng nào!"

Bằng sự kính ngưỡng cao cả chưa từng có, đồng thời nghe xong bài pháp ngắn về công đức Phật, Pháp, Tăng của Tôn giả, toàn thể châu thân bà Sàri rúng động, niềm tin tối thượng về đức Phật, về người con vĩ đại của mình, cũng như về Tam Bảo. Niềm hoan hỷ, an lạc bất tận phát sinh đến từng chân tơ kẻ tóc, bà đã chứng đắc được quả vị Tu-đà-hoàn, chính thức bước vào dòng Thánh, chắc chắn sẽ đạt đến giải thoát, an lạc.

Quá xúc động, bà Sāri đã thốt lên với Tôn giả: "Này người con đáng kính của Mẹ! Này ngài Upatissa, tại sao trong suốt những năm qua con không ban bố cho Mẹ một sự hiểu biết bất tử này?"

Khi biết thân mẫu của mình đã đạt được thánh trí, ngài bèn nghĩ: "Giờ thì ta đã đền đáp xong công ơn sinh thành của người Mẹ ta rồi, người thiếu phụ Bà-la-môn mà trước đây dân làng ai cũng tôn kính và đều gọi là Rūpasārī. Chính nhờ bà, ta đã nên người. Pháp bảo mà ta vừa giảng cho bà thế là đủ".

Đáp trả xong món nợ ân tình ngày nào, trách nhiệm của Ngài đã xong, phận sự cũng chẳng còn gì để làm, Ngài đã viên tịch Níp-bàn không còn dư sót chút đau khổ nào. Ngày đó nhằm ngày trăng tròn tháng Kattika (khoảng tháng 10 âm lịch).

Toàn bộ cuộc đời Ngài đã cống hiến hết cho sự nghiệp hoằng pháp, là bậc Tướng quân Chánh Pháp, bậc Thượng thủ Thinh văn bên tay phải của đức Thế Tôn, vậy mà đến phút cuối cuộc đời, Ngài vẫn không quên báo đáp thâm ân của đấng sinh thành. Chúng ta hãy noi gương ngài, hãy mau mau quay về đáp đền ân tình của Cha Mẹ trước khi quá muộn màng.

Chất Lượng Cuộc Sống: Như Nó Đang Là

Diễn giả: **TS. NSND. Bạch Tuyết**
Phiên tả: **Cát Tường**
(tiếp theo & hết)

Sống Chân Thật, Vị Tha

Trong năm giới của đạo Phật có một giới, đó là không nói dối, đa số mọi người đều hiểu là không nói dối với người khác. Nhưng không dối với chính mình cũng rất quan trọng, cho nên chúng ta phải lưu ý. Chẳng hạn như việc người vợ đợi chồng về đã nêu ở trên, đến khi chồng về và hỏi:

- Em đợi anh hả?

Mình trả lời:

- Đâu có!

Mình đợi chồng thật mà! Mình thương chồng, lo cho chồng, tại sao chồng hỏi mình lại không nói thật: "Em đợi anh đó, em nhớ anh, mong anh quá chừng!". Trong lòng có sao thì mình nói vậy. Tại vì chồng không nói nhưng chồng biết hết, mình giấu làm gì. Với bạn cũng vậy, giả dụ như bạn hỏi:

- Hôm trước tôi nghe bà nói gì tôi đó phải không?

Nếu mình không nói gì thì trả lời:

- Chắc người ta nói với bạn bị nhầm rồi đó.

Còn nếu như lỡ vui miệng mà nói gì đó thì nhận:

- Tôi xin lỗi bà nghe. Hôm trước tôi lỡ có nói chút xíu, giờ bà đánh tôi đi nha!

Điều gì mình làm thì mình nên nhận, lỡ gây ra lỗi lầm thì phải đủ dũng cảm để xin lỗi và nói rằng: "Tôi có làm điều đó". Khi đã thật với mình rồi thì thế giới này sẽ đẹp lắm, mình không tốn hao năng lượng gì cả, còn khi mình có chuyện gì đó giấu giếm thì mình phải tốn thêm năng lượng cho sự lo lắng, buồn phiền, áy náy,... Mà thói đời, khi giấu giếm thì lại hay quên, rồi lòi ra lúc nào không biết. Nếu cứ giấu giếm như vậy thì cả cuộc đời không đủ năng lượng để làm cho mình khỏe. Người chân thật, thiệt tình thì không sợ ai.

Lúc trước, khi mới tập tu, tôi luôn đặt mình vào một cái khuôn, tức là phải sợ, phải thương, phải kính, phải học theo. Và mỗi lần làm được đúng như những lời dạy của Đức Phật thì tôi ghi lại. Qua thời gian, tôi nhận thấy sự sợ hãi của mình bớt đi rất nhiều. Mình cứ từ tốn, lễ phép, biết ơn, biết xin phép để sửa đổi những điều chưa hoàn chỉnh.

Thế giới này vốn không hoàn hảo và bản thân mình cũng chưa hoàn hảo. Khi mình đi ngang thấy tảng đá ngoài đường, sao không kêu mọi người cùng khiêng tảng đá đó vào lề? Lỡ người ta đi đường đụng phải, đi trong đêm tối đụng phải, bị té và đưa đi cấp cứu thì tội cho người ta. Cho nên, người nào kêu gọi mọi người cùng khiêng tảng đá đó đi thì người đó là Bồ-tát. Mà Bồ-tát thì chúng ta theo học. Việc khiêng cục đá đó đi cũng như là chúng ta đang dẹp cục đá trong chính tâm của mình, cũng như việc chúng ta đi làm từ thiện. Lúc đầu mới đi làm từ thiện, tôi cũng vênh váo mặt mũi lắm, vì nghĩ mình tốt, mình cho cái này, biếu cái kia. Nhưng sau một thời gian thì tôi phát hiện ra một điều, thực ra mình đang đi cứu mình chứ đâu phải là cứu người khác. Vì khi tới nơi, mình hồ hởi phát quà, mình cho đi thì lòng mình được mở ra "Như nó đang là" các tế bào trong cơ thể mình (xem tiếp trang 42)

Ba Điều Bất Hạnh

ĐĐ Thiện Minh
(tiếp theo & hết)

Điều thứ hai. Đối với người xuất gia mà không thu thúc các căn là điều bất hạnh. Các căn là mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý pháp. Hằng ngày chúng ta bị phiền não chi phối là do không thu thúc các căn. Chúng ta bị lôi cuốn khi thấy sắc đẹp, khi nghe tiếng hay, khi ngửi mùi thơm hoặc dính mắc, tham đắm sự xúc chạm. Muốn thu thúc các căn, Đức Phật dạy chúng ta phải có chánh niệm và tỉnh thức liên tục.

Đức Phật dạy Ānanda rằng: Con phải hạn chế tiếp xúc với tín nữ. Ngài Ānanda hỏi: Vậy gặp trường hợp khi tiếp xúc với tín nữ thì con phải làm sao?. Đức Phật dạy: Con phải chánh niệm khi nói chuyện và con nên nói ít thì sẽ tốt cho con hơn.

Trong giới luật, Đức Phật dạy các vị tỳ kheo nói chuyện với tín nữ không quá 6 tiếng. Thực sự không biết 6 chữ hay là 6 tiếng đồng hồ. Vì có những tín nữ vào chùa xin làm lễ cầu an, cầu siêu, quý thầy cố gắng nói chuyện làm sao cho phải lẽ. Đức Phật khuyên ngài Ānanda trong lúc tiếp xúc với tín nữ phải tỉnh thức nếu không sẽ bị quyến rũ và đời sống phạm hạnh không được trong sạch. Trong giới luật, Đức Phật dạy khi các vị tỳ kheo nói chuyện với tín nữ không được nhìn thẳng, không được cười. Cái này trong thời gian mới xuất gia, Sư y cứ phụng hành, nói chuyện với Phật tử không nhìn, không cười nên bị cho là ông sư hách dịch, rất là khó cho Sư. Cho nên, có nhiều vị tỳ kheo vì muốn giữ giới nên thay vì nhìn người tín nữ đối diện khi nói chuyện, họ bèn nhìn chỗ khác, nhìn cây cối, nhìn lên trời... Cho nên, cuối cùng, Phật tử không hiểu, cho rằng quý sư không lịch sự, không quan tâm, không thân thiện... nên không hỏi đạo, hỏi pháp... Quý sư vì vậy mà cũng chẳng tiếp độ được ai. Ở trong kinh có ghi chép rằng: Đời sống, sinh hoạt, tuổi thọ, tình cảm của các vị chư thiên rất vi tế, không giống như con người. Ở cõi chư thiên, tiên nam có tình cảm với tiên nữ thì hai vị ấy chỉ cần nhìn nhau mỉm cười là xem như thỏa mãn nhu cầu tình cảm. Chứ không như người phàm phu, khi người nam nữ yêu thích nhau thì phải gặp nhau, rủ đi chơi, hoặc rủ nhau đi vũ trường, đi nghe ca nhạc v.v... Cho nên, tình cảm chư thiên rất vi tế. Do vậy, Đức Phật dạy tỳ kheo phải nghiêm trì giới luật, khi tiếp xúc với người nữ thì phải chánh niệm và tỉnh thức, nếu không đời sống phạm hạnh sẽ không lâu.

Chuyện kể ngài Xá Lợi Phất có một vị sa di đệ tử 7 tuổi rất ngoan. Vị sa di này xuất gia chưa bao lâu đã đắc thần thông. Tuy có thần thông nhưng sa di chưa diệt trừ phiền não. Do có thần thông nên hằng ngày vị sa di này bay là đà trên hư không chơi. Thấy đệ tử ham thích vui chơi đây đó, ngài Xá Lợi Phất kêu sa di đến giáo giới. Ngài nói: "Này con, con có duyên tu với thầy, con đã đắc thần thông, nhưng thần thông đó giống như là đá đè cỏ, thấy vậy chớ chưa giải thoát. Con đừng dùng thần thông bay đi như vậy coi chừng có ngày ăn cơm với tro nghe con". Nhưng vị sa di này không nghe lời thầy dạy, ngày nào cũng bay đi chơi. Thời gian trôi qua. Một hôm sa di bay ngang qua chỗ gánh nước công cộng, thấy có đông người vui quá bèn dùng thần thông bay thấp xuống để xem thì ngay lúc đó có cô gái xinh đẹp cất tiếng hát trong trẻo, ngọt ngào. Âm thanh dịu ngọt của lời ca đó lọt vào tai vị sa di trẻ tuổi. Quý vị nên biết khi chúng ta đắc thần thông thì tâm phải định. Định là khi thấy cảnh, thấy sắc... tâm không động mới được, chớ tâm động thì thần thông sẽ mất. Tu thiền là tập cho tâm định. Tâm định nhờ giữ giới trong sạch. Tâm định rồi từ đó phát sanh trí huệ mới có thần thông. Khi sa di nghe tiếng hát du dương của cô gái, tâm sa di rúng động. Sa di dùng thần thông đáp xuống, thấy cô gái xinh đẹp quá bèn đi theo về nhà. Sau đó Sa di xin cưới cô gái làm vợ, gởi y áo lại cho Thầy. Cha mẹ vợ làm nghề đan rổ. Do vậy, hằng ngày vị Sa di vào rừng đốn tre về cho cha mẹ đan. Dù cực khổ gấp trăm lần so với lúc còn ở bên sư phụ tu hành, nhưng sa di vẫn vui vẻ, tự an ủi rằng ta có vợ đẹp ngoan hiền cũng là quý rồi. Một hôm, ở trong rừng đốn tre đến trưa mà vẫn chưa thấy vợ mang cơm tới, vị sa di bực bội trong lòng, nghĩ mình vất vả (lúc trước tu cùng Sư phụ có bao

giờ bị đói, bị làm lụng cực khổ như vậy) mà sao vợ lại chậm trễ cơm nước quá chừng. Khi người vợ mang cơm tới, dù trong lòng đã nguôi giận vợ nhưng vị Sa di vẫn lấy tay cầm cái búa chặt tre quơ quơ phía trước, không dè trúng phải người vợ làm đui một con mắt. Từ đó, hằng ngày Sa di vừa đi chặt tre trong rừng vừa lo cho vợ ở nhà. Do chỉ còn một con mắt, có những hôm người vợ thổi lửa nấu cơm, tro bay vào đầy cả nồi cơm mà không biết. Đến khi vị Sa di bưng chén cơm ăn có lẫn bụi tro, chợt nhớ lời Thầy dạy năm xưa bèn ứa nước mắt, trong lòng không nguôi thương nhớ. Cha mẹ vợ thấy Sa di thường hay khóc nghĩ rằng Sa di hối hận vì chuyện đã qua. Sau đó vị Sa di đã thưa với cha mẹ vợ xin được trở về chùa cũ, tiếp tục sống cuộc đời xuất gia mà trước kia Sa di đã từng chọn. Gia đình bên vợ của Sa di đồng ý. Gặp lại Thầy, tâm tư Sa di trở nên bình lặng. Sa di tinh tấn không ngừng, tu thiền nhập định và đắc lại pháp ngày xưa người đã từng được.

Câu chuyện này Sư đã kể không biết bao nhiêu lần cho quý vị Phật tử nghe. Không để dục vọng khống chế. Nếu như tâm quý vị không kiên nhẫn, mỗi lần dục vọng khởi lên trong tâm sẽ thúc bách quý vị hành động khiến chúng ta mãi mãi bị trói buộc trong luân hồi sanh tử. Không có người nào thay ta tu hành. Không có người nào làm cho ta giác ngộ. Đức Phật giác ngộ là phần của đức Phật đã xong việc của mình. Ngài chỉ dạy cho chúng ta phương pháp tu hành nhưng không tu giùm chúng ta. Nên mỗi người cần phải tự mình tu hành.

Có một người làm thơ viết rằng: *"Vì em là chúng sinh/ Nên yêu em thật nhiều/ Lỡ mai em thành Phật/ Ta sẽ đùa với ai/ Vì em là bồ tát/ Yên tâm ta ngủ vùi / Trăm năm đầy mơ mộng/ Chỉ một mình em thôi/ Nếu em là chúng sinh/ Ta quay đầu nhìn lại/ Ôi! Thiên thần thất bại/ Khổ đau giấc mộng dài"*. Không biết người làm thơ bây giờ đang ở đâu, đi về đâu với giấc mộng hão huyền.

Qúy vị nên nhớ, Đức Phật chỉ rõ con đường đi đến giải thoát. Mỗi người chúng ta phải tự thực hành. Không ai có thể khiến cho người khác khai ngộ. Tham, sân, si ba độc ngủ ngầm trong nội tâm chúng ta. Không phải người khác đưa nó vào, cũng không ai có thể đem nó đi. Vì vậy, chúng ta cần phải tu tập để thanh tịnh tâm mình. Bằng cách nào? Hãy thu thúc các căn bằng chánh niệm tỉnh giác.

Nếu không thu thúc lục căn, không tỉnh thức, hoan hỷ trong tu tập chúng ta dễ đánh mất đời sống phạm hạnh. Trong giới luật Đức Phật dạy phụ nữ là kẻ thù của phạm hạnh. Chúng tôi nói phụ nữ là bạn lành của sa môn nhưng là kẻ thù của phạm hạnh. Vì sao vậy? Quý vị thấy đa số người đi chùa là tín nữ. Cúng dường, đúc tượng, xây chùa, làm phước, in kinh sách... đa phần là tín nữ. Tín tức là tin. Người nữ có đức tin rất mạnh. Trong pháp hội này hơn 80% tín nữ tham dự. Cho nên, tín nữ là bạn lành của sa môn. Nếu nói là kẻ thù của sa môn thì chắc chắn tín nữ rất buồn và không muốn đến chùa. Cho nên nói tín nữ là bạn lành của sa môn để tỏ lòng biết ơn tín nữ với những việc họ đã làm góp phần cho Phật Pháp được bền vững.

Nhưng tín nữ cũng là kẻ thù của phạm hạnh. Cho nên, quý vị phải tu hành miên mật, thu thúc lục căn. Tâm niệm và hành động phải giữ thanh tịnh. Phải biết tỉnh giác trong mọi hoàn cảnh.

Điều thứ ba. Đức Phật dạy một người trí thức hay nóng giận là điều bất hạnh. Trí thức trong Phật giáo khác với ngoài đời. Ở ngoài đời người có học vị thạc sĩ, tiến sĩ được gọi là trí thức, là học rộng hiểu cao. Nhưng trong kinh Phật dạy, người trí thức phải có đức hạnh, biết giữ gìn 5 giới: Không sát sanh, không nói dối, không trộm cắp, không tà dâm, không uống rượu. Nếu có hành vi sát sanh là không có đạo đức thì dù có học cao tới đâu cũng không được coi là trí thức. Vì học cao để hướng đến sự ly tham, ly sân, ly si. Người học cao mà còn tham, sân, si quá nhiều, dùng kiến thức để phát minh điều này điều kia làm tổn hại thiên hạ, làm cho nhân loại điên đảo thì không phải là người trí thức theo tinh thần phật giáo. Người trí thức theo Phật giáo là người có đức hạnh, biết giữ 5 giới, bố thí, trì giới, tham thiền, có tâm từ bi hỷ xả đối với tất cả chúng sanh. Tại sao nói trí thức hay nóng giận là điều bất hạnh? Vì người trí thức cố nhiên là người có quyền chức. Người có quyền chức mà nóng giận thì không thành công việc lớn. Muốn thành công việc lớn phải ôn hòa nhã nhặn trong mọi tình huống, tâm mới có tầm nhìn xa. Người mà chỉ nghe nói đã vội tin, không tìm hiểu căn cơ, ngọn nguồn sự việc, đó là người si mê. Tâm lý của con người chỉ tin những gì mình thấy. Nhưng tri giác cũng có lúc sai lầm. Thấy sợi dây tưởng rằng con rắn. Nghi ngờ là tâm thường có của con người. Nghi ngờ là chướng ngại lớn nhất cản trở chúng ta tìm về với ánh sáng của tỉnh giác. Có người do hay nghi nên dẫn đến hiểu sai lệch sự việc, con người.

Cho nên, hãy luôn khiêm tốn để lắng nghe, tỉnh táo để quan sát, nhận hiểu các vấn đề xảy ra trong đời sống một cách toàn diện trong các mối quan hệ chung quanh. Qúy vị hãy thấu suốt tất cả việc khi nó vừa phát sinh. Như vậy mới tránh được sự nóng giận vì tâm phê phán, tâm phản ứng của cái ngã to tướng của chúng ta.

Quý vị hiểu rằng đa số mọi sự trong đời đều do nhân duyên. Có những chuyện ta không mơ tưởng mà nó thành. Có những việc ta mong muốn đến cháy ruột cháy gan thì nó lại không tới. Hãy biết

duyên tới đâu mình làm tới đó. Cái nào duyên của mình thì mình làm. Cái nào không có duyên với mình thì hoan hỷ né qua cho người khác làm. Đừng bực tức, giận dỗi.

Có cô tín nữ xinh đẹp chân mang giày cao gót, tay cầm cây dù vui vẻ đi trên phố. Không may, có một thanh niên sơ ý giẫm lên chân cô ta. Đau quá, nổi giận, cô ta vừa la vừa cầm cái dù đánh liên tục ba bốn cái thật mạnh vào vai anh thanh niên. Người thanh niên không phản ứng gì mà từ tốn nói: Xin lỗi chị. Em biết em lỡ đạp vào chân chị, chắc chị đau lắm, thôi chị đánh em thêm vài cái nữa cho chị bớt đau. Nghe nói vậy, cái tâm đang phun trào cơn giận như núi lửa trong lòng cô ta bỗng từ từ dịu xuống. Những lời nói biết lỗi rất ôn hòa kia như nước mát mẻ làm cho lửa giận hạ nhiệt. Cô cũng cảm thấy mình thái quá bèn nói rằng: "Tui biết, cậu đạp tui đau lắm, nhưng tui nóng tánh, có đánh cậu mấy cái, thôi tui xin lỗi cậu nghen".

Chúng ta không biết người thanh niên tu theo đạo gì nhưng cách hành xử cộng với lời nói từ tốn như vậy đã đối trị với lòng tức giận của người kia. Điều này rất phù hợp với giáo lý của Đức Phật. Đối trị với lòng sân hận chỉ có tâm từ. Sân hận không bao giờ dập tắt bằng sân hận, chỉ có thể dập tắt sân hận bằng tình thương. Người tu phải thực hành tâm từ bi bác ái, được như vậy thì người trong gia đình sẽ quý mến quý vị hơn, lời nói quý vị có giá trị hơn. Muốn có tâm từ phải siêng tu tập chớ không tự nhiên mà có.

Cuộc đời không có gì là tồn tại mãi mãi. Đừng có quan trọng hóa vấn đề để rồi đâm ra đau khổ trước những được mất của cuộc đời. Cái gì đến cứ đến. Cái gì đi cứ đi. Qúy vị cố gắng nỗ lực nhưng thành hay bại là do nhân duyên. Nên hiểu nhân duyên để quý vị không phiền não.

Hãy giữ tâm sáng suốt, lặng lẽ nhìn dòng đời sanh diệt.

Thời pháp đến đây cũng vừa phải lẽ. Cuối cùng quý vị biết được người cư sĩ tại gia lười biếng là bất hạnh; người tu sĩ xuất gia mất tỉnh giác, không thu thúc lục căn là bất hạnh; người trí thức không có lòng từ bi, hỷ xả, nóng giận là bất hạnh.

Cầu mong thời pháp này là món quà đạo vị cho chư thiện nam tín nữ, mong sao quý vị áp dụng giáo lý Phật dạy tu hành tinh tấn, sống an lành và thanh tịnh.

(tiếp theo trang 39)

được mở ra, được vui chơi, tắm gội. Khi có sự chuyển đổi trong tế bào thì các tế bào ấy sẽ ít tật nguyền và càng ngày mình càng ít bệnh, càng ngày càng đẹp, càng giống chư thiên hơn, càng được sống trên thiên đường nhiều hơn. Cho nên, điều gì được xuất phát từ tình thương yêu không điều kiện của mình thì càng làm cho mình và người ngày càng tốt đẹp hơn.

Lời Kết

Đạo Phật là ánh đuốc soi đường cho chúng ta đi. Khi đến với đạo Phật, chúng ta phải biết học hỏi những điều Đức Phật đã dạy để áp dụng vào trong cuộc sống của mình, để dần dần chuyển hóa thân tâm mình. Chúng ta nên bắt đầu tu tập từ những việc nhỏ nhặt, những điều bình thường trong cuộc sống hằng ngày chứ không nhất thiết là phải làm những việc gì lớn lao. Tu theo đạo Phật, chúng ta hãy điều chỉnh hành vi của mình, sửa đổi thái độ và cách ứng xử của mình sao cho nhã nhặn, từ tốn, trước hết là trong cách ứng xử với những người thân yêu trong gia đình, rồi đến các mối quan hệ xã hội. Sống chân thật với mình cũng như với người, cẩn trọng với tất cả mọi việc, ngay cả những điều nhỏ nhặt trong cuộc sống và tập buông xả những muộn phiền, những hờn giận để đừng tích lũy độc tố, đừng đưa vào cơ thể mình các độc tố để rồi khổ đau vì thân bệnh và tâm bệnh. Biết san sẻ và thương yêu, quan tâm giúp đỡ người khác với tất cả tình thương yêu và lòng khiêm hạ của mình. Nếu chúng ta làm được những điều đó thì cuộc sống của chúng ta sẽ luôn được an vui, hạnh phúc, sẽ có chất lượng rất nhiều.

"Không có điều gì tệ bạc bằng chính mình quên mất bản thân mình. Mình chính là một con người hiện diện trong cuộc đời này. Mình vui, mình buồn, người thân mình cũng vui buồn, xúc động và đau khổ chung".

Các kỳ kiết tập Kinh điển theo Phật giáo Theravāda

Hòa thượng Rewata Dhamma
Đăng Nguyên (dịch)

NHỮNG LỜI DẠY CỦA ĐỨC PHẬT CHỨA ĐỰNG TRONG TAM TẠNG (PĀLI) CŨNG ĐƯỢC GỌI LÀ HỌC THUYẾT CỦA CÁC TRƯỞNG LÃO (THERAVĀDA). NHỮNG BẢN KINH NÀY CÓ CON SỐ HÀNG TRĂM VÀ LUÔN ĐƯỢC TỤNG ĐỌC NGUYÊN VĂN NGAY TỪ KHI KỲ KIẾT TẬP LẦN THỨ NHẤT ĐƯỢC TRIỆU TẬP. NHỮNG LỜI DẠY CHÂN THỰC CỦA ĐỨC PHẬT GOTAMA ĐƯỢC LƯU GIỮ VÀ TRUYỀN LẠI CHO CHÚNG TA HIỆN DIỆN Ở TRONG TAM TẠNG (TIPITAKA). TỪ PĀLI "TIPITAKA" CÓ NGHĨA ĐEN LÀ "BA GIỎ" (TI = 3 + PITAKA = GIỎ).

Tất cả những lời dạy của Đức Phật được chia thành ba phần. Phần thứ nhất là Kinh tạng (Suttanta Pitaka), bao gồm các bản kinh. Phần thứ hai được gọi là Luật tạng (Vinaya Pitaka), chứa đựng tất cả những luật lệ mà Đức Phật đã chế định cho hàng Tăng Ni. Phần thứ ba được gọi là Luận tạng (Abhidhamma Pitaka), bao gồm những lời dạy của Đức Phật về triết học tâm lý đạo đức của Ngài. Cũng được biết rằng, trong 45 năm hoằng hóa của Đức Phật, mỗi khi Ngài thuyết giảng một bản kinh cho những đệ tử xuất gia hay hàng tại gia, hoặc chế định một giới luật, những vị Tăng quảng học và nhiệt tâm ngay khi ấy sẽ ghi nhớ nguyên văn những lời dạy của Ngài. Như vậy, những lời dạy của Đức Phật được bảo lưu một cách chính xác và được truyền thừa bằng miệng từ thầy đến đệ tử. Một số Tỳ-kheo đã nghe Đức Phật thuyết giảng, với tư cách là những A-la-hán, và như vậy theo định nghĩa là "Những người thanh tịnh" thoát khỏi tham, sân và si, và do đó rõ ràng có thể duy trì trọn vẹn những lời dạy của Đức Phật. Như vậy, họ bảo đảm những lời dạy của Đức Phật được lưu giữ một cách chính xác cho hậu thế. Trong số những Tỳ kheo nhiệt tâm, có những người dù chưa đạt được quả vị A-la-hán nhưng đã đạt được ba thánh quả đầu và có năng lực, có trí nhớ lâu, cũng có thể nhắc lại nguyên văn những gì Đức Phật đã thuyết giảng và vì vậy có thể xứng đáng là những người lưu giữ những lời dạy của Đức Phật. Một trong số những vị Tăng như vậy là Tôn giả Ānanda, người em họ của Đức Phật và người được chọn làm thị giả và thường xuyên thân cận Đức Phật trong suốt 25 năm cuối đời của Ngài. Ānanda rất thông minh và có khả năng ghi nhớ bất cứ những gì mà thầy đã nghe nói. Sự thực, chính sự bày tỏ mong muốn của thầy mà Đức Phật đã luôn thuật lại những bản kinh cho thầy khi Ngài thuyết giảng mà vắng mặt thầy. Và mặc dù chưa phải là một vị A-la-hán, thầy ghi nhớ nguyên văn những bản kinh của Đức Phật. Những nỗ lực phối hợp của những vị Tăng nhiệt tâm và có khả năng này đã làm cho Pháp (Dhamma) và Luật (Vinaya) như được Đức Phật dạy, được lưu giữ ở trạng thái nguyên thủy của nó.

Tam tạng Pāli và những văn học liên hệ tồn tại như một kết quả của sự khám phá của Đức Phật về thánh đạo và con đường giải thoát của tịnh pháp. Con đường này giúp những người theo nó có thể sống một đời sống tự tại và an lạc. Sự thực, hiện nay chúng ta may mắn có được những lời dạy chân thực của Đức Phật mà chúng được lưu giữ cho những thế hệ tương lai thông qua những nỗ lực tận tâm và hợp

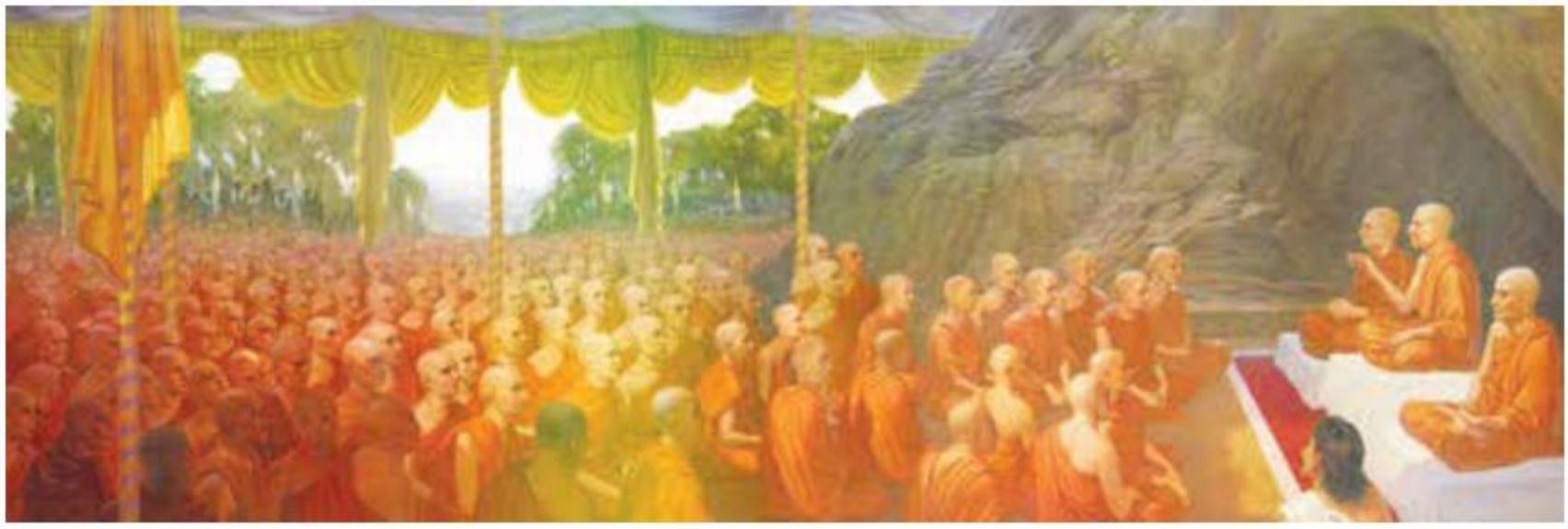

tác của những đệ tử xuất gia của Ngài qua các thời đại. Đức Phật nói với những đệ tử của Ngài rằng khi Ngài không còn nữa, thì điều cốt tủy là Tăng già nên tập hợp với nhau để cùng tụng đọc lại Pháp, chính xác như những gì Ngài đã dạy. Làm đúng với lời chỉ dạy này, những vị Trưởng lão đầu tiên hợp thời đã triệu tập một hội nghị và sắp xếp một cách có hệ thống tất cả những bài kinh và những giới luật của Đức Phật và tụng đọc chính xác chúng với nguyên văn trong sự đồng thuận.

Những lời dạy chứa đựng trong Tam tạng (Pāli) cũng được gọi là Học thuyết của các Trưởng lão (Theravāda). Những bản kinh này có con số hàng trăm và luôn được tụng đọc nguyên văn ngay từ khi kỳ kiết tập lần thứ nhất được triệu tập. Sau đó, thêm những kỳ kiết tập khác đã được triệu tập vì một số lý do, nhưng ở mỗi kỳ kiết tập toàn bộ giáo pháp của Đức Phật đã luôn được những thành viên Tăng già tham gia tụng đọc nguyên văn và bằng sự đồng thuận. Kỳ kiết tập thứ nhất xảy ra ba tháng sau Đức Phật nhập diệt và thêm năm kỳ kiết tập khác nữa, mà hai trong đó được triệu tập vào thế kỷ XIX và XX. Những việc tụng đọc tập thể mà chúng được chư Tăng thực hiện tại những kỳ kiết tập Phật giáo được gọi là "Dhamma Sangiti" - tụng đọc Pháp. Chúng được định rõ như vậy bởi vì sự quyết định được đặt ra ở kỳ kiết tập lần thứ nhất, khi tất cả giáo pháp được tụng đọc đầu tiên bởi một vị Trưởng lão của Tăng-già và sau đó được tất cả các vị Tăng có mặt tại hội nghị đồng thanh tụng đọc lại một lần nữa. Việc tụng đọc lại như vậy được xem là xác thực, khi và chỉ khi, nó được các thành viên của hội nghị nhất trí chấp thuận. Dưới đây là một lịch sử tóm tắt về sáu kỳ kiết tập kinh điển.

Kiết tập kinh điển lần thứ nhất

Vua Ajatasattu (A Xà Thế) bảo trợ kỳ kiết tập lần thứ nhất. Kỳ kiết tập này được triệu tập vào 544 (tr.TL) tại động Satiapanni nằm bên ngoài Rajagaha (Vương Xá) ba tháng sau Đức Phật diệt độ. Một miêu tả chi tiết về hội nghị lịch sử này có thể tìm thấy ở trong Cullavagga (Tiểu phẩm) của Luật tạng. Theo tài liệu này, sự việc khiến Trưởng lão Mahakassapa triệu tập hội nghị này là ngài nghe được một nhận xét đáng buồn về luật lệ sống nghiêm khắc dành cho Tăng sĩ. Sự việc là như sau: Vị tu sĩ có tên Subhadda, trước đó là một thợ cắt tóc, đã thọ giới muộn vào cuối đời, khi nghe rằng Đức Phật nhập diệt, cất giọng oán giận là phải tuân theo tất cả những luật lệ dành cho Tăng sĩ mà Đức Phật đã chế định. Trong khi nhiều vị Tăng đang đau buồn trước sự diệt độ của Đức Phật và vô cùng tiếc thương, thì Trưởng lão Mahakassapa đã nghe Subhadda nói: "Thôi đủ rồi các Tôn giả, chớ có sầu bi, chớ có than khóc. Chúng ta được thoát khỏi vị Đại ẩn sĩ này (Đức Phật). Chúng ta đau khổ khi ông ấy nói: "Điều này các ngươi được phép làm, điều này các ngươi không được phép làm, còn bây giờ chúng ta sẽ có thể làm những gì chúng ta thích và không làm những gì chúng ta không thích".

Mahakassapa lo ngại khi nghe lời nhận xét này và sợ rằng Pháp và Luật có thể bị sai lạc và không tồn tại nguyên vẹn nếu những vị Tăng khác cũng có thái độ như Subhadda và giải thích Pháp và Luật như họ muốn. Để ngăn chặn điều này ngài quyết định rằng Pháp phải được giữ gìn và hộ trì. Cuối cùng, sau khi đạt được sự đồng thuận của Tăng-già, ngài triệu tập một hội nghị gồm 499 vị A-la-hán cùng với Ananda. Với Trưởng lão Mahakassapa làm chủ toạ, 500 vị Tỳ-kheo đã hội họp trong suốt mùa mưa. Điều đầu tiên mà Mahakassapa làm là hỏi người tinh thông nhất về Vinaya vào thời bấy giờ, Tôn giả Upāli, về những trường hợp cụ thể của giới luật. Chính Tôn giả Upāli có đủ khả năng cho nhiệm vụ này vì Đức Phật đã dạy cho thầy tất cả Vinaya. Trước hết Trưởng lão Mahakassapa đã hỏi thầy một cách cụ thể về luật định của giới thứ nhất (parajika), liên quan đến chủ thể, duyên khởi, cá nhân được giới thiệu, lời tuyên bố, lặp lại lời tuyên bố, sự vi phạm và trường hợp không vi phạm. Upāli đã trình bày những câu trả lời một cách tinh thông và thỏa đáng, và những nhận xét của thầy nhận được sự đồng thuận của Tăng đoàn hiện diện. Như vậy Vinaya chính thức được chấp thuận.

Trưởng lão Mahakassapa sau đó hướng đến Ānanda bởi vì khả năng đáng phục của thầy về tất cả những vấn đề liên quan đến Pháp. Thật hoan hỷ, vào đêm trước kỳ Hội nghị được tổ chức, Ānanda đã chứng đắc thánh quả A la hán. Trưởng lão Mahakassapa, do đó, cuối cùng có thể hỏi thầy

với lòng tin tuyệt đối về Pháp với sự đề cập cụ thể những bản kinh của Đức Phật. Sự thẩm vấn về Pháp đòi hỏi thẩm tra địa điểm nơi tất cả những bản kinh được thuyết giảng và đối tượng được giảng. Ānanda, được hỗ trợ bởi trí nhớ siêu xuất chính xác đến từng chữ của mình có thể trả lời một cách chính xác, và như vậy các bản kinh nhận được sự chấp thuận của Tăng đoàn. Kỳ kiết tập lần thứ nhất khép lại nơi những thắc mắc về các giới luật phụ và thứ yếu, và sự chấp thuận tuân thủ chúng. Chư Tăng đã mất bảy tháng để tụng đọc toàn bộ Luật và Pháp và những vị Tăng đó được phú cho đầy đủ trí nhớ tốt để nhớ lại tất cả những gì đã được tụng đọc. Kỳ kiết tập lịch sử lần thứ nhất này được gọi là Ngũ bách kiết tập (Pancasatika), bởi vì có 500 vị A-la-hán giác ngộ tham gia vào đó.

Kỳ kiết tập thứ hai

Kỳ kiết tập thứ hai được tổ chức 100 năm sau Đức Phật nhập Niết bàn để giải quyết một tranh cãi nghiêm trọng về "mười điều". Điều này đề cập đến một số tu sĩ phạm phải mười giới khinh. Chúng được liệt kê như sau:

1. Chứa muối trong ống bằng sừng.

2. Ăn sau ngọ.

3. Ăn một lần rồi và sau đó lại đi đến một ngôi làng khất thực.

4. Thực hiện lễ Bố-tát (Uposatha) cùng với các vị Tăng ở cùng một trú xứ.

5. Nghị quyết pháp sự khi hội chúng không đầy đủ.

6. Thực hành một số việc mà chúng được Hòa thượng hay giáo thọ sư trước đó làm.

7. Ăn sữa chua/ sữa hòa nước sau giờ ngọ.

8. Uống thức uống (nước trái cây) lên men (để trị bệnh).

9. Sử dụng tọa cụ không đúng kích cỡ.

10. Sử dụng vàng bạc.

Những việc làm sai trái của họ trở thành một vấn đề và gây nên sự tranh luận nghiêm trọng khi việc vi phạm những luật lệ này được nghĩ là trái với những lời dạy nguyên thủy của Đức Phật. Vua Kalasoka là người bảo trợ cho kỳ kiết tập lần thứ hai và hội nghị được tổ chức ở Vesali. Chi tiết vụ việc là như sau: Một ngày, trong khi viếng Đại Lâm (Mahavana) tại Vesali, Trưởng lão Yasa biết rằng một nhóm Tăng sĩ đông đảo được gọi là những người Vajji đang vi phạm giới không cho phép Tăng sĩ nhận vàng bạc khi họ công khai xin những thứ này từ các đệ tử tại gia của họ. Ngài trực tiếp phê bình hành xử của nhóm này và phản ứng của họ là dâng cho ngài một phần những thứ có được không đúng pháp với hy vọng ngài sẽ ngã theo họ.

Tuy nhiên, Trưởng lão Yasa đã khước từ và tỏ thái độ xem thường hành xử của họ. Các vị Tăng này lập tức buộc tội ngài đã khiển trách những tín đồ tại gia của họ, và yêu cầu ngài thực hiện nghi thức hòa giải. Trưởng lão Yasa do đó đã hòa giải với những tín đồ tại gia, nhưng đồng thời thuyết phục họ rằng những Tăng sĩ Vajji đã làm điều sai trái bằng việc trích dẫn lời dạy của Đức Phật về việc cấm Tăng sĩ nhận hay xin vàng bạc. Những người tại gia lập tức thể hiện sự ủng hộ đối với Yasa và tuyên bố rằng những Tăng sĩ Vajji là những người làm điều sai trái và dị giáo. Họ nói rằng "Chỉ Trưởng lão Yasa là chân Tăng, Thích tử. Còn tất cả những người khác không phải là Tăng, không phải là Thích tử".

Những Tăng sĩ ương ngạnh Vajji lúc ấy kéo đến đuổi Trưởng lão Yasa mà không có sự chấp thuận của những thành viên còn lại của Tăng đoàn. Khi ấy họ biết ảnh hưởng việc gặp gỡ của Trưởng lão Yasa đối với những tín đồ tại gia của họ. Tuy nhiên, Trưởng lão Yasa đã tránh sự công kích của họ và đi tìm sự ủng hộ từ những vị Tăng khác, những người ủng hộ quan điểm của ngài về Vinaya. 60 vị Tăng cư trú trong rừng từ Pava và 80 vị Tăng từ những vùng phía Nam Avanti mà họ có chung suy nghĩ, đã bày tỏ giúp đỡ ngài để ngăn chặn sự suy thoái Vinaya. Họ cùng nhau quyết định đi đến Soreyya để hội ý với Tôn giả Revata vì ngài là một tăng sĩ rất được kính trọng và là một người tinh thông Pháp và Luật. Ngay khi biết được điều này, những tăng sĩ Vajji cũng đến tìm sự ủng hộ của Tôn giả Revata bằng việc cúng dường cho ngài bốn vật dụng cần thiết nhưng ngài lập tức từ chối. Những vị Tăng này sau đó lại sử dụng phương cách ấy để thuyết phục vị thị giả của Tôn giả Revata là thầy Uttara.

Đầu tiên thầy Uttara cũng thẳng thắn khước từ sự cúng dường của họ nhưng họ đã thuyết phục thầy hãy nhận sự cúng dường của họ, nói rằng khi những vật dụng cần thiết dành cho Đức Phật đã không được Ngài nhận, Ānanda được yêu cầu nhận chúng và thường được đồng ý làm như vậy. Thầy Uttara bèn đổi ý và nhận những vật dụng cần thiết. Bị họ nài nỉ, thầy này sau đó đồng ý đi đến thuyết phục Tôn giả Revata để tuyên bố rằng những Tăng sĩ Vajji thật sự là những người nói chân lý và những người hộ trì Pháp. Tôn giả Revata thấy rõ thủ đoạn của họ và khước từ ủng hộ họ. Sau đó ngài tẩn xuất Uttara. Để giải quyết vấn đề một cách dứt khoát, Tôn giả Revata khuyên nên tổ chức một hội nghị tại Valikarama và chính ngài sẽ hỏi người cao niên nhất trong số những Trưởng lão vào thời đó, Trưởng lão Sabbakami, về 10 điều vi phạm (còn tiếp).

Kệ ngôn của Trưởng lão PUṆṆA

TT. Thiện Phúc (dịch)

Được biết rằng trưởng lão Puṇṇa đã nói lên bài kệ như vầy:

"Giới ở trong thế gian
Được xem là thù thắng
Nhưng với người có tuệ
Được xem là tối thượng
Ai có giới và tuệ
Người ấy sẽ chiến thắng
Cả thế giới nhân thiên".

Thuở quá khứ, vào thời không có giáo pháp của Đức Chánh Đẳng Giác, trưởng lão sanh vào gia đình Bàlamôn, khi trưởng thành vị này đã thành tựu các nghệ thuật của Bàlamôn, do thiện duyên quá khứ, Ngài cảm nhận được mối nguy hiểm của ngũ trần dục lạc nên từ bỏ đời sống thế tục, xuất gia làm đạo sĩ, dựng một am thất tại vùng Hy Mã Lạp Sơn để trú ẩn.

Tại một sườn núi, không xa chỗ đạo sĩ ở có một vị Độc giác Phật bị bệnh rồi viên tịch niết bàn. Lúc Đức Phật Độc Giác niết bàn có một vầng sáng chiếu lên. Vị đạo sĩ sau khi thấy vầng sáng ấy, hướng nhìn chung quanh với sự suy nghĩ rằng: "Tại sao có ánh sáng này phát sanh? Vậy chắc Đức Độc Giác Phật bên triền núi đã viên tịch rồi" bèn chọn lấy những loại gỗ thơm đến hoả táng kim thân của Đức Độc Giác Phật, rồi lấy những hương liệu thiên nhiên của núi rừng rưới lên. Tại triền núi ấy, có một vị thiên tử hoan hỷ với thiện sự của đạo sĩ hiện ra giữa hư không tán dương:

- Sādhu! Sādhu! Này người hiền trí, nghiệp đưa chúng sanh đến nhàn cảnh. Người đã tạo rồi, với thiện nghiệp ấy người sẽ được tái sanh nhàn cảnh và sẽ có tên là Puṇṇa.

Khi mạng chung, vị đạo sĩ sanh về thiên giới, luân chuyển giữa hai cõi trời người. Đến thời giáo pháp của bậc đạo sư của chúng ta, vị đạo sĩ được sanh vào một gia đình tộc trưởng, tại bến cảng Suppāraka xứ Sunāparanta và có tên là Puṇṇa. Sau khi trưởng thành, Puṇṇa kế nghiệp buôn bán của thân phụ.

Một hôm, chàng thanh niên Puṇṇa cùng với một đoàn xe đi đến thành Sāvatthī để buôn bán.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn đang ngự trong thành Sāvatthī tại tịnh xá Jetavana (Kỳ Viên) của trưởng lão Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Vào buổi chiều, thanh niên Puṇṇa nhìn thấy từng đoàn cư sĩ, Phật tử tay cầm hương hoa cùng các lễ vật đi đến tịnh xá, thanh niên Puṇṇa cũng tháp tùng theo đoàn người ấy, sau khi nghe pháp từ Đức Thế Tôn, chàng phát khởi niềm tin và xin xuất gia. Xuất gia được một thời gian, tôn giả Puṇṇa đi đến yết kiến Đức Thế Tôn thưa rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn! Xin Ngài ban lời giáo huấn tóm tắt để sau khi nghe, con có thể thực hành và sống tại xứ Sunāparanta.

Đức Thế Tôn ban lời giáo giới đến tôn giả rằng:

- Này Puṇṇa, các sắc do mắt nhận thức...

Tôn giả đảnh lễ cáo từ Đức Thế Tôn và đi đến xứ Sunāparanta tại bến cảng Suppāraka, do nhiệt tâm tinh cần thực hành theo lời dạy của Đức Thế Tôn nên không bao lâu tôn giả đã chứng đạt Tam minh,

như bài kệ tôn giả đã nói trong Apadāna rằng:

"Có vị Phật Độc Giác
An ngự nơi triền núi
Lúc ấy có tiếng động
Vang quanh am thất ta
Như là một điềm báo
Đức Độc Giác niết bàn
Có một vầng ánh sáng
Chiếu lên tận hư không
Các loài thú tại đó
Như gấu, sói, sư tử...
Tất cả đều rống lên
Ta thấy sự kỳ diệu
Bèn đi đến chỗ ấy
Ta nhìn thấy Đức Phật
Đã viên tịch niết bàn
Ví như loài cây chúa
Có hoa thơm nở rộ
Như mặt trời hừng đông
Như lửa than không ngọn
Ta nhặt lấy cây cỏ
Chất thành một đống lớn
Làm giàn hoả đặt lên
Ta đã cúng dường lửa
Thiêu kim thân Đức Phật
Sau khi hoả táng xong
Lấy nước thơm rưới lên
Bấy giờ có vị trời
Xuất hiện giữa hư không
Đã nói lên lời rằng
Khi nào ngươi xuất gia
Khi ấy tên Puṇṇa
Do thiện nghiệp ngươi làm
Đến Đức Phật Độc Giác
Từ đây ngươi mạng chung
Sẽ được sanh thiên giới
Tại trên thiên giới ấy
Cũng tên là Puṇṇa
Ta khiến cho Thế tôn
Hồng danh Gotama
Hoan hỷ điều ta làm
Kể từ hiền kiếp này
Đến kiếp thứ 91
Thiện nghiệp nào ta làm
Chính do thiện nghiệp đó
Ta không biết khổ cảnh
Đây chính là quả báo
Việc hoả táng Đức Phật
Cho đến kiếp cuối cùng
Ta thiêu đốt phiền não...
Lời Phật dạy làm xong".

Sau khi chứng quả Alahán, trưởng lão Puṇṇa đã tế độ cho khoảng 500 người quy y Tam Bảo trở thành cận sự nam và khoảng 500 người quy y Tam Bảo trở thành cận sự nữ. Trưởng lão cho Phật tử xây cất một hương thất bằng gỗ chiên đàn đỏ tên là Candnamālā tại xứ Sunāparanta, Ngài cung thỉnh Đức Thế Tôn và chư tăng ngự đến hương thất, bằng cách lấy tràng hoa làm sứ giả rằng: "Xin Đức Thế Tôn! Nhận tràng hoa cúng dường này, xin thỉnh Ngài ngự đến đây cùng với 500 vị tỳ khưu".

Đức Thế Tôn cùng với chư tỳ khưu ngự đến Sunāparanta bằng thần thông lực Ngài thọ nhận hương thất Candnamālā, rồi Ngài cùng với chư tăng trở về Jetavana (Kỳ Viên).

Khi trưởng lão sắp viên tịch niết bàn đã nói lên lời chánh trí của mình với bài kệ rằng:

"Giới ở trong thế gian
Được xem là thù thắng
Nhưng với người có tuệ
Được xem là tối thượng
Ai có giới và tuệ
Người ấy sẽ chiến thắng
Cả thế giới nhân thiên".

7 thực phẩm kéo dài "Tuổi thanh xuân" cho mắt

Bởi **Eva.vn**

Những gì bạn ăn có thể ảnh hưởng đến thị giác của bạn khi đã có tuổi. Thêm những thực phẩm dưới đây vào chế độ ăn của bạn để tăng cường sức khỏe cho đôi mắt.

Đôi mắt có rất nhiều mạch máu, do đó một chế độ ăn uống lành mạnh cho tim, ít chất béo là rất quan trọng để giữ cho các mạch máu của mắt khỏe mạnh. Thực phẩm giàu chất chống oxy hóa cũng được biết đến để giúp bảo vệ mắt khỏi thoái hóa điểm vàng liên quan đến tuổi tác (ARMD).

1. CÀ CHUA

Cà chua có chứa các carotenoid và lycopene giúp cho cà chua màu đỏ rực rỡ. Nghiên cứu cho thấy lycopene trong mô mắt giúp ngăn ngừa thiệt hại gây ra bởi ánh sáng đến võng mạc và các khu vực khác của mắt.

Cà chua cũng đóng góp một nguồn vitamin C tuyệt vời để bảo vệ thị lực. Cà chua chế biến hoặc cà chua tươi ăn kèm với một ít dầu ô liu sẽ giúp thúc đẩy sự hấp thu lycopene. Các nhà nghiên cứu cho rằng: ăn các thức ăn giàu chất chống oxy hóa sẽ tốt hơn so với dùng thuốc bổ cho mắt.

2. RAU BINA, CẢI XOĂN, RAU XANH

Rau bina và cải xoăn, rau lá xanh rất giàu chất chống oxy hóa được lưu trữ trong hai điểm vàng lutein và zeaxanthin. Hoàng điểm là một phần của võng mạc hoạt động như một kem chống nắng tự nhiên, che chắn mắt khỏi ánh sáng gây hại. Lutein và zeaxanthin hấp thụ ánh sáng màu xanh gây hại cho võng mạc.

Các chất dinh dưỡng cũng giúp mắt phát hiện tương phản tốt hơn, vì vậy ăn thực phẩm giàu chất chống oxy hóa này không chỉ cải thiện tầm nhìn mà còn giúp duy trì thị lực của bạn lâu dài. Vì lutein và

zeaxanthin là chất béo hòa tan, ăn rau xanh với dầu ô liu sẽ giúp đảm bảo rằng bạn hấp thụ các chất dinh dưỡng tốt hơn.

3. TRỨNG

Giống như rau bina và các loại rau lá xanh, lòng đỏ trứng cũng là một nguồn tốt của lutein và zeaxanthin. Trong một nghiên cứu, các nhà nghiên cứu phát hiện ra rằng nồng độ lutein tăng 26%, trong khi mức zeaxanthin tăng 38% khi ăn một quả trứng mỗi ngày.

Lòng đỏ trứng cũng là một nguồn tự nhiên của vitamin D, có thể làm giảm nguy cơ ARMD.

4. CÁ HỒI

Cá hồi là một trong những nguồn axit béo omega-3 rất tốt để duy trì mắt khỏe mạnh. Omega-3 đã được chứng minh là làm giảm nguy cơ ARMD và giúp điều trị bệnh khô mắt.

Một nghiên cứu nhãn khoa đã cho thấy một chế độ ăn giàu béo omega-3 giúp giảm 38% nguy cơ thoái hóa điểm vàng. Cá hồi cũng là một nguồn tự nhiên của vitamin D có lợi cho sức khỏe của mắt.

5. DẦU Ô LIU

Một chế độ ăn uống ít chất béo có hại giúp ngăn ngừa bệnh võng mạc. Một số nghiên cứu cho thấy

rằng một chế độ (cá, các loại thực phẩm thực vật, và các chất béo lành mạnh) được cho là tốt cho thị lực.

6. NGÔ

Ngô màu vàng là nguồn tuyệt vời của lutein và zeaxanthin. Những sắc tố màu vàng tự nhiên bị mất trong quá trình thoái hóa điểm vàng.

Nghiên cứu khoa học đã cho thấy nồng độ lutein và zeaxanthin trong máu của người cao tuổi tăng đáng kể khi họ ăn ngô, các loại trái cây giàu carotenoid và rau xanh. Nhờ vậy mà nó đã giảm đáng kể nguy cơ mất đi những sắc tố màu vàng.

Nghiên cứu thậm chí còn phát hiện ra rằng phụ nữ ăn hầu hết các loại trái cây và rau quả bao gồm ngô vàng, giảm nguy cơ đục thủy tinh thể phát triển.

7. HẠT DẺ CƯỜI

Hạt dẻ cười hay hạt hồ trăn có chứa lutein và zeaxanthin và cũng đóng gói trong một lượng đáng kể vitamin E rất cần thiết cho mắt. Các chất béo đơn và chất béo không bão hòa trong hạt dẻ cười cũng giúp tăng cường hấp thu carotenoids.

Trong thực tế, một nghiên cứu cho thấy những người bổ sung vào chế độ ăn hạt dẻ cười sẽ tăng đáng kể mức độ lutein.

Nghị định số 92/2012/NĐ-CP của Chính phủ: "Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Tín ngưỡng, Tôn giáo"

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 42. Trách nhiệm của Bộ Nội vụ và các cơ quan liên quan

1. Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Trong việc thực hiện Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định này, những trường hợp thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nội vụ có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, chủ trì phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ quyết định. Những trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo cùng cấp có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định, trình Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quyết định.

3. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn phối hợp với Bộ Nội vụ giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về lĩnh vực tín ngưỡng, lễ hội tín ngưỡng; môn học lịch sử Việt Nam, pháp luật Việt Nam; xây dựng công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo; đất đai liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo.

Điều 43. Tiếp nhận hồ sơ

1. Tổ chức, cá nhân khi thực hiện Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định này có trách nhiệm gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Khi nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải có giấy biên nhận, trong đó hẹn ngày trả kết quả. Giấy biên nhận được lập thành 02 bản, 01 bản giao cho tổ chức, cá nhân, 01 bản lưu tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm giải thích, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân, bổ sung hồ sơ theo đúng quy định. Thời gian hoàn chỉnh hồ sơ không tính vào thời hạn trả lời.

Điều 44. Điều khoản chuyển tiếp

1. Tổ chức tôn giáo đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp đăng ký hoạt động tôn giáo và công nhận về tổ chức theo quy định tại Nghị định số 22/2005/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo thì không phải làm thủ tục đăng ký và công nhận lại theo quy định tại Nghị định này.

2. Hội đoàn tôn giáo, dòng tu, tu viện và các tổ chức tu hành tập thể khác của tôn giáo đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp đăng ký hoạt động theo quy định tại Nghị định số 22/2005/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo thì không phải làm thủ tục đăng ký lại theo quy định tại Nghị định này.

Điều 45. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

Nghị định này thay thế Nghị định số 22/2005/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2005 hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo.

Điều 46. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Tư vấn Chuyển dịch quyền sở hữu tài sản

LUẬT THIỆN VIỆT

CÂU HỎI: *Bác tôi có căn nhà ở Hà Nội, nhưng hiện nay Bác ấy đang tạm trú tại TP. HCM. Nay Bác muốn làm hợp đồng tặng cho căn nhà này và làm thủ tục công chứng tại TP. HCM có được không? Nếu không Bác ấy nên làm như thế nào cho đúng? Cảm ơn Luật Sư. (Tăng Sinh K8).*

Trả lời: Giao dịch dân sự chuyển dịch quyền sở hữu tài sản là Nhà ở thuộc bất động sản thì Luật Nhà ở điều chỉnh quan hệ pháp lý nếu các bên có nhu cầu chuyển dịch quyền sở hữu thì phải lập Hợp đồng tặng cho công chứng nơi có bất động sản. Nên bắt buộc Bác của bạn phải công chứng tại tổ chức công chứng trên địa bàn Hà Nội. Việc công chứng nơi có bất động sản để tiện kiểm tra quản lý địa chính hành chính trên mạng, theo dõi thông tin căn nhà, để tránh trường hợp một căn nhà chuyển dịch cho rất nhiều người hậu quả gây tranh chấp kiện tụng nhau. Theo quy định pháp luật trong trường hợp người tặng cho không tự mình thực hiện được thủ tục công chứng thì có thể làm hợp đồng ủy quyền cho bất cứ người nào, được thay mặt và nhân danh Bác bạn thực hiện các thủ tục về hợp đồng tặng cho. Hồ sơ hợp đồng ủy quyền gồm giấy tờ cá nhân của hai bên (chứng minh nhân dân, hộ khẩu thường trú); giấy chứng nhận quyền sở hữu bất động sản, và các giấy tờ khác (nếu có). Hợp đồng ủy quyền này có thể công chứng ở bất kỳ tổ chức công chứng nào theo Điều 37 Luật công chứng. Thủ tục công chứng hợp đồng được điều chỉnh bởi luật công chứng và các văn bản hướng dẫn.Việc lập hợp đồng có thể tự thực hiện hoặc nhờ công chứng viên soạn theo mẫu, sau khi chủ sở hữu bất động sản cùng bên được ủy quyền ký vào từng trang hợp đồng và công chứng viên sẽ ghi lời chứng, ký vào từng trang hợp đồng đó.

Nếu Bác của bạn không có điều kiện về Hà Nội làm thủ tục công chứng thì có thể làm hợp đồng ủy quyền cho bất cứ người nào được thay mặt và nhân danh mình thực hiện các thủ tục về tặng cho căn nhà. Bên được ủy quyền sẽ đến tổ chức công chứng ở nơi có bất động sản (trong trường hợp này là Hà Nội) yêu cầu công chứng hợp đồng tặng cho bất động sản, cùng người nhận tặng cho ký vào hợp đồng với tư cách là người đại diện của bên tặng cho. Chúc bạn thân tâm an lạc, tốt đời đẹp đạo.

LS. Lâm Thị Mai
Tel: 08.35532278 – DĐ. 0908 161 395

TP. HCM: Cung thỉnh Hội đồng Thập sư Đại Giới đàn Quảng Đức

Cung thỉnh Trưởng ban Tổ chức Đại giới đàn Quảng Đức và giáo phẩm đứng đầu Hội đồng Giới sư truyền Bồ tát giới HT. Thích Trí Quảng.

H.Diệu - Hải Đạt
(theo GNO)

Được sự cho phép của Ban Tổ chức Đại giới đàn Quảng Đức PL. 2557, hôm qua 11-8, Ban Tăng sự gồm HT. Thích Minh Thông, Phó Ban Trị sự, Trưởng ban Tăng sự GHPGVN TP. HCM; HT. Thích Thiện Minh, Phó ban Thường trực Ban Tăng sự GHPGVN TP. HCM; TT. Thích Đồng Văn, Phó Ban kiêm Thư ký Ban Tăng sự GHPGVN TP. HCM đã đến từng trú xứ của chư tôn giáo phẩm vấn an sức khỏe và cung thỉnh vào Hội đồng thập sư truyền giới.

Theo đó, Thập sư đàn Tỳ kheo Đại giới đàn Quảng Đức do Đại lão HT. Thích Tắc An được cung thỉnh ngôi Hòa thượng đàn đầu; HT. Thích Như Niệm làm Yết-ma-a-xà-lê; HT. Thích Chơn Lạc, Giáo thọ A-xà-lê 1; HT. Thích Thiện Tâm, Giáo thọ A-xà-lê 2; HT. Thích Giác Tường, Giáo thọ A-xà-lê 3; HT. Thích Minh Thông, Tuyên Luật sư và chư vị thất chứng: HT. Thích Thanh Sơn, HT. Thích Minh Chơn, HT. Thích Trí Hải, HT. Thích Minh Hiền (Q.3), HT. Thích Chơn Phát (Huệ Nghiêm), HT. Thích Minh Tâm (Huệ Nghiêm), HT. Thích Tắc Lãnh.

Thập sư đàn Sa-di do HT. Thích Viên Giác được cung thỉnh ngôi Hòa thượng đàn đầu; HT. Thích Thiện Pháp, Yết-ma-xà-lê; HT. Thích Huệ Minh, Giáo thọ A-xà-lê và chư vị tôn chứng.

Dịp này, đoàn Ban Tăng sự GHPGVN TP. HCM cũng cung thỉnh Hội đồng giới sư truyền Bồ-tát giới do HT. Thích Trí Quảng đứng đầu cùng 26 vị tôn túc giáo phẩm.

Ban Tổ chức cũng cung thỉnh chư tôn giáo phẩm Ni vào Hội đồng thập sư truyền giới cho đàn Tỳ kheo ni, sa di ni, thức xoa ma na.

Đàn thập sư Tỳ kheo ni, Ni trưởng TN. Tịnh Danh được cung thỉnh vào ngôi Hòa thượng đàn đầu và chư tôn đức Ni; Đàn thập sư Sa di ni, Ni trưởng TN. Như Đức được cung thỉnh ngôi Hòa thượng đàn đầu và chư tôn đức Ni; Thập sư đàn Thức xoa ma na, Ni trưởng TN. Tịnh Nguyện được cung thỉnh vào ngôi Hòa thượng đàn đầu và chư tôn đức Ni.

Phật giáo Nam tông: Đàn Thập sư Tỳ kheo, HT. Thích Thiện Tâm được cung thỉnh vào ngôi Hòa thượng đàn đầu và chư tôn giáo phẩm Hòa thượng; Thập sư đàn Sa di, HT. Thích Viên Minh được cung thỉnh vào ngôi Hòa thượng đàn đầu và chư tôn giáo phẩm.

Phật giáo Khất sĩ: Đàn Thập sư Tỳ kheo, HT. Thích Giác Nhường được cung thỉnh vào ngôi Hòa thượng đàn đầu và chư tôn giáo phẩm; đàn thập sư Sa di, HT. Thích Giác Tường được cung thỉnh vào ngôi Hòa thượng Đàn đầu và chư tôn giáo phẩm; Ni trưởng TN. Tràng Liên được cung thỉnh vào ngôi Hòa thượng đàn đầu các đàn Tỳ kheo ni, Sa di ni, Thức xoa ma na.

Ban Tăng sự GHPGVN TP. HCM cũng cung thỉnh TT. Thích Lệ Trang đảm nhiệm đệ nhất dẫn thỉnh cùng chư tôn đức dẫn thỉnh tại các đàn tỳ kheo, sa di, đàn giới sư truyền Bồ tát giới.

Trước đó, Ban Tăng sự cũng đến chùa Huê Nghiêm (Q. 2) cung thỉnh HT. Thích Trí Quảng, Phó Chủ tịch HĐTS, Trưởng BTS GHPGVN TP. HCM đảm nhiệm Trưởng ban Tổ chức Đại giới đàn Quảng Đức.

Được biết, Đại giới đàn Quảng Đức PL.2557 có 1.580 giới tử nộp hồ sơ xin thọ giới, Ban Tổ chức sẽ tổ chức khảo thí vào ngày 5-9.

HT. Thích Thiện Duyên - Trưởng Ban HDPT TW phát biểu khai mạc buổi lễ.

HT . Thích Thiện Nhơn trao quyết định cho Hòa thượng Trưởng ban HDPT TW

Lễ Ra Mắt và Hội Nghị Ban Hướng dẫn Phật tử Trung ương

theo **giaohoiphatgiaovietnam.vn**

Nhân sự Ban HDPT TW GHPGVN nhiệm kỳ VII (2012-2017).

Sáng ngày 03/08/2013 (nhằm ngày 27/06/ năm Qúy Tỵ) tại Thiền viện Thích Quảng Đức ,Q. 3 TP. HCM, đã diễn ra lễ ra mắt và Hội nghị Ban Hướng dẫn Phật tử TW nhiệm kỳ VII (2012 - 2017). Dưới sự chứng minh của buổi lễ gồm có: HT. Thích Thiện Nhơn quyền Phó Chủ tịch Thường trực HĐTS GHPGVN, kiêm Tổng Thư ký. HT. Thích Thiện Duyên Phó Chủ tịch HĐTS GHPGVN, kiêm Trưởng ban Hướng dẫn Phật tử TW. HT. Thích Thiện Pháp Phó Tổng Thư ký, kiêm Chánh Văn phòng II TW. HT. Thích Thiện Tánh Trưởng ban Kiểm soát TW GHPGVN. HT. Thích Huệ Trí Trưởng ban Pháp chế TW GHPGVN. Đại diện chính quyền các cấp gồm có: Ông Bùi Hữu Dược Vụ trưởng vụ Tôn giáo. Ông Mai Xuân Bảy Văn phòng Ban Tôn giáo Chính phủ. Ông Trần Trung Tính Phó Chủ tịch UBMTTQVN TP. HCM. Ông Nguyễn Ngọc Phong Ủy viên Thường trực, Trưởng ban Dân vận Tôn giáo. Ngoài ra, còn có sự hiện diện chư đức Tăng Ni và gia đình Phật tử. Sau phần niệm Phật cầu gia bị, HT. Thích Thiện Duyên đọc phát biểu khai mạc hội nghị, sau đó HT. Thích Thiện Pháp đọc quyết định chuẩn y thành phần nhân sự Ban Hướng dẫn Phật tử Trung ương nhiệm kỳ VII (2012 - 2017) theo danh sách đính kèm (BHDPTTW - NKVII 2012 - 2017) gồm có 92 vị đại diện BHDPT TW. HT Phó ban đọc danh sách thành phần nhân sự Phân ban Cư sĩ Phật tử gồm có 29 vị. Quyết định Phân ban Phật tử Dân tộc TW, gồm có 37 vị. Quyết định Phân ban Thanh thiếu nhi Phật tử TW, gồm có 46 vị. Quyết định Tiểu ban Phật tử Khất sĩ TW gồm có 15 vị. Quyết định Tiểu ban Phật tử người Hoa TW gồm có 22 vị. Quyết định Tiểu ban Phật tử Nam tông Kinh TW gồm có 21 vị. Tại Đại hội đã thông qua quyết định ban hành nội quy BHDPT TW (các tiểu ban, phân ban), đồng thời thông cáo nội quy GĐPT, nội quy huynh trưởng. Ngoài ra căn cứ điều 25-26 chương V hiến chương GHPGVN, có ban hành quy chế hoạt động BHDPT TW. Hội nghị đón nhận các lẵng hoa chúc mừng đại diện các Ban – Phó ban nhận quyết định chuẩn y nhiệm kỳ VII (2012 - 2017). Phát biểu tại hội nghị ông Bùi Hữu Dược nhấn mạnh ba vấn đề: Phật tử Việt Nam đa số đã tham gia các hoạt động Phật giáo, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn trở ngại do đường sá và thời gian hạn hẹp, Phật tử khát khao giáo lý Phật đà. Bộ máy hoạt động hướng dẫn cho bà con Phật tử chưa có sự thống nhất về vùng miền, nên quan tâm nhiều hơn. Gia đình Phật tử Việt Nam (GĐPTVN), có một bộ phận chưa sinh hoạt GHPGVN, hướng dẫn Phật tử có hiểu giá trị Phật giáo đạt chuẩn mực đoàn kết, để xây dựng trên tinh thần Đạo pháp - Dân tộc Chủ nghĩa Xã hội. HT. Thích Thiện Nhơn ban đạo từ, gởi lời chúc mừng đến hội nghị, qua đó HT mong muốn BHDPT TW ngày càng phát huy tinh thần hội chúng tại gia là hàng cư sĩ có trách nhiệm hộ trì chánh Pháp, kết thúc Hội nghị BHDPT TW nhiệm kỳ VII (2012 - 2017), hứa quyết tâm hoàn thành tốt vai trò của BHDPT TW.

HT. Thiện Tâm phát biểu khai mạc.

TP.HCM: PGNT Kinh tổ chức Sinh hoạt An cư Kiết hạ và Đại lễ Vu Lan - Mùa Báo hiếu

Quang Duyên - Tấn Phát

Vừa qua, ngày 20/08/2013 tại Tổ đình Bửu Quang quận Thủ Đức TP. HCM, ngôi chùa đầu tiên của Phật giáo Nam tông Kinh đã tổ chức Sinh hoạt An cư Kiết hạ PL. 2557 - DL. 2013, đặt bát hội và Đại lễ Vu Lan thu hút gần 1.500 Tăng, ni, Phật tử tại TP. HCM và các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai, Long An, Trà Vinh tham dự.

Buổi sinh hoạt An cư Kiết hạ và Đại lễ Vu Lan, năm nay có sự tham dự của các vị Tôn túc Trưởng lão như: HT. Thích Trí Quảng - Phó Chủ tịch HĐTS - Trưởng ban Trị sự GHPGVN.TP. HCM, HT. Thích Thiện Tâm - PCT. HĐTS - Phó Bạn Trị sự GHPGVN TP. HCM, HT. Thích Hộ Chánh - Ủy viên HĐTS, TT. Thích Bửu Chánh - Ủy viên Thường trực HĐTS. GHPGVN, HT. Thích Nhựt Giác - Trưởng ban Trị sự GHPGVN Q. Thủ Đức. TT. Thích Thiện Hạnh - Ủy viên HĐTS. GHPGVN.

Đại diện chính quyền các cấp: Ông Huỳnh Ngọc Thành - Phó Giám đốc Sở nội vụ - Trưởng ban tôn giáo TP. HCM, Ông Lê Hữu Thành - Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc quận Thủ Đức, Bà Hồ Thị Hương - Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc quận Thủ Đức, Ông Đỗ Hải Bình - Chuyên viên Phòng Phật giáo – Ban Tôn giáo TP. HCM, Ông Lê Văn Quỳnh - Công an quận Thủ Đức, Ông Nguyễn Sơn Huệ - Phó Phòng Nội vụ quận Thủ Đức, Ông Phạm Hoài Anh - Chủ tịch Ủy ban phường Bình Chiểu.

Tại buổi lễ, Hòa thượng Thích Thiện Tâm đã phát biểu khai mạc. Đại đức Thích Thiện Minh, UVHĐTS GHPGVN đã báo cáo khái quát về chương trình sinh hoạt hạ của Tăng Ni trong mùa an cư năm nay. Hiện nay, Phật giáo Nam tông Kinh tại TP. HCM có khoảng 20 ngôi chùa, 150 vị tăng và 160 tu nữ. Riêng tại Tổ đình Bửu Quang năm 2013 có 40 vị tỳ kheo, sa di và 52 tu nữ tham gia An cư Kiết hạ. Thời khóa tu học của tăng chúng tại đây bao gồm: Công phu, hành thiền, học kinh tụng Pāli, học về

Tặng hoa chúc mừng.

giới Luật, học kinh Pháp Cú.

Dịp này, Hòa thượng Thích Trí Quảng đã ban đạo từ đến Tăng ni trong mùa hạ, đặc biệt, nhắc nhở tăng ni trau dồi phẩm hạnh, đạo đức, tu học tinh tấn để góp phần vào sự phát triển của Phật giáo và lợi ích cho xã hội.

Được biết, Đại giới Đàn Quảng Đức do Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam TP. HCM sẽ tổ chức tại Tổ đình Bửu Quang dành cho hệ phái Phật giáo Nam Tông Kinh, Hòa thượng Thích Thiện Tâm được cung thỉnh vào ngôi Hòa thượng đàn đầu và chư tôn giáo phẩm Hòa thượng; Thập sư đàn Sa di, HT. Thích Viên Minh được cung thỉnh vào ngôi Hòa thượng đàn đầu và chư tôn giáo phẩm. Trong kỳ Đại giới đàn này Phật giáo Nam tông Kinh có 37 tăng ni tham dự thọ giới trong Đại Giới Đàn Quảng Đức năm nay.

Tôn tượng Cố Trưởng lão thờ tại Bảo tháp Pháp Lạc

TP. HCM: Đại lễ Tiểu Tường cố Trưởng lão HT. Thích Minh Châu

PV. A Lưới

Sáng ngày 17/07 năm Quý Tỵ (23/08/2013), tại thiền viện Vạn Hạnh (Q. Phú Nhuận, TP. HCM), Trung ương GHPGVN cùng sơn môn pháp phái Tổ đình Tường Vân và Thiền viện Vạn Hạnh long trọng tổ chức Đại lễ Tiểu tường cố Trưởng lão HT. Thích Minh Châu, Phó Pháp chủ HĐCM GHPGVN, nguyên Viện Trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. HCM, nguyên Viện trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh, trụ trì Tổ đình Tường Vân (TP. Huế), viện chủ Thiền viện Vạn Hạnh, TP. HCM.

Quang lâm chứng minh và tham dự lễ tưởng niệm có: Trưởng lão Hòa thượng Thích Đức Nghiệp, Trưởng lão Hòa thượng Thích Hiển Pháp – Phó Pháp chủ HĐCM GHPGVN; HT. Thích Viên Giác - Ủy viên Thường trực HĐCM GHPGVN; HT. Thích Chơn Thiện, HT. Thích Thiện Nhơn, Hòa thượng Thích Thanh Nhiễu – Phó Chủ tịch Thường trực HĐTS GHPGVN; Hòa thượng Thích Giác Toàn, Hòa thượng Thích Thiền Tâm, Hòa thượng Thích Gia Quang, Hòa thượng Thích Quảng Tùng – Phó Chủ tịch HĐTS GHPGVN, cùng chư Tôn đức Tăng Ni lãnh đạo các ban, ngành, viện Trung ương, BTS các tỉnh, thành TP. HCM, Hà Nội, Huế, Đồng Nai, Lâm Đồng... và Tăng Ni sinh 9 khóa của Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. HCM.

Sau phần nghi lễ cúng ngọ, cung tiến Giác linh do HT. Thích Huệ Ấn làm sám chủ cùng chư Tôn đức trong Ban kinh sư đến từ TP. Huế; Hòa thượng Thích Thiện Nhơn – Quyền Phó Chủ tịch Thường trực kiêm Tổng Thư ký HĐTS GHPGVN, chư Tôn đức lãnh đạo Trung ương Giáo hội và các tỉnh, thành đã dâng hương đảnh lễ tưởng niệm trước Giác linh đài của Trưởng lão Hòa thượng, cung tuyên tiểu sử để tưởng nhớ công đức to lớn của ngài, người đã dành trọn cuộc đời để phục vụ cho Giáo hội, Đạo pháp và Dân tộc.

Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu là vị lãnh đạo cao cấp của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, một nhà giáo dục lỗi lạc, nhà dịch thuật Kinh tạng Nikaya vĩ đại, nhà nghiên cứu Phật học đã để lại nhiều tác phẩm giá trị cho hậu thế, vị thầy hướng đạo cho nhiều thế hệ Tăng Ni; đồng thời cũng là sáng lập viên tổ chức Gia đình Phật tử Việt Nam. Hôm nay, vừa tròn một năm ngài nhẹ bước lên đường về cõi Phật, nhưng gương sáng trí tuệ và tinh thần Giáo dục cho Tăng Ni Phật tử Việt Nam, tinh thần phục vụ Đạo pháp và Dân tộc suốt đời của Ngài vẫn còn mãi mãi với non sông đất nước, với GHPGVN, với Phật tử ba miền Bắc, Trung, Nam, với Tăng Ni trong và ngoài nước, với Tổ đình Tường Vân, với Thiền viện Vạn Hạnh. "Đàm hoa lạc khứ hữu dư hương".

Dịp này sơn môn cũng như môn đồ pháp quyến đã long trọng tổ chức lễ cúng dường trai diên, như một nghĩa cử cao đẹp để đền đáp thâm ân với bậc thầy khả kính của mình.

Đại lễ Chúc thọ và công bố Quyết định Nhân sự Tiểu ban Phật tử Nam tông Kinh Trung ương

PV PGNT

Sáng ngày 14/08/2013, tại Tổ đình chùa Bửu Quang, Q. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh đã long trọng cử hành Đại lễ Chúc thọ và công bố quyết định nhân sự Tiểu ban Phật tử Nam tông Kinh Trung ương.

Quang lâm chứng minh và tham dự có sự hiện diện của chư tôn giáo phẩm HT. Thích Hộ Chánh UVHĐTSTƯ, Phó ban Hướng dẫn Phật tử TƯ GHPGVN; HT. Thích Thiện Pháp UVBTS GHPGVN tỉnh Đồng Nai; HT. Thích Thiện Nhân Phó ban Thường trực BTS GHPGVN Q. 9, TP. HCM; TT. Thích Minh Hạnh, UVHĐTSTƯ GHPGVN, Phó BTS GHPGVN tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, ĐĐ. Thích Thiện Minh UVHĐTSTƯ GHPGVN, Phó Tổng Biên tập Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy; cùng chư tôn đức trụ trì và đại diện các chùa thuộc hệ phái Phật giáo Nguyên thủy Việt Nam.

Buổi lễ diễn ra trong không khí long trọng và trang nghiêm; ĐĐ. Thích Thiện Minh đại diện công bố thành phần nhân sự; HT. Thích Hộ Chánh đã trao quyết định thành phần nhân sự Tiểu ban Phật tử Nam tông Kinh Trung ương đến các thành viên.

Đồng thời, để tưởng nhớ về ân đức sâu dày của các bậc tiền bối hữu công cũng như truyền thống cao đẹp hiếu hạnh trong mùa Vu Lan BTC đã tổ chức chúc thọ đến Tăng – Ni – Phật tử lão thành hữu công.

Được biết đây là lần đầu tiên tại tổ đình Bửu Quang tổ chức chúc thọ một cách trọng thể. ĐĐ. Thích Thiện Minh, Phó Trưởng BTS GHPGVN quận Thủ Đức, Trưởng BTC cho biết; với nghĩa cử cao đẹp theo truyền thống hiếu đạo mùa Vu Lan. BTC chọn ngày mùng 08/07 âl hàng năm sẽ là ngày truyền thống để chúc thọ đến Tăng, Ni, Phật tử hữu công.

Các thành viên nhân sự trong Tiểu ban Phật tử Nam tông Kinh TW nhiệm kỳ VII

Đại diện chư hiếu tử đọc lời tác bạch

Lưu tâm việc PCCC trong mùa nhập hạ của sư sãi Khmer

Hằng năm cứ đến ngày 15-6 âm lịch, đồng bào Khmer Sóc Trăng nói riêng và đồng bào Khmer Nam Bộ nói chung lại nô nức tiến hành ngày lễ nhập hạ.

Chanh The Ry

Lễ nhập hạ có ý nghĩa rất quan trong đối với sư sãi và đồng bào Khmer, vừa nhằm mục đích cầu cho mưa thuận gió hòa, quốc thái dân an; vừa tạo thời gian để sư sãi tại các chùa của phum sóc chuyên tâm học đạo, trau dồi Phật pháp.

Theo truyền thống, trong suốt thời gian diễn ra lễ nhập hạ, tại chánh điện các chùa Khmer đều có đốt nến để các sư sãi có thể thắp sáng và học tập. Thông thường trong mỗi mùa nhập hạ, Phật tử trong phum sóc thường cúng dường cho chùa từ 30-60 cây nến, tùy vào bổn sóc dân cư nhiều hay ít. Số lượng nến nhiều, nhu cầu thắp sáng giảm (vì các chùa hiện nay đều có điện thắp sáng), thời gian nhập hạ ngắn (chỉ kéo dài 3 tháng) nên việc thắp nến cùng lúc là nguyên nhân chính của nhiều vụ hỏa hoạn khi có sự cố nến bị ngã, đổ đè lên nhau.

Rút kinh nghiệm của mùa nhập hạ những năm trước, các ngành chức năng và các chùa Khmer trong tỉnh đã tổ chức nhiều hoạt động để cho mùa nhập hạ năm 2013 được an toàn, cũng như tránh được nguy cơ hỏa hoạn trong suốt thời gian an cư.

Ngày 19-7 vừa qua, Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy (PCCC) Công an tỉnh Sóc Trăng phối hợp với Phòng Dân tộc huyện Mỹ Xuyên tổ chức buổi huấn luyện nghiệp vụ PCCC tại chùa Prek On Đơk (thuộc xã Thạnh Phú) cho 7 chùa Khmer là chùa Chroy Tưm Thmey, Chroy Tưm Kandal, Srolon, Prek On Đơk, Om Pu Yea, Prek Tro Kuon, Đay Om Pu. Tham gia buổi huấn luyện, các chùa chọn 3 sư sãi và 2 thành viên trong ban quản trị chùa. Sau buổi huấn luyện, các chùa tham gia sẽ thành lập tổ PCCC trong nhà chùa.

Cùng thời gian trên, công tác huấn luyện nghiệp

vụ PCCC cũng được tổ chức tại chùa Prasath Kong (thuộc xã Tham Đôn) với sự tham gia của 6 đơn vị chùa của huyện Mỹ Xuyên. Được biết, Mỹ Xuyên là một trong những huyện tập trung đồng bào Khmer sinh sống và cũng là huyện có số lượng chùa Khmer tập trung đông trong tỉnh với 13 chùa.

Trước đó, trong mùa nhập hạ 2012, tại Sóc Trăng đã xảy ra 3 vụ hỏa hoạn do sự cố gãy đổ nến gây thiệt hại cho 3 ngôi chùa tại 3 huyện là chùa Prasath Kong (huyện Mỹ Xuyên), chùa Bâng Kok (huyện Mỹ Tú) và chùa KosTung (huyện Cù Lao Dung).

Do vậy, việc trau dồi nghiệp vụ và huấn luyện công tác PCCC sẽ giúp cho các chùa Khmer chủ động và nâng cao ý thức về công tác PCCC tại nơi thờ tự; hạn chế đến mức thấp nhất khi có sự cố xảy ra. Đặc biệt, là khi mùa nhập hạ vừa mới bắt đầu.

TP. HCM: Đại lễ Vu Lan PL. 2557 tại Suối Tiên

Hoa Sen Gió - Tấn Phát

Ban Giám đốc KDL Suối Tiên cung thỉnh Chư Tôn đức quang lâm Long Hoa Thiên Bảo

Chư Tôn đức niệm hương tại Long Hoa Thiên Bảo

Sáng ngày 21/08/2013 (15/07 Qúy Tỵ) tại Công viên Văn hóa Du lịch Suối Tiên (quận 9) đã long trọng tổ chức Đại lễ Vu Lan theo nghi thức truyền thống Phật giáo Nam Tông dưới sự chủ tọa của TTTS. Thích Bửu Chánh - UVTT HĐTS. GHPGVN và ĐĐTS Thiện Minh Phó Tổng Biên tập Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy.

Quang lâm chứng minh có sự hiện diện của qúy chư tôn đức Tăng - Tu nữ, chính quyền sở tại cùng Ban Giám đốc Công ty Du lịch Suối Tiên. Ngoài ra, còn có sự hiện diện của qúy thiện nam tín nữ Phật tử gần xa đến chung vui lễ hội Vu Lan.

Lễ hội được tổ chức quy mô hoành tráng với sự đóng góp từ nhiều văn nghệ sĩ. Nhân dịp này, Ban Giám đốc Cty Suối Tiên đặt bát hội đến 500 vị chư Tăng - Tu nữ.

Lễ húy nhật lần thứ 29 cố Hòa thượng Tăng thống Giới Nghiêm

Võ Tấn Phát

Sáng ngày 13/8/2013, tại chùa Phật Bảo số 57 Lạc Long Quân P. 10, Q. Tân Bình, đã long trọng diễn ra lễ húy nhật lần thứ 29 của cố HT. Giới Nghiêm Tăng thống của hệ phái Nam Tông. Đến chứng minh buổi lễ gồm có: HT. Thích Viên Minh, UV HĐCM GHPGVN. HT. Thích Giác Toàn, Phó Chủ tịch HĐTS GHPGVN. HT. Thích Thiện Pháp, Phó Tổng Thư ký, kiêm Chánh Văn phòng II TW. HT. Thích Thiện Nhân, Phó ban Thường trực Ban Trị sự GHPGVN Q. 9. Ngoài ra, còn có đông đảo chư tôn HT, TT, ĐĐ Tăng, Tu nữ, Phật tử đến tham dự buổi lễ. Tại buổi lễ HT. Viên Minh đọc sơ lược về tiểu sử của cố HT. Giới Nghiêm, sau đó Đại đức Quang Minh trụ trì chùa đọc lời cảm tạ và kết thúc buổi lễ.

Thiền viện Thiện Minh tỉnh Vĩnh Long tổ chức Đại lễ Vu Lan – mùa Báo hiếu

PV PGNT

Nhân kỷ niệm Đại lễ Vu lan – mùa Báo hiếu, Thiền viện Thiện Minh tỉnh Vĩnh Long đã tổ chức khám bệnh, phát quà từ thiện do Báo Công an và các mạnh thường quân tài trợ cùng khóa tu niệm Hồng danh Phật diễn ra trong 2 ngày.

Ngày thứ nhất, 19-7 năm Quý Tỵ, tại Thiền viện chào đón đoàn y bác sĩ ở TP. HCM đến khám bệnh và phát thuốc cho 800 bệnh nhân là bà con ở xã Bình Hòa Phước dưới sự hướng dẫn của Đại đức Dược sĩ Siêu Đại. Buổi chiều, tổ chức phát quà từ thiện cho 300 hộ nghèo ở địa phương. Trong đó có 150 phần quà, mỗi phần trị giá 350 ngàn đồng do Báo Công an tài trợ. Đại diện Báo Công an là ông Trần Tử Văn, Phó Tổng Biên tập báo làm Trưởng đoàn. 150 phần do Tăng, Ni, Phật tử Tổ đình Bửu Quang (Q. Thủ Đức), Thiền viện Thiện Minh (T. Vĩnh Long) và gia đình chị Út Kiều (Quán cơm Vân Mập) tài trợ. 150 phần quà do Báo Công an tài trợ được gửi tặng cho bà con ở xã Bình Hòa Phước. Những phần quà còn lại tặng cho bà con ở xã Hòa Ninh. Các hộ nghèo trên đều do UBND xã Bình Hòa Phước và xã Hòa Ninh lựa chọn. Những người được nhận quà đều vui mừng hoan hỷ.

Buổi tối, là chương trình văn nghệ chào đón đại lễ Vu Lan - mùa Báo hiếu với vở cải lương "Quan Âm Diệu Thiện" do đoàn cải lương Thanh Nga thực hiện phục vụ cho bà con.

Sáng ngày 20-7 năm Quý Tỵ, là khóa tu thường kỳ niệm Hồng danh Phật lần thứ 32. Trong khóa tu các hành giả được nghe bài thuyết giảng của Thượng tọa Minh Đạo, Phó ban Hoằng pháp tỉnh hội Phật giáo tỉnh Vĩnh Long giảng về bao la tình cha nghĩa mẹ, giới thiệu đạo đức nhân bản của Phật giáo đến với hội chúng. Buổi chiều, trước khi hoàn mãn khóa tu, là phần tọa đàm về chủ đề "Cha Mẹ" do Đại đức Tiến sĩ Thiện Minh chủ tọa. Hội chúng được lắng nghe sự chia sẽ của HT. Chí Thành, ĐĐ. Đức Hiền, TT. Minh Đạt, ĐĐ. Siêu Hỷ nói về gương hiếu hạnh của những người con, tình cha nghĩa mẹ bao la, nghệ thuật báo hiếu trong dịp Vu Lan.

Bác sĩ khám bệnh cho bà con

Ông Trần Tử Văn - đại diện Báo Công an đang phát biểu

Phật tử đang thính Pháp

Danh Sách Ủng Hộ Tạp Chí PGNT Số 33

01	GĐ BS Phạm Lê An	20 quyển
02	PT Ngọc Hương Châu	10 quyển
03	PT Ngọc Trang Mai	10 quyển
04	GĐ Đỗ Thị Phương Loan	10 quyển
05	GĐ Trần Lê Khanh (PD Ngọc Quý)	10 quyển
06	Thích Ca Phật Đài	100 quyển
07	GĐ Huỳnh Ngọc Phượng	05 quyển
08	PT Nguyễn Phương Huỳnh	05 quyển
09	Vũ Anh Tuấn	25 quyển
10	Ngô Triệu Linh (PD. Diệu Hiền)	10 quyển
11	PT Nguyễn Viết Khôi	05 quyển
12	PT Trần Vũ Gia Hân	05 quyển
13	PT Trần Vũ Gia Phúc	05 quyển
14	Sư Giác Khoan - PV Thánh Sơn	50 quyển
15	Lê Thị Thùy Hương	50 quyển
16	Huỳnh Thị Mẫn	50 quyển
17	GĐ Nguyễn Ngọc Anh Thy	10 quyển
18	GĐ TN Quang Lộc - Hà Thế Hưng	100 quyển
19	Đạo tràng Giác Bảo Hoa	35 quyển
20	PT Thiền viện Bồ Đề - Vũng Tàu	50 quyển
21	PT chùa Bửu Quang	50 quyển
22	Cô Mai	10 quyển
23	Cô Mười Trang	10 quyển
24	PT TV Thiện Minh - Vĩnh Long	05 quyển
25	Chùa Đức Hòa - Hà Nội	05 quyển
26	TN Quang Ngữ (Trần Thị Liên)	05 quyển
27	Chùa Thanh Long - Bình Dương	05 quyển
28	Chú Hội cô Lài	30 quyển
29	GĐ Trí Thọ	25 quyển
30	GĐ Thiện Trí - Như Hạnh	10 quyển
31	GĐ Đỗ Đặng	10 quyển
32	Huỳnh Thị Thanh Hiền	25 quyển
33	Nguyễn Thị Tú Anh	10 quyển
34	Chùa Đại Lộc - Ấn Độ	05 quyển
35	GĐ Trần Thị Nga (PD Quang Nga)	100 quyển
36	TN Quang Cúc	05 quyển
37	GĐ Đăng Phước	05 quyển
38	GĐ Nguyễn Văn Ánh (Út Ánh)	05 quyển
39	Phạm Đức (tổ chức sự kiện lễ hội Đà Nẵng)	15 quyển
40	ĐĐ Siêu Đại	10 quyển
41	GĐ Quách Thị Ngọc Hà	10 quyển
42	GĐ Liễu Vân	05 quyển

kD
SINCE 1954
CỬA HÀNG NỆM MOUSSE
ANH THƯ
TRẦN THỊ NGA
Chuyên Bán Sỉ Lẻ :
Drap - Gối - Mùng - Mền - Nệm Nước - Chiếu Tre
Tủ Nhựa - Lưới - Dây Dù - Bạt - Giường - Ghế - Thảm - Simily
Đặc Biệt : Cao Su KymĐan Vạn Thành
ĐC : Số 229 Chợ A - Lê Văn Ninh - P. Linh Tây - Q. Thủ Đức
ĐT : 08.3896 8218 - DĐ : 0906.863.063 - 01219.866 591

HT
DỊCH VỤ DU LỊCH
HUỲNH THẢO
DĐ : 0908.331 243
NHẬN HỢP ĐỒNG THAM QUAN DU LỊCH
CƯỚI - HỎI - SÂN BAY
Phục Vụ Tận Tình - Chu Đáo - An Toàn
ĐC : 76/36/16, Đường 19 - KP.3 - P. Linh Chiểu - Thủ Đức

giá: 20.000 đồng